

**XUÂN TRONG CỬA THIÊN TẬP: 1, 2, & 3**  
**Thiền Viện Chơn Không**



**HT. Thanh Từ**

---o0o---

**Nguồn**

**<http://thuvienhoasen.org>**

**Chuyển sang ebook 28-7-2009**

**Người thực hiện : Nam Thiên – [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)**

**[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)**

**Mục Lục**

LỜI ĐẦU SÁCH

XUÂN TRONG CỬA THIÊN

ĐÊM TRỪ TỊCH NĂM GIÁP DẦN 1974

ĐỨC DI-LẶC QUA HÌNH ẢNH VÀ Ý NGHĨA NGÀY VÍA CỦA NGÀI

HẠT CHUỐI MỘNG, NGÀY QUA MẮT NGHIỆP THIỆN ÁC CÒN

MÙA XUÂN DI-LẶC XUÂN BÌNH THÌN 1976

ĐỨC DI-LẶC VÀ Ý NGHĨA SÁU ĐỨA BÉ

CƠN NGƯỜI HẠNH PHÚC, ĐỨC HỖ XẢ

HÒN NGỌC HỘ HÒA - TẤT NIÊN 1979

MỘT MÙA XUÂN HẠNH PHÚC

TẤT NIÊN: CÁI GÌ RỒI CŨNG ĐẾN ĐẾN RỒI QUA, QUA RỒI MẮT

NHỮNG CÁI VUI TRONG ĐẠO PHẬT

ĐÊM TRỪ TỊCH SANH TỬ SỰ ĐẠI

XUÂN TINH TẤN

TÙY DUYÊN BẤT BIẾN TẤT NIÊN NĂM QUÍ HỢI 1984

PHÁP MÔN KHÔNG HAI XUÂN GIÁP TÝ NĂM 1984

TÂM HẠNH NGƯỜI TU - TẤT NIÊN NĂM GIÁP TÝ 1985

BÌNH THƯỜNG TÂM THỊ ĐẠO - XUÂN ẤT SỬU 1985

BÀI THUYẾT PHÁP ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC PHẬT

TIN TÂM - XUÂN BÌNH DẦN 1986

PHẬT PHÁP THIẾT THỰC, HIỆN TẠI,

CHÉN TRÀ KHAI MẠC - TẤT NIÊN BÌNH DẦN 1987

SÁNG VIỆC LỚN - TẤT NIÊN BÌNH DẦN 1987

MÙA XUÂN MIÊN VIỄN

AN LẠC SAU KHI BÚNG GỐC KHÔ ĐAU

BÀI KINH BÁT-NHÃ - TẤT NIÊN ĐINH MÃO 1988

HÒA QUANG ĐỒNG TRẦN - TẤT NIÊN ĐINH MÃO 1988

TINH THÂN GIẢI THOÁT TRONG GIÁO LÝ PHẬT-ĐÀ

NHỮNG NIỀM VUI CHÂN THẬT

TIỆC TRÀ CUỐI NĂM  
TÌM LẠI MÌNH, BIẾT ĐƯỢC MÌNH LÀ TRÊN HẾT  
RA KHỎI HÀM LỬA  
NĂM KỶ TỶ NÓI CHUYỆN RẪN

---o0o---

## LỜI ĐẦU SÁCH

Chỗ cứu kính vốn không lời, hướng là có thời gian không gian. Thời gian đã không thì bốn mùa y cứ đâu mà lập. Bốn mùa đã không thì làm gì có mùa Xuân, mùa Hạ. Thế mà nói ngày Xuân, tháng Xuân, mùa Xuân là nhằm trong cửa phương tiện tương đối luận bàn. Chẳng qua vì lợi ích trên phương diện tiến tu, chúng tôi tùy tục nói chuyện đêm Trừ Tịch (giao thừa) và ngày Tết Nguyên Đán. Suu tập lại những buổi nói chuyện ngày cuối năm và đầu Xuân, kể từ khi mở khóa II học Thiền tại Tu viện Chân Không vào năm 1974 về sau. Chúng tôi để tên tập sách là XUÂN TRONG CỬA THIÊN, gọi là chút quà mọn công hiến độc giả trong những ngày Xuân.

Tuy nhiên là những buổi nói chuyện cùng một đề tài Đêm Trừ Tịch và ngày Nguyên Đán thì không sao tránh khỏi sự trùng lặp câu chuyện ý kiến của chúng tôi. Câu chuyện có thể trùng; song ý kiến chắc mỗi năm cũng có thay đổi ít nhiều. Vì vậy chúng tôi gom hết trong tập sách này. Khi đọc nếu thấy trùng lặp, mong quý vị thông cảm cho.

*THÍCH THANH TỪ*

---o0o---

## XUÂN TRONG CỬA THIÊN

Bốn mùa thay đổi muôn vật chuyển xoay, theo quan niệm người đời thì mỗi lần Đông tàn Xuân đến trong lòng rộn rã lo mừng Xuân đón Xuân. Rồi bao nhiêu tục lệ từ xưa truyền lại, nào là đưa ông táo, thiệp chúc Xuân, dựng nêu, rước ông bà, chúc Tết, lì xì v.v... Bước vào cửa Thiên, xem thử các tăng sĩ có quan niệm gì về ngày Xuân? Đây chúng ta hãy nghe Sơ tổ phái Trúc Lâm Yên Tử, Điều Ngự Giác Hoàng, nói về Xuân:

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không  
Nhất Xuân tâm sự bách hoa trung

Như kim khám phá Đông hoàng điện  
Thiền bản bồ đoàn khán trụ hồng

Dịch:

Thuở bé chưa từng rõ sắc không  
Xuân về hoa nở rộn trong lòng  
Chúa Xuân nay bị ta khám phá  
Chiếu trải giường Thiền ngắm cánh hồng.

Lúc còn thiếu niên ở trong ngôi vị sang cả của một ông Hoàng, chưa thấm nhuần mùi đạo lý, mỗi lần Xuân về trăm hoa đua nở trong vườn ngự, làm sao Ngài không lòa mắt trước những màu sắc lung linh, không băng khuâng qua những làn hương ngào ngạt. Sắc hương hương sắc quyện cả tâm hồn của ông Hoàng trẻ tuổi. Thế rồi bao nhiêu tâm sự đều gói gắm vào trăm hoa.

Nhưng khi tìm thấy được đạo, cõi bỏ mọi danh vọng tài sắc ở thế gian, cạo tóc mặc áo nhuộm, Ngài bước chân vào cửa Thiền. Gia công tu tập Ngài đã khám phá được chân lý của vũ trụ, thấy được mặt thật xưa nay của chính mình. Bây giờ Ngài không còn bị sắc hương lôi cuốn, tâm hồn lóng trong tự tại, ngồi lặng lẽ trên giường Thiền nhìn chúng nở tàn một cách an nhiên. Từ đây hoa nở hoa tàn không còn là một hình ảnh khiến tâm hồn người tăng sĩ phải vui buồn theo nó. Dòng thời gian cuộn cuộn trôi, hiện tượng trong không gian luôn luôn chuyển mình sanh diệt, song dưới con mắt một Thiền sư đạt đạo vẫn thấy có một cái gì hiện hữu thoát ngoài luật sanh diệt của thời gian không?

Chúng ta hãy nghe lời nhắn nhủ của Thiền sư Giác Hải, một Thiền sư ở đời Lý, cũng nói về Xuân:

Xuân lai hoa điệp thiện tri thì  
Hoa điệp ung tu cộng ứng kỳ  
Hoa điệp bản lai giai thị huyễn  
Mạc tu hoa điệp hướng tâm trì

Dịch:

Xuân về hoa bướm gặp nhau đây  
Hoa bướm phải cần hợp lúc này

Hoa bướm xưa nay đều là huyễn  
Giữ tâm bền chặt bướm hoa thân

Con người và muôn vật đều bị cuốn phăng theo dòng thời gian bất tận. Sự chết sống sanh diệt của người và vật đều ứng hợp theo thời tiết. Hoa nở, bướm lượn tìm hương đều lệ thuộc hẳn vào mùa Xuân. Nếu chúng ta cứ bám víu vào bản thân vào ngoại cảnh thì ôi thôi! Dòng luân hồi sanh tử lôi cuốn chúng ta không biết đến đâu cho cùng.

Chúng ta phải gan dạ nhìn thẳng vào lẽ thật của bản thân của ngoại cảnh, mới thấy chúng là tướng trạng tạm bợ vô thường, là giả hình bởi nhân duyên chung hợp. Quả thật là huyễn hóa không có một tí gì chắc thật. Chỉ chân tâm của chính mình, mới là cái chân thật bất sanh bất diệt, mà lâu nay chúng ta đã lững quên. Giờ đây, chúng ta phải quả quyết sống thật với nó, không một phút giây nào lơ lửng. Ấy là chúng ta đặt chân trên đường giải thoát, cởi bỏ sợi dây sanh tử luân hồi. Đây là lời nhắn nhủ của Thiền sư Giác Hải bảo chúng ta phải “hướng tâm trì”.

Lại một hình ảnh xinh đẹp lạ thường của một mùa Xuân bất tận, do Thiền sư Chân Không đáp lời hỏi của một thiền khách:

Xuân đến Xuân đi ngõ Xuân hết  
Hoa nở hoa tàn chỉ là Xuân.

Nhìn thời gian sanh diệt, con người mãi lo âu và tiếc nuối. Thấy Xuân đến lại nghĩ đến Xuân đi, rồi e sợ sẽ bơ vơ không còn tìm thấy mùa Xuân đâu nữa. Tâm trạng khát khao lo sợ ấy dồn dập nung nấu con người. Khiến họ khô héo chết mòn và hờ hải phập phồng cho một ngày mai. Ngày mai họ không còn biết nó ra sao mờ mịt tối tăm. Nhưng với Thiền sư, hôm nay và ngày mai đều là vô nghĩa, chúng chỉ là những chiếc áo cũ mới thay đổi trên một thân người. Nhưng đũa bé khi mặc một chiếc áo cũ thì xịu mặt xuống, được quàng chiếc áo mới thì hí hửng lên. Đây là chúng quên mình mà chỉ nhớ chiếc áo. Nếu khi chúng chỉ một bề vui buồn theo chiếc áo. Với người lớn ắt không như thế, vì tự biết đời mình đã đổi thay biết bao nhiêu lần chiếc áo. Khi thấy được lẽ thật, người ta sẽ không còn bận rộn trong hình tướng giả dối ấy nữa. Vì thế Thiền sư Chân Không đã kết luận cho chúng ta thấy bằng câu: “Hoa nở hoa tàn chỉ là Xuân.” Ấy là cái đạo miên viễn vậy.

Bước sang những Thiền sư Trung Hoa, xem quan niệm các Ngài có gì khác lạ. Đây chúng ta hãy nghe Thiền sư Cao Phong Diệu ngâm nga bốn câu thơ, trước đại chúng trong ngày Tết Nguyên Đán:

Bách niên nan ngộ tuế triều Xuân  
Xá nữ sơ trang việt dạng tân  
Duy hữu Đông thôn vương đại tả  
Y tiền mãn diện thị ai trần

Dịch:

Trăm năm khó gặp một ngày Xuân  
Trang điểm cô em vui vẻ mừng  
Chỉ một làng Đông riêng chị ở  
Như xưa trên mặt phủ bụi hồng

Mùa Xuân là mùa khí hậu ôn hòa ấm áp. Mỗi lần Xuân về trên ngàn cây muôn cỏ đều khoác vào mình một chiếc áo mới. Sự điểm trang của cảnh vật nhịp nhàng với sự điểm trang của con người. Những đứa bé gái nào là áo tím quần hồng, lược cài trâm giắt, lũ lượt kéo đi thăm viếng chúc tụng nhau. Thật là một cảnh nhộn nhịp xinh tươi của một ngày Xuân.

Nhưng trong khi con người và vạn vật đang phô diễn sắc hương, đang tung bừng chúc tụng, thì bên làng Đông một chị nàng đứng tuổi, vẫn trang nghiêm như tượng nữ thần, vẫn im lìm như hình thạch nữ để mặc cho sương pha bụi phủ, không hề vương chút đổi thay. Gương mặt của cô ta vẫn bình thản an nhiên như tự thưở nào.

Đây là một xảo thuật của Thiên sư khéo trình bày cho chúng ta thấy, bên hình ảnh biến ảo đổi thay, lại có một cái thâm trầm bất sanh bất diệt.

Đến Thiên sư Tiểu Ấn Hân, chúng ta sẽ thấy một hình ảnh sáng rõ ẩn trong hiện tượng mịt mù, diệu lý bất sanh bất diệt nằm gọn trong cảnh vật sôi động sanh diệt. Hãy nghe Ngài ngâm bài kệ này trong dịp Xuân về:

Kim cang chánh thể lộ đường đường  
Vạn tượng sum la bát-nhã quang  
Dẫn khứ lai cơ siêu đương niệm  
Vô âm dương địa lý toàn chương  
Mộc kê báo hiệu đề thâm hạng  
Thạch nữ nghinh Xuân xuất động phòng  
Cộng hỷ long hồ đa đoan khí  
Thiên phong thời tống ngự lê hương

Dịch:

Kim cang chánh thể hiện rõ ràng  
Cảnh vật muôn vàn bát-nhã quang  
Bật lối lại qua đương niệm thoát  
Âm dương đất trống lý toàn bày  
Gáy sáng gà cây trong nẻo vắng  
Mừng Xuân gái đá ra động phòng  
Đáy hồ rồng vẫy vui vô hạn  
Đưa tiễn gió Xuân một lò trầm

Trong muôn ngàn cảnh vật đã chứa sẵn thể Kim Cang Bát-nhã rực rỡ, chỉ cần dứt sạch mối manh lại qua sanh diệt thì chánh niệm hiện tiền vượt ngoài mọi đối đãi. Chính chỗ âm dương chưa phân kia, là chân lý hiện bày.

Đẹp đẽ thay trên cảnh tượng ồn náo biến động đã ngầm chứa một cái bất động, như gà gáy sáng, gái đá mừng Xuân. Rồng nhả hơi trên mặt hồ trong lặng để cùng tiếp đón một mùa Xuân. Lò trầm phun khói quyện theo mây gió làm cuộc tiễn đưa người khách Xuân vừa đến cửa.

Thật là ảo ảnh lồng trong chân thường, chân thường hiện bày trong ảo ảnh. Khiến chúng ta không còn lầm lẫn tìm kiếm chân lý ngoài sự vật vô thường, không lầm bỏ vọng tưởng mà lấy chân như. Đó là quan niệm chân chánh của Thiền sư nhìn vào cuộc đời vậy.

---o0o---

## **ĐÊM TRỪ TỊCH NĂM GIÁP DẦN 1974**

Tổng kết lại, chúng ta sống ở thời chiến tranh, mà hôm nay đến ngày Tất niên lại được sum họp ngồi tại Thiền đường âm cúng này, nói chuyện đạo. Thật là hi hữu.

Có lẽ đây cũng là một sự gia hộ của Tam Bảo, khiến chúng ta được sống trong cảnh an lành không lo sợ. Hoàn cảnh xã hội không làm chúng ta phải buồn rầu đau khổ. Nhất là Tăng Ni đã có thiện duyên chung ở tại Thiền viện để tu học thì thực là quý báu. Còn quý Phật tử nam nữ cũng vậy, tôi thấy rằng lý đáng ngày ba mươi quý vị phải ở tại nhà để rước ông bà, đoàn tụ với gia đình. Quý vị mên đạo cho đến nỗi phải hy sinh cái vui riêng của gia đình mà đến đoàn tụ ở trong đại gia đình Phật pháp như thế này, thật là hi hữu. Tinh thần đó càng đáng được khích lệ. Cho nên chúng tôi thấy rằng con đường hướng dẫn chỉ dạy đó là do Tam Bảo gia hộ khiến cho Phật pháp

được miên viễn. Nếu chúng tôi làm được việc gì gọi là hợp thời và giúp cho quý vị đường lối tu hành thì những cái đó đều là sự gia hộ của Tam Bảo hết.

Tôi thường nói với Tăng Ni câu này: Chúng ta chỉ không lo cố gắng, chớ chúng ta thật tình cố gắng tu hành, nhất là đem hết tâm tư phục vụ Phật pháp thì Tam Bảo không bao giờ bỏ quên chúng ta. Điều đó tôi tin tưởng và quả quyết như vậy. Mà chính vì điều đó nên tôi nói rằng, hiện giờ chúng ta đang ngồi nói chuyện đây Tam Bảo cũng có mặt với chúng ta, Long thiên hộ pháp không bao giờ bỏ chúng ta. Điều đó có lẽ quý vị cũng phải tin phần nào qua kinh nghiệm của tôi. Trong Thanh qui chúng tôi có đề câu: “Tăng Ni trong Thiên viện nếu hết gạo thì phải thay phiên nhau xuống núi để xin về, đi trong vòng ba ngày, nếu hết nữa thì đến người khác.” Vì sao tôi đề câu đó? - Vì tôi chủ trương rằng từ ngày tôi lập Thiên viện là tôi dứt khoát không cho Tăng Ni đi đũa đám ma và không đi dự những buổi cúng kính của Phật tử tổ chức ở nhà.

Có một số Tăng Ni nói với chúng tôi rằng: “Trong thời này mà không đi cúng thì Tăng Ni sẽ nhịn đói.” Đã nghe nói như vậy mà tôi thì quả quyết sẽ cách mạng điều đó. Vì đã giải quyết như vậy, cho nên tôi mới ghi câu đó trong Thanh qui Thiên viện. Không cho đi cúng lẽ dĩ nhiên thì người ta không cúng, người ta không cúng thì nhịn đói chớ gì? Nếu đến giờ phút chót mà hết gạo thì phải thay phiên nhau đi xin. Nhưng suốt thời gian qua, chúng tôi chưa thấy lúc nào ở trong kho hết gạo. Nếu không phải Tam Bảo gia hộ thì làm sao được như vậy. Chẳng phải do Tam Bảo gia hộ, do nhiệt tình của Phật tử thì làm sao mà có.

Vì lẽ đó, tôi tin rằng sức gia hộ của Tam Bảo rất mạnh, và lòng thành tín của Phật tử rất tốt. Cho nên chỉ lo cho Tăng Ni chúng ta thiếu đức, thiếu hạnh không cố gắng tu hành chớ đừng lo Phật tử bỏ sót chúng ta. Đó là điều tôi thường nói, thường nhắc trong giới Tăng Ni.

Bây giờ để thấy rõ rằng hôm nay là ngày cuối năm, chúng ta ai nấy nên trình bày điều thấy được, những biến động tâm tư của chính mình. Những biến động đó so lại thời quá khứ thì có thể có tiến triển, nhưng đem bì với các bậc thiện trí thức của quá khứ, thí dụ như Sư tổ hay các vị Thiên sư thuở trước thì mình vẫn phải hổ thẹn vì mình chưa được bao nhiêu.

Căn cứ trên thời gian chúng ta phân biệt mùa Đông, mùa Xuân, nên bây giờ chúng ta mới có lễ Tất niên, uống trà trừ tịch. Theo thời gian phân định là thế tục đế, chớ không phải là chân đế. Hôm nay tôi đem việc thế tục

để để nói thế tục đế, nhưng cũng là đạo lý để rồi cùng khuyên nhắc cho tất cả quý vị thấy được ý nghĩa ngày cuối năm của chúng ta nó quan trọng như thế nào. Tôi xin nhắc lại câu chuyện hôm rồi tôi có thuật lại ở Linh Quang cho quý vị nghe. Một buổi sáng sau giờ ngồi thiền, tôi xả thiền xoa bóp xong, ngồi lại một tí cho thật hết hơi nóng. Khi ấy chú thị giả lên dọn dẹp, tôi vén mùng ra hỏi chú:

- Ngày hôm qua đâu rồi?

Chú nhìn tôi không trả lời. Tôi nói tiếp:

- Tôi không muốn sống ngày nay, tôi muốn sống trở lại ngày hôm qua. Chú đem ngày hôm qua cho tôi.

Chú thị giả cũng làm thinh không trả lời được câu hỏi đó.

Một lát sau, tôi muốn dễ dàng cho chú một chút, tôi nói rằng:

- Hôm nay chú dọn chén này đĩa này, coi như chú dọn chén mới đĩa mới. Nếu bây giờ tôi đòi chú đưa chén đĩa cũ ngày hôm qua, thì chú phải làm sao?

Chú nói:

- Thì con sẽ đi đổi lại cái ngày hôm qua cho Thầy.

Tôi nói tiếp:

- Như vậy tại sao tôi không muốn sống ngày nay, tôi đòi ngày hôm qua mà chú không đổi lại cho tôi?

Chú thị giả nói:

- Ngày hôm qua là giả là mộng không thật.

Tôi tiếp: Nếu ngày hôm qua là mộng, ngày nay tôi bắt đầu sống đây, đây cũng là mộng nữa hay sao? Ngày hôm qua là mộng, ngày nay là mộng, ngày mai cũng là mộng nữa sao? Như vậy suốt đời chỉ là mộng phải vậy không?

Chúng ta cứ lần bằng râu chuỗi mộng. Một ngày qua kẽ tay rồi mất, một ngày khác qua rồi mất, mất, mất... cho tới cùng hết một râu chuỗi. Như



vậy cả cuộc đời của con người toàn là xâu chuỗi mộng không có gì khác hơn.

Hôm nay là ngày cuối năm, ngày mai là ngày đầu năm mới. Nếu chúng ta cứ cho là ngày đầu năm đó sẽ diễn tả bằng một năm mà chúng ta không bằng lòng, không vui, không ưng sống với năm đó, sống trở lui với năm cũ thì có được không?

Chắc rằng không ai trở lui lại được. Cái quá khứ đã qua, qua mắt rồi, thì cái hiện tại sắp đến đây, đến rồi cũng mất. Như vậy ba thời đều mất. Đã mất thì nó không thật. Nếu ta kiểm điểm lại kỹ từ thủy chí chung, thì đó là một dòng thời gian hư ảo không thật. Bởi không thật nên chúng ta thấy nó là mộng huyễn, qua rồi không tìm lại được. Thế mà chúng ta cứ lẫn xả người vào cái hư giả đó tưởng nó là thật. Cả một cuộc đời tạo cái này cái kia không dừng. Rồi tới phút chót, ngày mà hơi thở dứt đi chúng ta sẽ ra sao? Kiểm điểm lại mình, nhớ cuộc đời năm mươi tuổi, sáu mươi tuổi, bảy mươi tuổi đã qua. Đó là cái gì? Thực là một chuỗi mộng. Thực vậy, dòng thời gian là một xâu chuỗi mộng, không có cái gì hết. Mà kiếp sống chúng ta lại là một kiếp sống qui định bởi thời gian theo số năm sáu mươi, bảy mươi v.v... Như vậy rõ ràng thời gian không thật, nó là hư giả. Thời gian không thật thì con người chúng ta có thật hay không? Cũng không thật luôn. Nhớ năm ngoái tóc tôi bạc ít, năm nay tóc tôi đã bạc nhiều, răng tôi năm ngoái lung lay ít, năm nay lung lay thêm. Cứ như vậy, khi thời gian trôi thì bản thân chúng ta cũng bị tiêu mòn theo đó. Nếu căn cứ vào hiện tại, từ con người cho đến sự vật chung quanh mình đều theo dòng thời gian mà biến đổi, sanh diệt từ phút, từ giây, từ sát-na, không dừng lại ở đâu hết. Chúng ta thấy rõ ràng là dòng thời gian hư ảo. Nó đã chi phối hết cả cuộc sống hiện tại của chúng ta, từ thân mình cho đến ngoại cảnh. Không có cái gì không bị chi phối. Khi dòng thời gian đã hư ảo thì kiếp sống của con người cũng hư ảo, sự vật chung quanh cũng là hư ảo. Như vậy có thể kết thúc là: Chúng ta lặn bằng những xâu chuỗi mộng, những hạt chuỗi mộng. Từng tháng từng năm, chúng ta mặc chiếc áo mộng đan dệt bằng những sợi tơ mộng. Chung quanh chúng ta toàn là mộng, mà không hay. Chúng ta lỡ sống như vậy rồi mà lại đua nhau giành giật danh lợi tài sắc. Rồi trong cái mộng đó, tạo không biết bao nhiêu đau khổ huyết lệ của chúng sanh. Đó là vì chúng ta không biết cuộc đời là ảo mộng. Nếu hôm nay chúng ta thấy rằng chúng ta sống trong một chuỗi mộng, mặc với những chiếc áo mộng thì còn gì mà đắm mê tham luyến cảnh mộng ấy nữa. Thân mình và ngoại cảnh là không gian, ba thời quá khứ hiện tại vị lai là thời gian. Tất cả là một dòng mộng có gì đâu thật là mình. Lâu rồi chúng ta cứ mê lầm tưởng là thật, rồi tính thời gian để định số

tuổi, hãnh diện sống dài ngắn v.v... Lượm lặt những sự vật vô thường ở chung quanh, cho đó là sự việc của mình. Kiểm điểm lại chỉ là lần chuỗi mộng mặc áo mộng mà thôi. Đó là chỗ thấy của chúng tôi.

Nhưng mà nếu tất cả thời gian là mộng, không gian là mộng, thì rồi chúng ta chìm luôn trong mộng đó hay sao? Hay còn một cái gì nữa? Nếu chúng ta cứ thấy thời gian trôi qua là mộng, cuộc sống mình sự vật chung quanh mình cũng là mộng, thì lúc đó chúng ta sẽ đi mãi trong cái sanh diệt hư ảo mộng huyền rồi tuyệt vọng sao? Nhưng nhờ phúc duyên lành, chúng ta được đức Phật chỉ cho trong cái mộng ấy có cái không phải là mộng. Mà cái đó là cái hiện giờ chúng ta đang trở về đang theo dõi nó và tìm thấy nó, để sống với nó. Như vậy trong cái mộng chúng ta còn thấy cái không phải mộng. Thời gian không gian đều là mộng. Cái không phải là mộng đó đối với toàn thể mộng này nó có giá trị biết là bao! Vì vậy khi chúng ta thấy đang bị cái hư ảo huyền mộng chi phối thì đồng thời cũng nhận thấy chúng ta còn có cái không phải hư ảo, không phải huyền mộng luôn có mặt với chúng ta. Điều đó rất đáng mừng! Mừng cho mình, nhưng khi mừng cho mình chừng nào lại thương cho những người đang lao mình trong mộng ấy rồi tạo nghiệp ác, gây khổ đau. Thật đó là những người đáng cho chúng ta thương xót.

Vì vậy cho nên khi chúng ta nhớ đến mình biết kiếp người là ảo mộng, tìm thấy một cái gì nó thoát ra ngoài vòng ảo mộng đó, chúng ta nương tựa nó, trở về nó để được an lành. Chúng ta càng thương xót thấm thía đối với những người đang lao mình trong mộng mà tự họ không thức tỉnh. Chính cái nhìn đó mà một Thiền sư Việt Nam đã diễn đạt tâm tư bằng những câu thơ, để cho bao nhiêu nhà văn nhà thơ Việt Nam nhắc lại mãi không quên. Thiền sư Mãn Giác đã nói:

Xuân khứ bách hoa lạc  
Xuân đáo bách hoa khai  
Sự trục nhãn tiền quá  
Lão tòng đầu thượng lai  
Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận  
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Dịch:

Xuân đi trăm hoa rụng  
Xuân đến trăm hoa cười

Trước mặt việc đi mãi  
Trên đầu già đến rồi  
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết  
Đêm qua, sân trước một cành mai

Hai câu đầu thật tình diễn tả Xuân đến Xuân đi, là dòng thời gian. Hai câu kể nói bách hoa lạc, bách hoa khai là những sự vật hiện có trong không gian này. Như vậy thời gian và không gian là một dòng sinh diệt ảo mộng. Khi thời gian không gian trôi theo dòng ảo mộng đó thì con người mình như thế nào? Tức là liền thấy chính mình nhìn thời gian trôi và tưởng như mình không mắc kẹt ở trong ấy. Đâu ngờ ngó lên đầu mái tóc đã bạc phơ. Như vậy thời gian trôi đi, không gian biến đổi thì, chính mình theo đó mà đổi thật là bi đát, nếu cuộc đời chỉ có ngang chùng ấy thôi. Nhưng mà không bi đát lắm với đôi mắt của Thiền sư vì “Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận. Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.” Đừng bảo rằng mùa Xuân hết thì hoa rụng hết. Đêm qua là đêm mùa Đông vẫn còn có một cành mai nở trắng ở trước sân chùa mình. Rõ ràng trong cái tàn hoại ảo mộng còn có một cái gì thâm kín đẹp đẽ trường tồn mãi. Đó là một cành mai. Một cành mai của Thiền sư Mãn Giác tức là cái gì Phật đã nói trong kinh Lăng Nghiêm, đó là “Chân Tâm” hay là Như Lai Tạng tánh của chúng ta. Hoặc ở chỗ khác trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dụ là “Hòn ngọc quý” đang buộc trong chéo áo.

Như vậy đối với người tu, nhất là khi chúng ta hiểu được chút ít về Thiền. Nếu chúng ta sống với tâm niệm Thiền thì mới thấy rằng trong cái sanh diệt ảo mộng, còn có cái không sanh diệt lẫn trong ấy. Thế nên lòng mình được an ổn, tự tại và vui vẻ. Chỉ thấy được một tí, một khía cạnh nhỏ xíu nào của cái đó, chúng ta cũng cảm thấy có hứng khởi, một niềm vui vẻ để xóa được nỗi đau buồn, những cái tối tăm thời quá khứ. Thấy được một tí thôi mà chúng ta cũng có một niềm an lạc rồi, huống nữa là toàn thể bản tâm ấy. Nếu chúng ta thực hiện nó toàn vẹn thì đẹp biết chừng nào. Vì vậy chúng tôi tin rằng với sự cố gắng mãnh liệt của tất cả chúng ta ai nấy rồi đều có một ngày sẽ vỗ tay cười, cười quên thôi như Hòa thượng Thủy Lão. Sau khi bị một đập của Mã Tổ vào hông, Ngài cười cho đến mãn đời không thôi. Do đó cái vui trong đạo, trong cuộc đời đen tối ảo mộng đó mà mình tìm được cái gì nó thoát ra ngoài, chẳng khác nào ở trong đêm tối mà mình thấy hay nắm một ngọn đèn sáng, thật còn gì vui sướng cho bằng. Cho nên đó là nguồn vui vô tận đối với người hiểu đạo, học đạo. Cái vui đó không phải để rồi hưởng riêng mà phải ban rải cho mọi người cùng vui với chúng ta. Đó là tâm niệm triền miên của người tu hành. Nhưng muốn hưởng được mùi thơm hoa mai, cành mai của ngài Mãn Giác nói, có dễ dàng cho chúng ta hay

không, hay phải chịu cay đắng nhọc nhằn lắm mới hưởng được. Tôi xin nhắc lại bài kệ của Tổ Hoàng Bá, Ngài đã bảo: Chúng ta muốn ngửi mùi hoa mai đó phải làm sao? Ngài nói:

Trần lao quýnh thoát sự phi thường  
Hệ bả thừng đầu tổ nhất trường  
Nhược bất nhất phiên hàn triệt cốt  
Tranh đắc mai hoa phúc tử hương

Dịch:

Thoát trần việc ấy rất phi thường  
Nắm chặt đầu dây giữ lập trường  
Nếu chẳng một phen xương thắm lạnh  
Hoa mai đâu dễ ngửi mùi hương

Thật tình, khi chúng ta muốn ra khỏi vòng ảo mộng ấy, dĩ nhiên chúng ta là kẻ phi thường. Tại sao? Vì mọi người đang lao mình trong mộng mà không biết là mộng, rồi chìm đắm, rồi say sưa, rồi tạo nghiệp khổ cho nhau. Đó là người sống trong vô minh trong mờ tối. Bây giờ chúng ta đã thấy được đó là vòng vô minh, đen tối muốn thoát ra khỏi nó, thì đối với những người kia chúng ta chẳng “phi thường” là gì? Bởi muốn làm kẻ phi thường, chúng ta phải làm sao? Phải nắm vững đầu mối dây, đừng bao giờ cho nó lay chuyển lập trường của mình từ thủy chí chung. Nói từ thủy chí chung thì xa quá, tôi muốn nói lập trường của Tăng Ni hay Phật tử, kể từ khi chúng ta có được cái duyên biết đạo vị của Phật, kể từ đó cho đến bao giờ chúng ta đạt đạo mới thôi. Lập trường đó không bao giờ lay, nghĩa là nắm vững. Tôi tin rằng với lập trường đó ai nấy cũng đều ngửi được mùi thơm của hoa mai. Thế nên Ngài nói nắm vững lập trường để sau này dù gặp những cái khó khăn, khổ não, nhọc nhằn những chướng gì chúng ta cũng đều qua hết. Có qua như vậy ta mới đi đến chỗ đẹp để an lành đúng theo sở nguyện. Tức là ngửi được mùi thơm của hoa mai. Để diễn tả cái đen tối, cái khổ đau, cái chịu đựng cay đắng đó, Ngài mới nói rằng: Nếu không phải bị sương tuyết lạnh thấu xương thì làm sao có ngày ngửi được mùi thơm của hoa mai. Hình ảnh hoa mai và tuyết sương mơn ở bên ngoài, nói lên sự cay đắng khó khăn của người tu. Do sự cay đắng khó khăn đó mà chúng ta đi đến chỗ tốt cùng, nếu giữ lập trường không lay chuyển. Sau khi qua cái cay đắng tốt cùng rồi, chúng ta sẽ được cái an lành vô thượng, đó là ngửi mùi thơm của hoa mai. Thành ra hoa mai của Tổ Hoàng Bá nói cũng là hoa mai của Thiền sư Mãn Giác. Hai vị đó đều mượn hình ảnh mùa đông đen tối để

chỉ cho chúng ta rằng còn có một cành hoa mai thơm ngát mũi cuối mùa Đông. Với một cố gắng phi thường thì chắc chắn rồi ai cũng hưởng được hương vị nó. Phải gan dạ chịu qua một mùa Đông lạnh buốt mới có thể ngửi được mùi thơm của hoa mai. Vì vậy tôi có thể kết thúc câu chuyện rằng, nếu tất cả mọi người chúng ta ai nấy đều có thiện chí quyết tiến lên không mắc kẹt trong cuộc đời ảo mộng nữa, thì chúng ta phải gan dạ chịu đựng, bởi vì chúng ta đi ngược dòng sanh tử. Dòng sanh tử giống như một dòng nước lũ quá mạnh. Người nào không gan dạ không vững bền thì sẽ bị nó cuốn phăng đi. Vì vậy mỗi người phải gan dạ, vững vàng để vượt lên, đừng để cuốn đi. Như thế chúng ta mới có thể ra khỏi dòng nước lũ đó. Đó là chỗ thiết yếu mà mọi người chúng ta, xuất gia cũng như tại gia, muốn đi ngược dòng đời ảo mộng của thời gian, không gian đều phải cố gắng.

Tóm lại, tôi đã kết thúc bằng một đáp số rõ ràng cho quý vị thấy cuộc đời tu hành của chúng ta là phải như vậy.

---o0o---

## **ĐỨC DI-LẶC QUA HÌNH ẢNH VÀ Ý NGHĨA NGÀY VÍA CỦA NGÀI**

Trong chùa tất cả những hình thức thờ phụng cũng như mọi nghi lễ đều có ý nghĩa rõ ràng, nhưng vì lâu rồi chúng ta nặng về phần tín ngưỡng, nên không xét kỹ ý nghĩa. Vì vậy đi chùa rất lâu thờ Phật quá nhiều; mà tự mình không biết ông Phật đó là thế nào? Tại sao ngày đó mình phải lễ Ngài?

Hôm nay nhân ngày đầu năm, đúng là ngày vía của đức Phật Di-lặc, và lúc này chúng ta lễ Phật gọi là lễ vía đức Di-lặc. Chúng ta phải biết ý nghĩa ngày vía của Ngài thì việc lễ của chúng ta mới có giá trị thật. Vì sợ quý Phật tử không hiểu lễ đó, cũng như chư tăng trong chùa, nhiều khi không có thời giờ nghiên cứu rõ ràng, cho nên hôm nay sẵn đây tôi nói ý nghĩa về đức Phật Di-lặc để quý vị tìm hiểu, coi như lời chúc Tết đầu năm của tôi.

Nói về đức Phật Di-lặc chắc rằng đại đa số quý vị đều nhớ đến hình tượng của một ông Phật ngồi phạch ngực, mập, bụng to và miệng cười toe toét. Có khi quý vị thấy bên cạnh Ngài có 6 đứa con nít, đứa thì móc lỗ tai, đứa thì móc miệng, đứa thì thọc lét v.v... Những hình tượng đó như là một trò đùa. Mình không biết tại sao lại có chuyện đùa ở trong chùa như vậy. Đó là ý nghĩa chúng ta cần phải biết. Nói đến đức Di-lặc chúng tôi phải khảo lịch sử từ Ấn Độ sang Trung Hoa để quý vị khỏi lầm lẫn. Nhiều tà thuyết bây

giờ dựng đức Phật Di-lặc làm chỗ tiêu chuẩn để họ lòi cuốn Phật tử. Đức Phật Di-lặc là tên dịch của thuở xưa. Sau này có dịch ra nhiều tên khác nhưng vì chúng ta đã quen kêu là đức Phật Di-lặc.

Chữ Di-lặc là phiên âm tiếng Phạn, Tàu dịch là Từ Thị (Thị là họ, Từ là từ bi). Có thuyết nói rằng khi bà mẹ của Ngài mang thai Ngài, khởi lòng thương không nở giết hại chúng sanh và không ăn thịt cá được cho nên nói là “Từ”. Vì Ngài sanh nơi bà mẹ đó cho nên gọi là Từ Thị. Nhưng có thuyết lại nói khác hơn. Vì thuở xưa Ngài tu về từ bi tam-muội cho nên sau này có tên là Từ Thị. Nhưng tên Ngài là A-dật-đa cũng là tiếng Phạn dịch âm. Dịch theo chữ Tàu là Vô Nan Thắng (Vô là không, Nan là khó) tức là không có thể nào hơn được. Đối với Ngài về trí tuệ và hạnh tu ít người hơn được, nên có tên Vô Nan Thắng. Đó là nói về đức Phật theo thói quen của chúng ta. Nếu nói theo kinh thì gọi là Bồ-tát Di-lặc. Hồi đức Phật còn tại thế, Bồ-tát Di-lặc là một người có lịch sử sanh ở miền Nam Thiên Trúc, ở trong dòng Bà-la-môn. Sau gặp Phật, Ngài xuất gia, tu theo hạnh Bồ-tát. Đó là hình ảnh thật có lịch sử rõ ràng ở Nam Thiên Trúc.

Khảo nhiều kinh, trước hết tôi dẫn kinh A-hàm. Trường A-hàm có nói thế này: Đức Phật dạy rằng sau này ở cõi Ta-bà, tâm con người càng ngày càng ác, mười nghiệp thiện họ bỏ qua mà luôn tạo nhiều nghiệp ác. Cho đến bao giờ họ quý mười nghiệp ác cũng như thuở xưa quý trọng mười nghiệp thiện và tuổi thọ chúng sanh giảm xuống đến cuối cùng còn mười tuổi thì đức Phật Di-lặc ra đời. Khi nghiệp ác nhiều thì tuổi thọ theo đó mà giảm. Bao giờ tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi, cũng như bây giờ tuổi thọ chúng ta coi là một trăm tuổi vậy, thì lúc đó thế giới sẽ có những tai nạn đao binh. Đao binh ở đây không phải là người ta giết chết nhau, mà chính những lá cây cỏ cũng có thể biến thành gươm bén. Chúng ta bị chặt bị cắt mà chết. Qua tai nạn đao binh đó tới tai nạn tật dịch tức là đau ốm bệnh dịch. Vì vậy đại đa số dân chúng trên thế giới này chết mòn chỉ còn sót lại một ít người tu hành ẩn trên núi trên non. Họ còn sống thừa lại. Khi họ sống qua cái thời gian chết đó rồi, họ tìm thấy bà con dòng họ của họ chết hết, chỉ còn sót lại lựa thừa vài người, lúc đó, họ mới biết rằng từ hồi đó tới giờ dòng họ mình làm điều ác, bây giờ mới bị quả báo chết như vậy. Cho nên họ nỗ lực tu mười điều thiện lại. Khi bắt đầu tu mười điều lành thì tuổi thọ họ tăng, cứ một trăm năm thì tăng lên một tuổi. Đến bao giờ tuổi thọ lên đến sáu mươi bốn ngàn tuổi, lúc đó dân chúng đông đảo thuận hậu, làm lành thì Phật ra đời ở dưới cội cây Long Hoa gọi là hội Long Hoa. Như vậy quý vị tưởng tượng bây giờ chúng ta đang ở cái mức tám mươi tuổi thọ mà cứ một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm tới còn mười tuổi, rồi tăng lên cho đến sáu mươi

bốn ngàn tuổi, thì thời gian từ đây cho tới đó còn bao xa? Theo sách Phật thì khi Phật Thích-ca nhập diệt thì đức Di-lặc cũng nhập Niết-bàn. Ngài sanh lên cung trời Đâu-suất ở trong nội điện sống bốn ngàn tuổi. Sau đó Ngài mới sanh trong thế giới Ta-bà, thành đạo dưới cội cây Long Hoa giáo hóa chúng sanh kế tiếp đức Phật Thích-ca. Vậy tưởng chừng bao lâu Phật Di-lặc ra đời? Vậy mà có một số người nghe trong kinh nói đức Phật Di-lặc ra đời nghe nói hội Long Hoa, rồi họ bịa ra ít bữa đức Phật Di-lặc ra đời, vài bữa hội Long Hoa đến v.v... Đó là những tà thuyết để lừa bịp những Phật tử học mà không hiểu Phật pháp, lại có người tự xưng là Phật Di-lặc hoặc tự cổ động rằng mình sẽ chờ đón đức Phật Di-lặc. Quý vị xét, nếu chúng ta tin đức Phật Di-lặc chỉ còn một phen bồ xứ lên cung trời Đâu-suất, sau này hạ sanh ở thế giới Ta-bà thành Phật, nếu tin lời Phật Thích-ca nói trong kinh thì chúng ta phải tin luôn thời gian đã định ngày Phật ra đời. Chúng ta tin đức Phật Di-lặc, có hội Long Hoa mà quên thời gian đó. Rồi cứ hờ hững, cứ nghe ai nói đức Phật Di-lặc ra đời thì vội vàng chạy tới đánh lễ mong cầu v.v... Đó là cái sai lầm quá lớn để những tà thuyết lợi dụng danh từ Phật giáo tuyên truyền mê tín dị đoan. Người Phật tử chân chánh phải hiểu rõ điều đó. Đó là tôi khảo về lịch sử từ những bộ kinh gọi là Di-lặc thượng sanh, Di-lặc hạ sanh và Di-lặc bản nguyện. Những kinh đó đều do đức Phật Thích-ca nói ra. Coi kỹ những bộ kinh đó rồi, chúng ta biết rõ lịch sử đức Di-lặc, vậy đừng nghe lời của một số người bàn tán, dựng lên những điều sai lầm. Đó là chúng tôi nói về đức Phật Di-lặc ở Ấn Độ.

Bây giờ nói tới đức Phật Di-lặc ở Trung Hoa. Đức Di-lặc sang Trung Hoa hồi lúc nào? Thật ra nếu căn cứ theo hình tượng chúng ta thờ thì không có hình tượng của đức Bồ-tát ở Ấn Độ, mà là hình tượng đức Di-lặc ở Trung Hoa. Đó là một ông già bụng phệ lùn mập, như vậy là đức Di-lặc ở Trung Hoa chứ không phải ở Ấn Độ. Di-lặc ở Trung Hoa ra đời lúc nào? Điều đó chúng ta phải khảo lại. Có nhiều thuyết nói đức Di-lặc hiện giờ đang ở trên cung trời Đâu-suất. Ngài chưa tới thời kỳ giáo hóa chúng sanh ở thế giới này. Nhưng với tinh thần người hiểu Phật giáo Đại thừa thì Bồ-tát có báo thân, ứng thân và nhất là hóa thân. Tùy căn cơ chúng sanh mà các ngài ứng hóa vô lượng thân không thể lường được. Cho nên sử Trung Hoa có kể mà tôi nhớ đại khái có hai hóa thân của Bồ-tát Di-lặc. Một hóa thân gọi là Ngài Tăng Can ở gần chùa Quốc Thanh đời nhà Tùy, tức là ở khoảng thế kỷ thứ sáu. Nói rằng Ngài có một cái am gần chùa Quốc Thanh và đi thuyết giáo nơi này nơi nọ. Có lần lúc Ngài cỡi cọt về, chúng trong chùa thấy hoảng kinh. Khi đến khi đi không ai lường được. Có lần Ngài ôm về một đứa bé gởi trong chùa đặt tên là Thập Đắc. Thỉnh thoảng có một ông ăn mặc rách rưới ở trong núi lạnh đi ra, tuyết phủ đầy mình gọi là Hàn Sơn. Hàn Sơn và

Thập Đắc được coi như là hai người ăn mày trong chùa. Các ngài là hai vị hóa ra ăn mặc rách rưới ngủ ngoài hành lang. Tới bữa ăn thì đợi chúng ăn xong hết, còn những thừa cặn gì đó ngài trút lại dùng. Có khi các ngài còn lượm cơm dưới sàn nước, rửa lại mà ăn. Chúng trong chùa coi các ngài như hai kẻ ăn mày không kém, nhưng mà có cái lạ là nhiều khi hai ngài hứng làm thơ. Những bài thơ của các ngài không ai hiểu gì hết. Một hôm bất chợt, sau một bữa trưa chúng tăng nghỉ hết, hai ngài trèo lên cổ của ngài Văn-thù và ngài Phổ Hiền ngồi. Một ông tăng ở dưới tầng xá thành linh đi lên, thấy như vậy ngạc nhiên quá mới chạy đi báo cho ông trụ trì hay. Ông trụ trì lôi hai ông xuống rầy quở đủ thứ hết. Hai vị đó là bạn thân của ngài Tăng Can. Ngài Tăng Can tịch rồi. Một hôm ông chủ huyện có bệnh nan y, ông nằm chiêm bao thấy ngài Tăng Can tự xưng là đức Di-Lặc bảo ông đến đánh lễ Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và chỉ cho ông một phương thuốc uống hết bệnh. Muốn đánh lễ hai vị đó thì vào chùa Quốc Thanh hỏi tên Hàn Sơn, Thập Đắc vì đó là Bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền. Ông huyện đó theo lời chỉ tìm thuốc uống lành bệnh, mới tìm đến chùa Quốc Thanh để gặp hai vị Hàn Sơn, Thập Đắc. Khi đó ông trụ trì thấy ông huyện tới hỏi hai chú ăn mày trong chùa thì ông ngại quá không muốn kêu. Nhưng ông huyện cho biết ông mong mới gặp hai vị đó. Buộc lòng ông trụ trì mời hai vị ra. Hai vị nắm tay đi ra. Vừa thấy hai vị ông huyện quì mọp xuống lạy. Hai vị mới cười và nói: “Cái lão Tăng Can bày đặt làm cho ta phải bại lộ rồi.” Hai Ngài, công nhau chạy tuốt vô rừng mát. Do đó mới biết hai vị là hiện thân của Văn-thù, Phổ Hiền, còn ngài Tăng Can là hiện thân của đức Di-lặc. Nhưng biết thì chuyện đã rồi, không ai ngờ để đánh lễ các ngài được hết.

Một vị khác vào thế kỷ thứ mười đời Ngũ đại ở Trung Hoa gọi là Bồ Đại Hòa thượng. Vị đó gần gũi chúng ta nhất, tức là ông già quảy cái dây to tướng, mặt tròn, miệng cười, bụng phệ, áo phạch ngực. Ngài Bồ Đại Hòa thượng lúc nào cũng quảy một túi lớn, đi trong nhân gian gặp chỗ nào có cái gì, Ngài xin bỏ vô đây. Đến chỗ có con nít đông, Ngài ngồi xuống phân chia cho chúng nó, vui chơi với chúng nó. Cho nên người ta thấy miệng Ngài lúc nào cũng cười vui vẻ thích thú. Đó là hình ảnh đức Di-lặc, một vị Hòa thượng bụng lớn, mập, miệng cười toe toét.

Tại sao gọi ngài Bồ Đại Hòa thượng là Di-lặc?

Nói rằng Ngài đi xin như vậy có nhiều chuyện xảy ra cho Ngài lạ lắm. Trong sử có nói đủ, ở đây tôi chỉ lược vài điểm thiết yếu cho quý vị biết mà thôi. Ngài đi xin và sống một thời gian như vậy ở tỉnh Minh Châu. Tại đó Ngài lang thang nơi này nơi nọ. Thời đó là thời Thiên Tông còn thịnh



hành ở Trung Hoa. Một hôm Hòa thượng Thảo Đường gặp Ngài hỏi: “Đại ý Phật pháp thế nào?” Đang quảy bị trên vai Ngài liền để xuống. Vị Hòa thượng hỏi thêm: “Chỉ có thể thôi hay có con đường tiến lên?” Ngài mang cái bị để lên vai và đi. Đó là câu trả lời của Ngài.

Trong lịch sử Thiền tông, cũng câu hỏi đó, Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền đem ra hỏi Tổ Hoàng Bá liền bị ăn gậy. Ở đây ngài Bồ Đại Hòa thượng đối với câu hỏi đó, Ngài chỉ buông cái bị xuống đất. Hỏi có con đường tiến lên nữa không, Ngài mang bị lên vai đi tuốt. Những hình ảnh đó là thế nào? Như vậy mà người ta vẫn chưa biết thế nào, tung tích ra sao? Nhưng một hôm Ngài sắp thị tịch, mới trở về chùa. Ngồi bên bàn thạch Ngài làm một bài kệ rồi tịch. Bài kệ đó như thế này:

Di-lặc chân Di-lặc  
Phân thân thiên bách ức  
Thời thời thị thời nhân  
Thời nhân tự bất thức

Ngài nói rằng: Di-lặc thật Di-lặc. Phân thân trong muôn ức. Thường thường chỉ dạy người đời. Người đời tự không biết. Nhờ bài kệ đó mà người ta mới biết Bồ Đại Hòa thượng là hóa thân của đức Di-lặc. Vì vậy muốn vẽ hình đức Di-lặc người ta liền vẽ hình Bồ Đại Hòa thượng. Đó là đức Di-lặc ở Trung Hoa. Bây giờ chúng ta thờ phượng là thờ hình ảnh đức Phật đó. Chớ đức Bồ-tát Di-lặc ở Ấn Độ thì mình không biết. Còn đức Di-lặc ở cung trời Đâu-suất lại càng không biết hơn nữa. Chúng ta chỉ biết Di-lặc hóa thân ở Trung Hoa với một hình tượng là Bồ Đại Hòa thượng. Đó là phần khảo về lịch sử.

Đây mới nói về ý nghĩa đức Phật Di-lặc, ngày vía mừng một Tết. Ngày vía này là ngày vía gì của đức Di-lặc. Ở Ấn Độ thì không biết ngày nào, ở Trung Hoa hóa thân hai, ba đời, cũng không biết ngày nào. Nói ở cung trời Đâu-suất lại càng không biết hơn nữa.

Như vậy ngày vía này là ngày vía gì?

Chúng ta đừng nghĩ rằng phải đợi có ngày sanh ngày tịch mới gọi là ngày vía. Đây là ý nghĩa thâm sâu trong nhà Thiền. Các Tổ đã khéo léo chọn ngày mừng một Tết làm ngày vía đức Phật Di-lặc. Chúng ta lạy Ngài với câu: Long Hoa Giáo Chủ đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật. Chư Tổ thấy thế gian xem ngày mừng một Tết là ngày định đoạt của suốt một năm. Ngày này mọi người dè dặt từng lời nói, dè dặt từng hành động, dè dặt từng tên

người đến thăm mình, dè dặt đủ thứ chuyện. Như vậy ngày mừng một Tết là ngày đầy đủ ý nghĩa của tương lai mình. Trong nhà chùa ngày mừng một Tết có ý nghĩa gì? Các Tổ lấy ngày mừng một Tết làm ngày vía đức Phật Di-lặc cũng là ngày tương lai rục rờ, ngày tương lai sẽ thành Phật. Sáng mông một chúng ta lạy Phật, lạy vía đức Di-lặc, là đặt hết cả niềm hy vọng vào tương lai, hy vọng chúng ta sẽ thành Phật. Không hy vọng giàu có sang trọng gì mà chỉ hy vọng sẽ thành Phật. Đó là ý nghĩa sâu đậm nhất của ngày mừng một Tết để chúng ta lễ đức Phật Di-lặc.

Ý nghĩa thứ hai là hình ảnh vui cười của đức Di-lặc. Đó là hình ảnh hạnh phúc. Vì vậy có chỗ thay vì để danh từ Di-lặc lại để một con người hạnh phúc.

Tại sao là con người hạnh phúc? Tới đây tôi bước sang giai đoạn sâu của Thiền tông.

Hỏi: Thế nào là đại ý Phật pháp?

- Ngài quăng cái bị xuống mà không trả lời gì hết.

Hỏi: Có con đường tiến lên không?

- Ngài quảy bị lên vai mà đi.

Đại ý Phật pháp không có gì lạ. Nói thẳng e quý vị phiền, mà không nói e cho rằng giấu giếm.

Đại ý Phật pháp chỉ có một chữ xả là được. Chấp tức là chấp mình chấp người nhân, ngã, Phật pháp, quyền thế, danh vọng v.v... Như vậy cái mà buông tất cả đó là đại ý Phật pháp. Nói như vậy đó e quý vị khó hiểu.

Tôi nói câu chuyện hơi bình dân một chút mà không kém quan trọng. Tổ Hoàng Bá thấy Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền, một vị Thiền sư cao nhất trong nhà Thiền, giữa quãng đời Đường. Ngài dạy rằng, chỉ cần có một hạnh bố thí là đầy đủ tất cả. Bố thí là cho món này món kia, tức xả hay buông bỏ. Chỉ có một hạnh xả là đầy đủ tất cả. Nói về hạnh tu Sư thúc, Sư bá mình, Ngài phê bình rằng: Trong hàng đệ tử của Mã Tổ, trên tám mươi vị Thiện tri thức, nhưng mà khi nói đến người tiêu chảy, hay nói quê mùa hơn một chút là nếu nói đến con người ỉa chảy, thì chỉ có Hòa thượng Qui Tông là con người ỉa chảy đầy đất. Nói đến ỉa chảy quý vị đừng nghĩ theo lối quê mùa của mình,

đó là xả tất cả. Chỉ có Hòa thượng Qui Tông là con người xả được tất cả. Con người xả là con người đáng quý hơn hết.

Như vậy quý vị thấy rõ ràng xả là một pháp khiến cho người đạt đến viên mãn trong đạo, nếu nói theo Thiền tông. Vì vậy sau khi Ngài buông cái túi xuống rồi, hỏi còn có gì nữa không thì, Ngài quảy túi lên vai. Tới đó đừng tưởng rằng hết rồi, mình tưởng không còn gì nữa. Chính buông hết rồi, mình mới được một quảy lên vai tự tại. Cho nên nhà chùa có câu “Bỏ tất cả là được tất cả”. Nhưng nói bỏ tất cả để được tất cả thì mình còn tham quá. Bây giờ chỉ cần bỏ tất cả vậy là đủ rồi. Chính cái hạnh xả đó là chỗ rất sâu và đưa chúng ta tới chỗ cao siêu của người giải thoát. Vì vậy trong nhà Thiền tông nói ta không có một pháp dạy người mà chỉ tùy phương tiện nhỏ đĩnh tháo chột thôi. Nhỏ đĩnh tháo chột là xả, là phá chấp. Xả được là xong việc.

Đến đây tôi đi sang giáo lý để quý vị dễ thấy dễ tu hơn. Nói đến xả là nói đến hạnh phúc cho nên quý vị nghe danh từ thường dùng nhất là Hỷ Xả. Hai cái đó cái nào là nhân cái nào là quả. Có thể nói hỷ là nhân, xả là quả, cũng có thể nói ngược lại xả là nhân hỷ là quả. Tại sao vậy? Như hằng ngày có vị nào làm phật lòng mình một chút khiến mình bực bội. Khi bực bội thì không vui. Giờ đây người đó xin lỗi mình, mình liền vui vẻ mới tha được. Còn giận thì không tha được. Trường hợp hỷ là nhân, xả là quả. Vui vẻ mà tha thứ cho họ, như vậy mới là ổn. Giận không thể tha thứ được. Trường hợp đó hỷ là nhân. Bởi vì mình vui nên mình mới xả, mới được cái quả xả. Nhưng ở đây nói con người hạnh phúc đó phần lớn xả là nhân hỷ là quả. Bởi vì chúng ta có xả được chúng ta mới vui. Nếu chúng ta không xả được thì chúng ta không bao giờ vui được. Tôi nói một việc hết sức là tầm thường, như trong gia đình quý đạo hữu, người chồng làm phật ý người vợ, trong lúc phật ý thấy nhau có vui không? Không nói chuyện nhau, không nhìn mặt nhau. Bao giờ xả được thì lúc đó mới vui vẻ nói chuyện được. Như vậy trường hợp đó do xả mà được vui. Nếu không xả thì không vui. Đó là thí dụ nhỏ, tôi thí dụ rộng hơn. Trường hợp chúng ta đối với người ngoài đời hay bè bạn, nếu họ có hành động hiếp mình hoặc có lời nói cao hơn mình. Lúc đó mình làm sao? Mình về mình có an ổn được không? Không vui đó là tại sao? Tại nhớ ông đó nói gác mình, hoặc ăn hiếp mình, ông ý mạnh hiếp yếu. Khi nghĩ như vậy thì về nhà ngủ không được, lăn lộn hoài nằm không yên. Muốn được ngủ yên phải làm sao? Nếu mình còn nghĩ rằng người ta ăn hiếp mình, người ta gác mình. Lúc đó mình có cảm thấy vui vẻ hạnh phúc hay không? Chắc không bao giờ có hạnh phúc được hết. Lúc đó mình sống ở trong phiền não ở trong tam độc chứ không có hạnh phúc. Bây giờ người

nào mà bỏ được cái đó thật là hạnh phúc. Vì vậy hồi đức Phật còn tại thế, một hôm Ngài đi khát thực ở vùng Bà-la-môn, vị lãnh tụ Bà-la-môn nổi tức đi theo Ngài. Ngài đi trước ông đi theo sau mắng. Ông mắng bao nhiêu mắng Ngài cứ chậm rãi đi. Đi tới ngã tư đường Ngài trải tọa cụ ngồi. Ông chạy tới trước mặt hỏi: “Ngài thua tôi chưa?” Ngài liền đáp bằng một bài kệ:

Người hơn thì thêm oán  
Kẻ thua ngủ không yên  
Hơn thua hai đều xả  
Ấy được an ổn ngủ

Hơn người thì người tức nên oán. Mà người ta oán mình có vui hay không? Thua người về ngủ không được nằm lăn qua trở lại hoài. Như vậy cả hai đều là cội gốc của đau khổ, của phiền não. Thành ra cái hơn cái thua hai cái bỏ phẳng đi thì người đó được an ổn ngủ. Tới đến thì nằm xuôi căng ngủ khò, không lo không tính, không phiền muộn gì hết.

Đó là người hạnh phúc. Hạnh phúc từ đâu mà có? Từ cái xả mà có, chứ chúng ta cứ ôm ấp phiền não trong lòng hoài thì làm sao mà hạnh phúc được. Quý vị nhớ, nếu trong gia đình chúng ta không xả được cứ giận vợ giận con hoài thì cũng không vui. Ra ngoài xã hội cứ nhớ người này ăn hiếp mình, người kia nói gác mình, người nọ khinh mình, gì gì đó, người ôm trong lòng cả bụng như vậy thì người đó lúc nào cũng đau khổ, lúc nào cũng là phiền não hết. Chỉ người nào nghĩ nói gác mình như gió thổi ngoài tai, rồi ngủ khò không thèm nhớ, thì đó là hạnh phúc chớ gì. Người nào mà trong nhà cũng như ở ngoài gặp cái gì phật ý, xem đó như là lỗi lầm của người không gì quan trọng hết, không có gì phải phiền muộn, người được như vậy mới là con người hạnh phúc.

Đầu năm, chúng ta quen chúc cho nhau, một năm đầy hạnh phúc. Chúc hạnh phúc mà cứ phiền giận hoài thì làm sao mà hạnh phúc được. Như vậy chỉ là một cái chúc suông.

Ở đây tôi không chúc gì cho quý vị hết mà chỉ khuyên: “Năm nay tập tiêu chầy kha khá một chút” chừng nào quý vị tiêu chầy được như ngài Qui Tông lúc đó quý vị sẽ tràn trề hạnh phúc.

Đó là tôi chỉ nói hạnh phúc nho nhỏ của thế gian. Còn nếu nói đến hạnh phúc cao siêu hơn nữa, tức là đạt đến cứu kính giải thoát thì trong kinh cũng dạy chúng ta đừng chấp cảnh, chấp người, đừng chấp tâm, đừng chấp pháp. Nếu chúng ta buông hết những cái chấp đó thì Niết-bàn hiện tại, vĩnh

viễn hạnh phúc. Không chấp tức là xả. Xả được mới thật là viễn hạnh phúc. Vì vậy nói tới đức Di-lặc là nói tới hạnh hỷ xả nên người Trung Hoa tượng trưng Ngài bằng hình ảnh ngài Bồ Đại Hòa thượng, một hình ảnh vui vẻ tươi cười lúc nào cũng sẵn sàng hỷ xả.

Vậy năm nay quý vị lễ đức Phật Di-lặc là nhớ đến hạnh hỷ xả của Ngài, nhớ đến cái miệng vui cười hạnh phúc của Ngài. Nếu quý vị sống được cái hạnh phúc đó thì quý vị chẳng những hạnh phúc ở hiện tại mà hạnh phúc viễn viễn của người vào Niết-bàn.

Đó là ý nghĩa đức Di-lặc mà hôm nay chúng tôi nói.

NAM-MÔ BỒN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

---o0o---

## **HẠT CHUỐI MỘNG, NGÀY QUA MẮT NGHIỆP THIỆN ÁC CÒN**

TẤT NIÊN ÁT MÃO 1975

Chúng tôi thường nói với quý vị mỗi một ngày qua là lần đi một hạt chuỗi, rồi ngày khác tới là lần đi một hạt chuỗi. Như vậy hôm nay là cuối năm Ất Mão. Chúng ta đã lần được bao nhiêu hạt chuỗi rồi? Tức là lần hết ba trăm năm mươi mấy hạt. Vì tháng thiếu nên không đủ ba trăm sáu mươi mà chỉ có ba trăm năm mươi mấy hạt chuỗi. Quý vị thấy mấy hạt chuỗi lần qua rồi, nó còn hay không? Tất cả quý vị nhớ ôn lại xem, từ đầu năm chúng ta đón Giao thừa, lễ Phật ngày mùng một Tết. Giờ đây đón giao thừa nữa, như ba trăm năm mươi mấy ngày qua kiểm điểm lại đối với chúng ta nó còn hay không? Tất cả những ai muốn ôn lại thì chỉ còn nhớ mang máng ở trong ký ức của mình, chứ thực tế thì không còn, chỉ thấy hiện giờ. Mà bao nhiêu ngày qua rồi mất như vậy, tất cả qua rồi mất hay còn cái gì?

Tuy nhiên ngày qua chúng ta tìm lại không được, chẳng khác những hạt chuỗi mộng chúng ta lần qua rồi mất không còn tìm lại được hạt nào. Nhưng mà trong ba trăm năm mươi mấy ngày qua chúng ta đã gây những hận thù; đã vay nợ tiền bạc của những kẻ khác. Đến ngày chót của một năm và ngày mai sang năm mới, những oán thù đó, tiền bạc của cải ta vay mượn đó có phải trả hay không? Tuy mấy trăm ngày qua chúng ta tìm lại không được, nhưng những cái gì chúng ta đã tạo, hoặc là vay mượn tiền bạc của cải

hoặc là gây oán thù với kẻ này người nọ, sang năm những cái đó có mất chưa? Hay là người ta sẽ đem hận khác trả lại cho mình. Như vậy chúng ta thấy nếu một năm qua, ngày tháng trôi qua nó không dừng lại, nhưng những cái vay mượn, cái hận thù, chúng ta đã gây thì năm mới khó mà mất. Hoặc ngược lại, nếu một năm qua chúng ta đã cho người vay mượn hoặc chúng ta gieo công đức với những người chung quanh, sang năm tới, những người đó có trả hay là quên ân đức chúng ta đã gieo? Chắc chắn không quên. Như vậy quý vị thấy mỗi ngày qua rồi mất, nhưng nghiệp chúng ta đã tạo hoặc thiện hoặc ác chưa mất hẳn. Đó là nhìn ngay hiện tại thực tế cuộc sống sanh diệt của chúng ta. Thời gian trôi qua không dừng, nhưng việc thiện ác gây ra rồi cũng khó mà mất.

Người Phật tử tu hành trên phương diện sơ cơ, chúng ta phải nghĩ đến ngày qua không tìm lại được những việc lành việc dữ ngày đó không mất. Dù có trải qua mười năm, hai mươi, ba mươi năm rồi năm bảy mươi năm đến ngày chúng ta ra đi, tức là cái phút chót bỏ thân tiền âm sang thân trung âm tới thân hậu âm, nghiệp thiện ác hãy còn. Nếu kiểm điểm lại năm sáu mươi năm đã sống, thời gian năm sáu mươi năm đã trôi qua không tìm lại được. Cũng như hôm nay đến giao thừa, nhìn lại ba trăm năm mươi mấy ngày trôi qua chúng ta không vớt lại được ngày nào hết. Khi chúng ta sắp hấp hối bỏ thân này để sang thân khác, giờ phút ấy cũng như đêm giao thừa này, tất cả cái gì trong một đời chúng ta đã sống năm bảy mươi năm đã mất, nhưng việc thiện ác chúng ta không phải là tiêu hẳn. Vào giờ phút ra đi chúng ta không tìm được thời gian đã sống qua, những việc đã tạo nếu là việc dữ sẽ hướng dẫn chúng ta sang cuộc đời khác chịu đau khổ.

Vì chúng sanh đương gây tạo nên Phật luôn nhắc nhở và khuyên chúng ta thức tỉnh tạo những việc lành. Dù đời này có khổ mà biết gây nghiệp lành thì đời sau được an vui. Đó là phương hướng của người còn đi trong luân hồi.

Chúng ta còn đi trong luân hồi thì nên chọn con đường luân hồi thiện tức là đi lên chớ đừng chọn luân hồi ác để rồi phải đi xuống. Cũng như hiện tại chúng ta phải dời chỗ ở, nên dời chỗ có tiện nghi, có đầy đủ phương tiện sanh sống dễ dàng, chớ không nên tìm chỗ khổ đau phải đói rét v.v... Đó là chúng ta khôn ngoan biết lựa, sắp đặt cho một cuộc sống hiện tại và cuộc sống của tương lai. Bằng không, chúng ta cứ mù mù mịt mịt không biết thiện không biết ác. Rồi cứ như vậy qua ngày, tạo không biết bao nhiêu tội lỗi, đến ngày cuối cùng phải mang nghiệp đen tối, chịu đọa trong cõi hắc

ám. Đó là những người thật đáng thương, chịu đau khổ không biết đến đời nào ra khỏi.

Chúng tôi đã nói theo chiều sanh diệt cho quý vị thấy. Chúng ta còn ở trong luân hồi thì chúng ta nên chọn con đường đi sáng sủa an lành hơn, thời gian qua là không trở lại. Tuy vậy nghiệp đã tạo thì không bao giờ mất. Cho nên trong kinh Nhân Quả Phật nói:

Giả sử bá thiên kiếp  
Sở tác nghiệp bất vong  
Nhân duyên hội ngộ thời  
Quả báo hoàn tỵ thọ

Nghĩa là: Giả sử mình tạo nghiệp trải qua trăm ngàn kiếp đi nữa, nghiệp báo cũng không mất. Nghiệp đó tức là nghiệp lành, nghiệp dữ đã gây. Khi duyên hội ngộ tức là gặp nhân duyên đến rồi thì phải gánh chịu quả báo chớ không chạy trốn đâu được. Nếu chúng ta biết rõ nghiệp báo rồi, chúng ta tạo được nghiệp lành thì an hưởng vui, những cái tỵ tại. Bằng chúng ta tạo nghiệp dữ, đó là gốc đau khổ, bị lôi cuốn trong vòng khổ đau mãi mãi. Đó là giai đoạn đầu của việc tu hành.

Đến đây chúng ta tiến lên một bước nữa. Chúng ta đã tự biết mỗi ngày qua là một hạt chuỗi mộng lần qua kẽ tay rồi không còn nữa. Cứ mỗi ngày qua rồi, thì mất. Như vậy kết thúc của cuộc đời chẳng qua là một giấc mộng dài. Không có gì hết. Nếu tính những ngày mộng nhỏ, rồi nhiều ngày mộng ngắn kết lại thành một mộng dài, gọi là tháng, rồi mười hai tháng, thành mộng dài hơn là một năm. Ba mươi hoặc năm bảy mươi năm kết thúc lại thành một trường đại mộng. Tức là mộng dài của một cuộc đời. Trong một kiếp mộng như vậy, nếu chúng ta không thức tỉnh biết nó là mộng, cứ tưởng là thật, chạy theo nghiệp tạo khổ đời đời không hết.

Đó là cái mê lầm của chúng ta. Vì vậy cho nên đức Phật lúc nào cũng nhắc bảo chúng ta phải biết rõ cuộc sống không thật, thời gian không thật. Mỗi một ngày qua rồi mất, không ai kéo lại được, giữ lại được. Nói một cách gần hơn hết là một tích tắc đồng hồ đi qua rồi không trở lại. Thời gian trôi vùn vụt không dừng. Cuộc sống của chúng ta thì cứ tiến tới, tiến thẳng tới chỗ cuối cùng là chết. Không ai dừng được, không người nào có thể duy trì kiếp sống khi duyên đã mãn. Mỗi một cuộc sống là thôi thúc mình đến cái chết. Quý vị mỗi sáng thức dậy, thử tìm lại cái ngày hôm qua của mình xem nó ở đâu? Những cái gì qua rồi không thể tìm được, rõ ràng thời gian qua

không tìm lại được nữa. Chúng ta còn mắc kẹt trong thời gian thì chúng ta phải quý tiếc thời gian. Chúng ta cần nỗ lực làm cái gì lợi ích cho mình cho chúng sanh để khỏi mất thì giờ vô ích. Đó là khi chúng ta còn cuộc trong thời gian.

Nếu chúng ta có cái nhìn thấu đáo rõ ràng biết thời gian huyền hóa, như tôi nói là những hạt chuỗi mộng hay là những hạt chuỗi nước thì chúng ta cũng ngay nơi thời gian huyền hóa đó tìm cho được cái lẽ chân thật, cái không còn sanh diệt, không còn mắc kẹt, không còn bị lôi cuốn trong dòng sanh diệt của thời gian... Như vậy chúng ta mới là người thoát ra khỏi vòng sanh tử. Bằng không như vậy thì chúng ta bị cuốn trôi mãi trong dòng thời gian. Vì vậy nên trong nhà Phật, có khi đức Phật chú trọng thời gian vô cùng. Ngài nhắc chúng ta lúc nào cũng phải quý tiếc thời gian. Có khi Ngài nói thời gian là cái vô nghĩa, thời gian không có thật. Tùy chỗ mà Ngài đánh giá thời gian. Nếu tính theo chiều sanh diệt thì thời gian rất là quý báu, lợi dụng thời gian để chúng ta tạo tất cả phước lành. Còn đứng về chiều vô sanh, thì thời gian biến thành vô nghĩa. Nó không có giá trị gì. Vì chính thời gian là những hạt chuỗi mộng như tôi thường kể cho quý vị nghe về bà công chúa đòi râu chuỗi nước. Chúng ta đừng dại khờ như bà công chúa đó nữa là cứ đòi cho được râu chuỗi nước để đeo vô cổ. Nhưng tới bao giờ mới râu được râu chuỗi nước. Nếu bà đứng trước những hạt nước lỏng lánh, bà đưa tay ra nắm, thì nắm được chừng mấy hạt? Vừa nắm nó đã lòn dưới kẽ tay rồi rơi mất. Như vậy những hạt nước kia, nó lỏng lánh đẹp thật. Nhưng ở xa mà nhìn thì nó đẹp, bằng khi nắm nó ở tay rồi, thì nó lòn qua kẽ tay và biến mất. Càng nắm bắt, chỉ mỗi một, nhọc nhằn thôi chứ không nắm được cái gì.

Nếu chúng ta cứ dại khờ chạy theo thời gian mong mỗi nắm bắt những cái gì mà ta cho là hạnh phúc bằng những pháp sanh diệt ở thế gian, thì những hạnh phúc đó luôn qua kẽ tay cũng như là giấc mộng hay là những hạt sương, những cái bóng vậy thôi. Không có gì thật.

Bà công chúa sau khi nắm bắt những hạt nước lỏng lánh đó mà không được hạt nào hết mới chán chê rồi xin với vua cha một râu chuỗi thật. Bà được vua cha cho một râu chuỗi kim cương. Và từ đó về sau bà công chúa không còn mơ râu chuỗi nước nữa, vì bà quàng râu chuỗi kim cương đời đời.

Chúng ta cũng như vậy. Trước khi chúng ta biết hạnh phúc của nhân gian là cái sanh diệt là cái ảo ảnh, chúng ta cố nắm bắt nó thì nó luôn qua kẽ tay không bao giờ còn ở với chúng ta phút giây nào. Biết được như vậy, thấy



rõ như vậy, chúng ta mới trở lại tìm cái chân thật mà đức Phật đã chỉ dạy. Tìm được cái mặt chân thật đó rồi, tức là chúng ta được xâu chuỗi kim cương, chúng ta mang mãi mãi bên mình mà không bao giờ tan nát. Từ cái giả chúng ta chuyển sang cái thật, từ cái sanh diệt bước vào cõi vô sanh. Như vậy đó mới là người biết tỉnh giác. Tỉnh giác được cái giả không còn mê lầm nữa. Người biết được cái thật sống trở về với nó, đó là người tu theo đạo giác ngộ.

Chúng ta giác ngộ cái gì?

- Giác ngộ cái giả lâu nay tưởng là thật. Nhận ra cái thật mà lâu nay bị bỏ quên. Cái thật lâu nay mình bị bỏ quên, rồi đi tìm kiếm. Trong khi mình bỏ quên cái thật chấp cái giả cho nó là thật là mê. Biết được cái giả gọi đó là giác. Người hiểu đạo Phật rồi rất là đơn giản, không có cái gì cầu kỳ huyền bí xa lạ hết, mà chỉ thấy rõ ngay nơi mình cái nào giả cái nào thật. Cái giả mà lâu nay mình làm, mình chấp nhận nó là mình, là ta đó, giờ đây mình thấy nó là hư giả. Đó là chúng ta đã giác ngộ. Giác ngộ được phần thứ nhất. Qua cái giả đó chúng ta tìm được cái thật, nó đương ẩn náu trong cái giả. Đó là chúng ta đã giác ngộ qua giai đoạn thứ hai. Chúng ta tiến thẳng vào con đường giác ngộ viên mãn không có sai lạc.

Tất cả người thế gian đều đi tìm cái mê lầm. Mê lầm cho cái giả làm thật. Chính chúng ta cũng là nạn nhân đó. Tất cả quý vị kể cả tôi nữa, có thấy cái giả làm thật hay không? Tại sao thấy cái giả làm thật? Như thân tứ đại chúng ta đang mang đây là thật hay giả? Có ai động tới nó mình có ung hay không? Bình thường lúc tỉnh táo thì thấy tứ đại này là giả hợp, không có thật. Vì nếu thật thì còn hoài như một khối kim cương, mới gọi là thật. Nay còn mai mất, trong phút giây là tan nát, cái đó cũng như là bọt nước chứ gì? Vì thế biết nó là giả. Lúc bình tĩnh nghe Phật dạy biết nó là giả, nhưng mà có ai thoi một thoi thì thấy giả hay thật? Lúc đó lại thấy thật. Tại sao nó là thật?

Như vậy là sao? Tại sao mình biết nó giả khi mình bình tĩnh? Để thấy rõ rằng khi chúng ta bình tĩnh thì trí tuệ sáng suốt thấy nó hư giả. Khi bị cái gì phản ứng mạnh làm cho nó đau đớn thì lúc đó cái bình tĩnh mất đi, trí tuệ không còn nữa, bản ngã si mê phát hiện ra, rồi cái giả tưởng mình thấy nó là thật. Bởi thấy thật nên mới ăn thua tranh giành với người ta rồi tạo nghiệp. Cho nên ta theo đạo Phật là phải giữ bình tĩnh. Có bình tĩnh mới sáng suốt, mà có sáng suốt mới khỏi lầm. Khỏi lầm cái giả làm thật. Thiếu bình tĩnh thì bị mê lầm. Đó là điều căn bản. Khi chúng ta nghe Phật dạy,

nghe quý Thầy giảng thì coi như tỉnh hết rồi, coi như mình là thánh nhân rồi, nhưng đụng việc với thế gian thì mình là phạm phu hẳn. Đó là chúng ta chỉ bình tĩnh được khi vô sự, khi có sự là mê. Đó là điểm tôi nhấn mạnh nhất hôm nay.

Chúng ta phải làm sao khi hữu sự coi như vô sự. Đó là cái thiết yếu. Đó mới là cái sức mạnh của người tu hành. Khi vắng vẻ lặng lẽ thì chúng ta tỉnh táo, thấy cái nào giả cái nào thật rành rẽ, nhưng khi đụng việc, trí tuệ đó mất đi, chúng ta lại nổi sân lên rồi chấp cái giả thành thật. Ngài Vĩnh Gia nói: “Giả sử vòng lửa quay trên đỉnh, định tuệ vẫn tròn sáng không mất.”

Như vậy mới thật là tỉnh ngộ. Còn mình tỉnh khi lặng lẽ vắng vẻ, khi ồn náo thì mình mê. Cái đó chưa phải là thật tỉnh. Tất cả chúng ta ai cũng có thể biết được hết.

Một là thiếu sự hướng dẫn của thầy của bạn.

Hai là thiếu ý chí cương quyết mãnh liệt để nỗ lực tu hành.

Do đó không giác ngộ rồi ở mãi trong mê.

Rất tiếc rằng có nhiều người cả đời chưa bao giờ biết được cái thân này là hư giả, họ chỉ biết nó là thật, cho nên khi nói nó là giả họ không tin. Đó là vì họ thiếu sự hướng dẫn của thầy bạn, cho nên họ mê. Có người được thầy bạn hướng dẫn, vì thiếu ý chí mãnh liệt nên khi nghe thì tỉnh, khi hết nghe thì mê. Vậy chúng ta nhất là hiện nay, phải quả quyết và can đảm ngay trong khi chúng ta biết cái đó là giả, cái kia là thật. Quả quyết rằng cái này là giả không bao giờ mê nó. Cái kia là thật đừng bao giờ bỏ nó. Đừng mê cái giả và đừng bỏ cái thật để hằng sống và cố gắng sống mỗi ngày mỗi huân, mỗi ngày tập, lâu ngày mới thuần thục, tự nhiên chúng ta cũng như ngài Vĩnh Gia khi Ngài nói: Dù có vòng lửa xoay trên đầu, định tuệ Ngài cũng không mất. Cho nên chỗ quan trọng mà chúng ta phải thấy là tâm chúng ta dễ xao xuyến lúc ồn náo. Bây giờ mình phải nỗ lực thêm, làm sao khi xao xuyến mà chúng ta vẫn cười.

Ví dụ cụ thể là khi xưa mới tập ngồi thiền nhất là khoảng tám chín giờ tối. Có những cái loa ở dưới vọng lên núi các bài hát, các bài ca lãnh lót, lúc đó thiền tâm bị phân tán. Chúng ta nỗ lực hướng dẫn nó, nỗ lực kèm hãm nó, lần lần sẽ làm chủ nó. Đến lúc nào đó, tiếng ca hát không còn đủ hấp dẫn như xưa nữa. Thấy không? Kết quả rõ ràng như thế, chứng minh rằng nếu cái gì chúng ta nỗ lực cố gắng thì sẽ vượt qua, không còn bị lệ thuộc nữa.

Mình tưởng rằng mình ngồi thiền trong chỗ yên thì được yên, khi có động chạy theo tiếng động, rồi mình cảm thấy tiếng động sẽ lôi mình đi, không bao giờ mình thắng nó. Đừng tưởng như vậy. Mình phải tin tưởng quả quyết rằng khi động chúng ta vẫn làm chủ được. Ngày nay làm chủ một phần, ngày mai làm chủ một phần, nhiều ngày như vậy, rồi ngày nào đó tất cả tiếng động đều vô nghĩa đối với chúng ta. Đó là lẽ chân thật chớ không phải tôi bịa đặt. Tất cả chúng ta nếu cố gắng như vậy thì tất cả tiếng động sẽ vô nghĩa khi chúng ta làm chủ hoàn toàn. Tôi nói ví dụ nhỏ, ngoài ra những việc lớn cũng như vậy.

Giả sử chúng ta ở trong cảnh ngộ nào khất khe mây hay là ồn náo mảy đi nữa, miễn tâm hồn chúng ta làm chủ được, tôi tin rằng ai cũng tu được hết. Hồi chúng ta rảnh rang thì chúng ta ngồi thiền, lúc chúng ta bận rộn hoặc cuộc cỏ hoặc trồng rau chúng ta cũng tu được như vậy chúng ta thấy lúc nào mình cũng tu được, lúc đó thấy mình vui vẻ không thiệt thòi gì hết. Bằng cho rằng ngồi thiền mới tu được; cuộc rầy không tu được thì sẽ thấy thiệt thòi. Bởi vì có ngày không ngồi thiền được giờ nào, như vậy ngày đó không tu sao? Cuộc rầy mà tu được thì không thiệt thòi tí nào hết. Thay vì ngày xưa ngồi một ngày ba tiếng đồng hồ, bây giờ cuộc rầy sáu tiếng tu luôn, thì mình lời được thêm ba tiếng nữa. Phải vậy không? Như vậy mình có thiệt thòi chút gì đâu. Đó là cái mà chúng ta hiện nay phải tập nỗ lực như vậy. Làm sao trong cái tu của chúng ta không vì hoàn cảnh mà nó chướng ngại. Đó là cái thiết yếu.

Tuy nhiên lúc đầu phải chấp nhận rằng, mình đang ngồi trong yên mà có tiếng động thì thế nào cũng bị xao xuyên. Trong khi xao xuyên đó chúng ta nỗ lực mỗi ngày, nỗ lực càng ngày càng lâu, tiếng động sẽ vô nghĩa với chúng ta. Đến chừng đó chúng ta mới tự tại trước tất cả tiếng động. Như vậy chúng ta đừng có thôi chuyển vì có tiếng động mà tu không được. Chúng ta phải nghĩ ai trong chúng ta cũng sẽ được thử thách của những tiếng động. Nhờ tiếng động mà sau đó không bị chướng. Đó là điều cần phải nỗ lực. Nếu nỗ lực được như vậy rồi thì sau quý vị sẽ cười, nhớ hồi xưa tiếng động là cái chướng của mình, bây giờ có tiếng động mình ngồi cũng hay. Như vậy mình không thấy buồn thấy sợ thấy nản gì hết. Đó là tôi nhắc rõ chỗ thiết yếu của người tu.

Tất cả chúng ta rõ đâu là mê. Mê cái gì? Như khi nãy tôi đã nói một lần: Mê là làm nhận cái giả làm thật. Mê là vì chúng ta chạy theo cái giả mà quên cái thật. Ngay nơi bản thân chúng ta, chúng ta cứ chấp vọng tưởng làm tâm mình, chấp tứ đại làm thân mình rồi cứ tưởng cả ngày cả tháng cả năm.

Suốt đời cứ chạy theo vọng tưởng, theo thân tứ đại, lo bảo bọc bồi dưỡng cho nó đủ thứ hết để rồi nó hoại.

Giả sử quý vị có trồng hai cái cây, cây chuối chẳng hạn. Khi quý vị trồng nó trở bông có trái, cho kết quả như ý của quý vị thì quý vị mới săn sóc. Nếu khi trồng mà nó èo uột, hư gãy, biết rằng không thể nào cứu được, thì quý vị làm sao? Thôi thì bỏ liều cho nó gãy nó mục. Không thể giữ được thì phải bỏ liều. Nhưng cái thân quý vị có bỏ được không? Ai cũng biết không giữ được mà không dám buông nó. Phải vậy không? Biết cái không bao giờ giữ được mà bao giờ cũng cố giữ. Thở thoi thóp sắp tắt thở mà cũng nói còn nước thì còn tát. Không bao giờ bỏ được. Như vậy để thấy rõ rằng chúng ta bám vào nó, cho đến phút cuối cùng cũng còn bám. Bám vào mà không có tí nào bảo đảm hết mà vẫn bám. Không phải tôi bảo quý vị cố tình bỏ nó, nhưng mà chúng ta mang nó như là mang bè qua sông. Nhớ chúng ta nuôi thân này là kẻ đeo bè qua sông. Giữa sông nó có hư có đứt dây, thì chúng ta ràng nó lại, khi tới bờ thì bỏ lên bờ. Khi tới bờ chúng ta không thấy nó quan trọng nữa. Chúng ta thấy nó là giả, nhưng cần nó đưa đến chỗ giác ngộ viên mãn nên chúng ta phải nương nó. Khi chúng ta nương nó thì phải biết rõ nó là cái không giữ được, biết rõ ràng như vậy, đừng bao giờ quên. Không thì cứ nhớ nó là thật không thể mất. Thân nhân của chúng ta cũng thế. Quý vị nào độ năm mươi tuổi trở lên kiểm điểm lại coi còn được mấy vị. Ông có còn không? Ông nội bà nội còn không? Ba má chưa chắc là còn. Phải vậy không? Như vậy biết lớp người trước đã tan hoại, mình cũng đang tan hoại. Tại sao khi đó cứ cho thân này là thật, cái không giữ được, biết rồi nó sẽ tan hoại, mà mình cứ cho là thật, cố bảo vệ, gìn giữ, tạo bao nhiêu cũng vì nó. Đó là cái lầm lớn lao của chúng ta. Cho nên người tỉnh giác biết rõ thân này là hư giả nhân duyên hòa hợp không thật, kể cả cái vọng tưởng điên cuồng của mình.

Quý vị suy nghĩ điều này, suy nghĩ việc nọ. Cái suy nghĩ đó là ai suy nghĩ? Mình suy nghĩ phải vậy không? Tôi đặt câu hỏi: Thí dụ quý vị đang suy nghĩ điều thiện, nghĩ giúp người này người kia, cho rằng cái suy nghĩ thiện này là mình. Một lát có ai chọc tức, mình muốn hại người đó, thì cái suy nghĩ ác là ai? Nếu cái suy nghĩ thiện là mình, vậy cái suy nghĩ ác là ai? Rồi một lát suy nghĩ thấy người kia gương mặt dễ ghét quá. Gặp người khác thấy gương mặt dễ thương. Vậy thấy dễ thương dễ ghét là ai thấy. Nếu nghĩ thương là mình, nghĩ ghét là ai? Vậy mình có bốn năm thứ mình sao? Cái nào cũng mình thì cái nào là mình thật?

Quý vị nhìn rõ ràng mỗi một niệm sanh diệt, sanh diệt vô thường, từng đợt từng đợt như dòng nước chảy. Nó không có thật. Mới niệm thương đây rồi đến niệm ghét, niệm buồn niệm giận xen lẫn nhau. Cái dòng sanh diệt chập chồng với nhau không thật. Mình chấp đó là tâm mình thật. Chấp cái thân tứ đại hư giả là thật, chấp cái tâm sanh diệt từng đợt, từng đợt là thật. Như vậy chấp cái sanh diệt hư giả là mình thì sẽ đi trong con đường nào? Bám vào cái sanh diệt thì phải đi trong sanh diệt. Sanh diệt tức là mê. Mê thì dĩ nhiên mình phải đi trong luân hồi không chổi cãi gì được hết. Nếu chúng ta cứ lầm chấp vọng tưởng, cho đó là mình, chấp thân tứ đại này là mình thì suốt đời suốt kiếp không biết bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp mình mới thoát khỏi luân hồi. Chỉ bao giờ mình biết quả quyết rằng cái vọng tưởng đó là hư giả không thật thì chừng đó mình mới tìm cái chân thật. Như khi nãy tôi kể chuyện bà công chúa nắm bắt những hạt nước. Nắm bắt nó luôn qua kẽ tay không được hạt nào hết, chừng đó bà mới biết những hạt nước không thể nắm được. Bà không còn ham mê những hạt nước nữa, mới đòi nhà vua cho xâu chuỗi kim cương. Chừng quàng xâu chuỗi kim cương vào cổ mới chắc là xâu chuỗi thật. Còn bao nhiêu hạt nước lấp lánh mà mình bám vào đó đều là hư giả.

Cũng như vậy, khi nào chúng ta thấy rõ thân hư giả này là không thật, vọng tưởng hư giả không thật, biết rõ nó không thật rồi thì bước qua giai đoạn thứ hai. Tức là tìm cái chân thật trong cái hư giả đó. Được cái thật trong cái hư giả đó rồi chúng ta mới thấy mình từ trước đến giờ là kẻ ngu si. Mình làm cái giả là cái thật, rồi bỏ quên cái thật. Cho nên trong kinh Phật nói: “Chúng ta có hòn ngọc báu cột trong chéo áo mà quên.” Quên hòn ngọc trong chéo áo rồi đi ăn xin, đi đầu làng xó chợ, sống vất vưởng qua ngày lấy đó làm đủ làm dư. Không biết mình có hòn ngọc quý để lấy ra xài. Kẻ có của báu bỏ quên chịu nghèo khổ là kẻ tỉnh hay mê? Đó là kẻ mê. Chúng ta cũng vậy. Biết được cái thân hư giả này rồi, chúng ta mới tìm được cái chân thật của chúng ta. Đó là tỉnh. Còn bằng chúng ta bỏ quên cái chân thật đó, chấp nhận cái thân hư giả này là mình, đó là kẻ mê. Vì vậy đức Phật nói rằng: Chúng ta là kẻ si mê. Nếu trong đời chúng ta tự biết rõ cái giả không mê lầm nữa, và tìm ra cái thật, như vậy mới thật là con người cầu đạo giải thoát. Cũng như lời của ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói:

“Cùng Thích tử, khẩu xưng bản, Thật thị thân bản đạo bất bản.”  
Người dòng họ Thích là kẻ bản cùng luôn luôn tự nhận mình là bản đạo. Như vậy mà có thật là bản hay không? Thật sự thân tuy bản nhi đạo bất bản. Thân bản thật nhưng đạo không bản. Tại sao thân này bản? - Là vì mặc áo vá. Còn tại sao không bản? - Vì mình có chứa hạt châu vô giá. - Vô giá trân.

Như vậy tại sao chúng ta nghèo? - Vì chúng ta là kẻ ăn mày mặc áo vá. Cho nên luôn luôn xưng là bần đạo. Tuy bên ngoài chúng ta nghèo, mà bên trong tìm được hạt châu vô giá. Hạt châu vô giá dùng hoài không hết. Đó mới đúng là người cầu đạo. Biết rõ mình có một của quý vô giá cho nên không chạy theo hư giả, để tìm cái của báu chân thật. Tìm được của báu chân thật, mới là người giác ngộ, người cầu đạo chân chánh. Chúng ta cứ chạy theo cái bên ngoài hoài thì không bao giờ tìm thấy được cái kho báu nơi mình. Đó là chỗ thiết yếu của chúng ta trong khi tu hành.

Vậy ai đã phát tâm tu hành theo đạo Phật nên nhớ rõ ràng Phật là giác. Tu theo Phật là đi trên con đường giác ngộ của Phật. Tu theo đạo Phật mà không giác được gì hết thì không phải tu theo đạo Phật. Cũng như tôi nói đi về Sài Gòn, tức nhiên mình đi trên con đường về Sài Gòn. Đã đi trên con đường về Sài Gòn mà không tiến được cây số nào hết, thì cái đó gọi là đi về Sài Gòn không? Tức gọi là ngồi, hoặc là ở một chỗ, hoặc là đi con đường khác. Chớ thật tình mình đi trên con đường về Sài Gòn thì mỗi một giờ, mỗi một ngày đã tiến đi rồi. Ngày nào ngày nào cũng có tiến trên con đường đó không dừng. Cũng vậy, chúng ta theo đạo giác ngộ thì ngày nào năm nào chúng ta phải có giác mới được. Nếu chúng ta không giác thì không phải tu theo đạo Phật. Như vậy quý vị cảm thấy mình có giác hay không? Thật sự quý vị có giác chớ sao không giác. Tại vì mình quen tưởng giác ngộ như lúc đức Phật thành đạo, phải có được tam minh lục thông. Tưởng mình không có tam minh lục thông gì hết thì không gọi là giác, chớ sự thật không phải. Ngày xưa quý vị chưa tu, quý vị có bao giờ nghĩ thân này là giả đâu? Bao giờ cũng cho thân này là thật, rồi tranh hơn tranh thua, duyên đủ thứ hết. Hiện giờ quý vị có nghe Phật dạy, có nghe giảng kinh, nhận thân này là giả, tức là có giác ngộ rồi. Tuy nhiên mới là tỉnh thôi lúc mê thì quên. Trong nhà Phật gọi cái giác ngộ đó là bệnh rét cách ngày. Ngày thì mạnh sần sần, ngày thì trùn chần. Cái giác đó chưa là thuần giác. Nhưng dù sao cũng là giác. Bởi vì sao?

Bởi đức Phật dạy: Tu thành Phật phải được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩa là cái giác của đức Phật, không ai hơn và hằng mãi. Chánh đẳng là chân chánh viên mãn không dùng không có một chỗ hở. Đạt được giác ngộ, đó là thành Phật. Còn chúng ta giác ngộ cách ngày cách giờ, cái giác ngộ đó được gọi là Phật chưa? Cũng là có giác nhưng chưa phải là Phật con, cũng là Phật cháu, Phật chắt. Cũng có một chút trong đó chớ chẳng phải vô phần. Như vậy chúng ta không có mặc cảm rằng chúng ta chưa từng giác. Chúng ta biết được hoàn cảnh xã hội, hay là tất cả sự việc chung quanh là duyên hợp nên cũng là hư giả. Biết như vậy tuy chưa thường xuyên, nhưng

có biết chút nào là có giác chút ấy. Như vậy chúng ta có giác chứ không phải không giác. Lại nữa, chúng ta lâu nay chấp nhận những vọng tưởng điên cuồng là mình là tâm của mình, giờ đây biết là vọng tưởng thì chúng ta có giác rồi. Giờ phút nào chúng ta có biết như vậy là giờ phút chúng ta giác. Nếu kiểm điểm lại so với năm rồi, năm nay quý vị tiến nhiều chưa? Tiến khá lắm chứ, phải vậy không? Tu lâu mà không tiến là tại mình quên, mình thấy sao cái đó nó thường quá, chưa có hào quang, phải vậy không? Chưa biết bay cho nên mình cho là không giác, chứ sự thật đã tiến rồi. Có khi cái giác đó cách khoảng thừa thì một giờ, nhất thì nửa giờ, hoặc là mười phút chẳng hạn. Chỉ cách khoảng như vậy, khi xưa cả năm chưa từng giác lần nào, phải vậy không? Như vậy là mình đã tiến bộ khá nhiều đừng bi quan.

Tôi đã chỉ sự thật cho quý vị thấy việc tu hành không phải là không tiến nhưng vì mình không kiểm điểm nên thấy không tiến. Tại mình tưởng là không tiến chứ không phải là mình không tiến đâu. Vì vậy tất cả chúng ta nếu là kẻ tu hành cầu đạo giác ngộ thì chúng ta phải thấy rõ rằng mỗi ngày, mỗi ngày chúng ta phải giác, không thể mê được. Nếu giác càng nhất là tiên bộ của chúng ta, còn giác thừa là lui của chúng ta. Có nhiều vị than thở với chúng tôi, biết vọng mà vọng cứ sanh hoài làm sao? Vọng nó sanh thì sanh, nó sanh thì đừng chạy theo nó. Biết vọng đừng theo nó là giác rồi. Trăm lần vọng thì có trăm lần giác, không có buồn không có sợ. Đó là tôi nói về tâm.

Giờ đây đến thân cũng vậy. Nếu có bệnh hoặc chương ngại gì đi nữa, mình biết thân này là hư giả, thì ngay nơi thân này tỉnh giác.

Giác thân giác tâm là cái giác căn bản. Mình biết rõ ràng thân tâm không lầm rồi, tìm ra cái thật nữa thì quý báu vô cùng. Đó là quý vị đã nắm được hòn ngọc vô giá trong tay. Nếu chưa tìm được hòn ngọc đó, khi biết thân hư giả, đó là quý vị từ bỏ con đường giả để trở về con đường thật. Tuy chưa nắm được, nhưng đã tiến một bước rồi. Đó là sự thật, cho nên tất cả quý vị nào hiểu đạo rồi thì tự nhiên nhìn thấy mình tu có vẻ chín chắn hăng hái chứ không thối chuyển. Bởi vì mình biết có giác, mà có giác như đánh giặc với phiến não. Còn có đánh tức là mình chưa thua. Người thua là người xếp giáp chạy dài mới thua. Mình còn đánh, dù chưa có thắng hoàn toàn nhưng cũng còn đánh chớ chưa phải là kẻ thua trận. Giặc mình còn đánh là thắng hay thua? Vừa dấy vọng, biết vọng là nó hết. Đó là mình thắng được giặc rồi, phải như vậy không? Có giặc nào mình giết nó mà nó còn kéo mình, nó không mất. Có thứ giặc nó kéo mình đi xa một chút mới mất. Quý vị kiểm lại là kẻ toàn thắng chứ không phải thua đâu. Tại vì giặc nhiều quá nên thắng lâu. Nếu một hai chú thì mình thắng nhanh có lẽ thành Phật rồi, phải vậy

không? Tại vì có triệu triệu chú thành ra mình cứ đánh hoài mà chưa hết. Tất cả quý vị cứ tin tất cả những chú giặc của mình là những đứa giả. Ông chủ mới là người thật. Kẻ thật đánh với kẻ giả lo gì không thắng. Tin quả quyết như vậy thì việc tu tiến của mình sẽ thành công, chắc chắn thành công một trăm phần trăm. Đó là tôi nói quý vị thấy rõ việc tiến tu của mình. Khi nhớ việc tiến tu của mình, chúng ta không nên quên hiện giờ là ngày ba mươi Tết, tức là qua một năm nhìn lại, chúng ta có già trẻ gì không?

Một năm qua, tất nhiên chúng ta nhận xét chậm lụt mấy đi nữa, cũng thấy mình có già nhiều rồi. Nếu nhận xét tinh vi thì mình già đi từng giây phút hưởng nữa một năm. Đây là tôi nói nhận xét chậm lụt nhất thì qua một năm, chúng ta cũng thấy già nhiều sinh lực có giảm đi, sự chiến đấu cũng có kém đi một chút. Năm nay yếu đi một chút, năm tới yếu đi một chút mà mình không nỗ lực thì thành công hơi khó. Nên nhớ qua một năm mình suy yếu đi, trí tuệ cũng yếu, tinh thần cũng yếu, vậy chúng ta phải nỗ lực, nhất là những vị sáu mươi tuổi trở lên. Con đường của mình sắp tới giai đoạn chót rồi. Muốn làm một cuộc đua đến giai đoạn chót phải chạy nước rút. Không thể chần chờ được. Vì vậy mà ai đã sáu mươi tuổi rồi thì nhớ một năm qua là chúng ta phải nỗ lực bằng mấy lần năm trước. Như vậy năm rồi có nỗ lực hơi ít thì dự bị cho năm tới đây phải nỗ lực bằng hai bằng ba mới được. Không thể chần chờ vì bọn ma quân còn đông quá, nếu mình chần chờ thì nó thắng mình chớ mình không thể thắng được nó. Vì vậy quý vị phải nỗ lực hơn. Không cứ phải quý vị già sáu mươi tuổi trở lên mới nỗ lực, quý vị bốn năm chục tuổi thì sao? Không biết mình có sống tới sáu mươi tuổi hay không. Có thể đến sáu mươi nhưng chưa chắc, cần phải nhớ là mạng sống trong hơi thở. Phải nỗ lực như những người đã lớn tuổi. Đừng ỷ lại đời còn dài đi từ từ cũng được, cần nỗ lực chớ không lười thôi được.

Như vậy, chúng ta thấy phải nỗ lực, nỗ lực thì mới có tiến và bảo đảm một ngày nào chiếc bè này rã, chúng ta bước lên bờ. Bằng không thì không bảo đảm. Ai dám tin rằng ngày mai cũng còn an ổn khỏe mạnh như ngày nay. Khi đã thở ra mà không hít vào thì đã hết cuộc đời. Cho nên tất cả chúng ta phải nỗ lực, rất là nỗ lực mới được, chớ không phải nỗ lực tầm thường. Do đó tôi nghĩ rằng, nhớ đến ngày ba mươi, đêm giao thừa thì chúng ta nên nhớ đến cái phút thở hào hển, bà con chung quanh kẻ chấp tay niệm Phật, người thì lau nước mắt chờ đưa chúng ta qua thế giới khác. Nói như vậy để quý vị đừng chần chờ nữa. Chớ thấy sum họp đầy đủ, thì vui tung bừng lên, rồi không biết làm sao nữa. Nhớ tới đêm giao thừa thì chúng ta phải nên nhớ đến ngày đến giờ mà mọi người thân chúng ta đang lau nước mắt khóc tiễn chúng ta đi từ thân này bước qua thân khác. Có nhớ như vậy



thì đêm giao thừa sẽ là đêm thôi thúc đậm đà trong lòng chúng ta. Còn không nhớ như vậy thì ý nghĩa đêm giao thừa nó yếu ớt đi. Khi nhớ tới một năm qua là chúng ta già đi một phần, chúng ta phải nỗ lực phải làm sao tiến tới tiến mãi, không lùi.

Từ trước tôi nói sự thật của tôi thấy và với tâm niệm mà tôi đã đọc được qua quý vị để nhắc nhở quý vị cố gắng trong sự tiến tu.

Giờ đây tôi nói qua các vị Thiền sư cho vui. Bởi cái thấy của các Thiền sư lúc nào cũng tương tự chớ không khác nhau mấy. Tôi dẫn một Thiền sư Trung Hoa, ngài Quang Giác đời Tống. Một hôm đến ngày Xuân có người hỏi Ngài có cảm tưởng gì về con người thì Ngài làm một bài thơ như sau:

Khứ niên phùng thanh Xuân

Châu nhan ánh đào lý

Kim niên phùng thanh Xuân

Bạch phát yểm song nhi

Nhân sanh thất thập niên

Tật nhược đông lưu thủy

Bất liễu bản lai tâm

Sanh tử hà do ly

Dịch:

Năm trước gặp thanh xuân

Má hồng khoe đào lý

Năm nay gặp thanh xuân

Tóc bạc đầy cả mái

Người đời tuổi bảy mươi

Nhanh như dòng nước chảy

Chẳng ngộ tâm xưa nay  
Sanh tử làm sao khỏi

Thiền sư mỗi năm qua thấy thân trẻ biến thành già. Kể cả bảy mươi năm trôi nhanh như dòng nước chảy. Nếu không ngộ được bản tâm xưa nay, làm sao thoát khỏi dòng luân hồi sanh tử. Chúng ta là con cháu trong nhà Thiền cần phải thấy như thế. Có được cái thấy này, chúng ta mới thức tỉnh tiến tu chóng thoát ly sanh tử.

Vậy mong tất cả quý vị cùng chúng tôi, chúng ta dự buổi tiệc trà đàm bạc đêm giao thừa này, là một ấn tượng đánh thức chúng ta tỉnh giác cuộc đời là vô thường, phải nỗ lực tiến tu đừng để trôi qua vô nghĩa.

Chúc quý vị sang năm mới thường tỉnh giác.

---o0o---

## **MÙA XUÂN DI-LẶC XUÂN BÌNH THÌN 1976**

Năm nay chúng ta tìm hiểu ý nghĩa mùa Xuân Di-lặc để quý vị biết tại sao ngày mừng một Tết là ngày vía đức Di-lặc. Khi lay Ngài chúng ta đã xướng lên câu: “Nam-mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật” tức là Bồ-tát Di-lặc sẽ thành Phật ở trong hội Long Hoa. Ngài là bậc giáo chủ ở hội đó và sau này mới thành Phật chứ không phải thành Phật ngay bây giờ. Đó là ý nghĩa thâm trầm nhất trong nhà đạo. Chúng ta ai ai cũng xem ngày mừng một Tết là ngày mở màn năm mới. Bao nhiêu chuyện vui buồn của năm tới gần như là nẩy mầm từ trong ngày mừng một Tết. Cho nên ai nẩy đều rất dè dặt, rất kính cẩn trong ngày mừng một này. Mỗi hành động, mỗi ngôn ngữ, chúng ta đều e dè vì sợ hành động hôm nay ảnh hưởng đến sự vui buồn của năm tới. Đó là quan niệm của nhân gian.

Trong nhà đạo ngày mừng một Tết nói theo thời gian cũng là ngày mở màn cho năm tới. Năm tới đây hứa hẹn với chúng ta là một năm giác ngộ. Vì vậy đức Phật Di-lặc là một vị Phật được hứa hẹn thành Phật ở mai sau. Ngài thành Phật đó là Ngài hoàn toàn giác ngộ. Hôm nay đầu năm lễ Ngài để chúng ta nhớ rằng năm nay là một năm hứa hẹn chúng ta sẽ được giác ngộ. Nếu chưa được thì năm tới sẽ được chứ không thể nào tu sông được. Vì vậy ngày mừng một Tết đối với nhân gian là ngày Tết Nguyên

Đán, đối với nhà đạo là ngày vía đức Bồ-tát Di-lặc, một vị Phật sẽ thành mai sau. Như vậy mỗi khi nhớ đến Phật sẽ thành, nhớ ngày mừng một Tết, chúng ta nghĩ cũng sẽ giác ngộ, chớ không thể lười thôi được. Nhưng mà cái giác ngộ tôi nói đây không phải giác ngộ hoàn toàn như bậc Chánh đẳng chánh giác là Phật, mà là một thứ giác ngộ từng phút từng giây của chúng ta. Như vậy cũng không hồ thẹn gì đối với ngày vía này. Đó là tôi nói sơ thâm ý của ngày vía đức Phật Di-lặc.

Bây giờ đi thẳng vào mùa Xuân Di-lặc, nói đến mùa Xuân Di-lặc; nói đến mùa Xuân thì quý vị đều biết. Chúng ta chịu lạnh ở mùa Đông quá nhiều, đó cũng là lời nói vay mượn theo nước Trung Hoa v.v... Chúng ta chịu ảnh hưởng Trung Hoa ngoại quốc nhiều, cho nên ai cũng tưởng mùa Đông cây cối trơ trọi, sương tuyết đầy đường, lạnh buốt không chịu nổi. Nhưng thật sự ở miền Nam chưa có. Chúng ta hiểu theo những nước Trung Hoa, Nhật Bản, những nước Âu Châu tức cho mùa đông là một mùa lạnh lẽo, cây cối đều rụng lá trơ cành, không có cái gì sanh trưởng được. Nơi người thì do sức lạnh phải teo da xám thịt. Cái lạnh làm người ta không còn sức sanh trưởng nảy nở, phải chờ đến mùa Xuân cây cối mới đâm chồi nở hoa kết quả. Mùa Xuân tới thì cơ thể con người, lòng người mới được ấm áp vui sướng. Cho nên mùa Xuân là mùa ta hằng mơ ước. Mùa Xuân có cái gì hòa ấm tươi vui khiến cho mọi người hăng hái trong cuộc sống, vạn vật đâm chồi nảy lộc xanh tươi trong những ngày đó. Vì vậy, khi nói tới mùa Xuân là nói cả một cái gì đầm ấm trong con người.

Hiện nay mùa Xuân Di-lặc là mùa Xuân gì? Và chúng ta cùng chúc nhau những gì? Ở trên cuộc đời này có bao nhiêu người cứ theo cái mê lầm ảo tưởng của mình, chạy theo ngoại cảnh, bám vào ngoại cảnh cho là mình. Cho nên phải khổ đau theo dòng sanh diệt của ngoại cảnh. Như bao nhiêu người thấy cái gì cũng nói cái đó là của mình, lệ thuộc mình từ cái bản thân cho đến cái sự vật bên ngoài. Không có cái nào là không bám chặt vào mình. Bởi cái chấp ngã nặng nề đó cho nên con người phải khổ đau, khổ đau dài dặc từ kiếp này đến kiếp khác. Đó là cái chấp ngã sở, tức là vật sở hữu của mình. Tôi thấy cái hoa này là cái hoa của tôi. Nó tươi tôi vui, nó héo tôi buồn. Nếu cái này là hoa của thiên nhiên nó tươi nó héo là nó tươi nó héo không dính dáng gì đến tôi. Tại sao vậy? - Bởi vì mình đặt chủ quan mình vào sự vật, bắt sự vật lệ thuộc vào mình. Mình muốn lòng người đối với mình và sự vật thuộc về mình trường tồn vĩnh cửu. Cho nên khi có trạng thái biến đổi, xê dịch thì mình cảm thấy bất an, không vui rồi. Do đây mà người ta đau khổ vì bắt sự vật lệ thuộc vào mình. Khi nào chúng ta biết bản tánh sự vật là như vậy không đổi thay, không lệ thuộc vào ai cả, thì lúc đó chúng ta

mới nhìn sự vật với tính cách khách quan. Như thế chúng ta mới an vui tự tại. Cho nên cùng một cảnh ngộ, cùng một sự việc trên cõi đời này, có người thì cả ngày buồn lo rầu rĩ, sợ sệt, còn có người thì an ổn vui tươi. Đó là tại sao? - Chẳng qua đó là người biết sống, người không biết sống. Có người họ giành giật nhau từng miếng ăn để sống. Như vậy họ có biết sống không? Họ ham sống lắm. Nhưng sự thật họ sống trong cái chết, tức là họ vì miếng ăn, vì tất cả những cái không đáng giá gì mà họ lại đua nhau giành giật để rồi chết vì miếng ăn. Còn chúng ta nếu thức tỉnh được thì khác hơn họ nhiều. Do đó mà quý vị thấy, nhìn lên hình tượng đức Di-lặc trong các chùa xưa thờ, có đức Di-lặc nào buồn hay không? Chúng ta thấy đức Bồ-tát Di-lặc nào cũng nở nụ cười. Không bao giờ thấy đức Di-lặc nào buồn hết. Nói đến đức Bồ-tát Di-lặc là nói đến vui tươi. Tại sao Ngài cười hoài, Ngài giàu chăng? Ngài không giàu, Ngài có giàu gì đâu? Ngài có ưu điểm gì mà Ngài vui tươi mãi? Đó là cái điểm mà chúng ta phải chú ý.

Như khi nãy tôi nói, bắt ngoại cảnh lệ thuộc mình thì tự nhiên mình là người đau khổ. Mà quý vị có bắt ngoại cảnh lệ thuộc mình hay không? Tỷ dụ bây giờ đứng trước một trăm người, quý vị có muốn một trăm người đó dừng để ý gì đến quý vị hay không? Hay là muốn ai cũng chú tâm vào mình, nhìn vào mình để rồi khen mình, để rồi mến mình v.v... Nghĩa là muốn mọi người chú tâm vào mình, muốn tất cả sự vật đều thuộc về mình. Quý vị thấy cái hoa đẹp quý vị có muốn nắm cái hoa ấy trong tay hay không? Hay là thấy cái hoa đẹp nên để nó nằm yên trên cành trong rừng để nó giữ trọn vẹn hương sắc của nó. Cái gì chúng ta cho là đẹp ở bên ngoài đó, vừa trông thấy nó đẹp là bắt nó lệ thuộc vào mình. Cho nên nói theo Tổ Bồ-đề-đạt-ma, chúng ta cắt hoa chung như vậy cũng có tội. Bởi vì sao? Vì chúng ta ăn cắp sanh mạng của nó làm đẹp cho chúng ta. Đó là lối nhìn đáo đẽ của những vị tu hành, biết rõ rằng sự vật một cách khách quan. Ngược lại chúng ta thấy cái gì đẹp là muốn đem về phòng chung hoặc để đâu đó, nghĩa là phải lệ thuộc về mình. Còn cái đẹp bên ngoài thì chúng ta không muốn. Đó là cái bệnh mà tất cả chúng sanh hiện giờ đang mắc phải. Nói cái bệnh đó tôi chưa cần phải giải thích mà xin dẫn lời một Thiền sư Trung Hoa. Thiền sư Bồn Tịnh đã nói lên cho chúng ta thấy bệnh đó qua bốn câu kệ:

Nhật niên Xuân tận nhật niên Xuân  
Dã thảo sơn hoa kỷ độ tân  
Thiên hiểu bất nhân chung cổ động  
Nguyệt minh phi vị dạ hành nhân

Tạm dịch:

Một năm Xuân trọn một năm Xuân

Cỏ dại non hoa mấy độ tươi  
Trời sáng chẳng do chuông trống động  
Trăng trong đâu bởi khách đi đêm

Như vậy nghĩa là sao? Bởi vì quý vị nhớ ở chùa xưa lâu nay tới bốn năm giờ thức dậy công phu đánh chuông đánh trống. Những nhà hàng xóm những đứa bé trong làng bị ba má nó kêu dậy. Thí dụ như: Ở chùa công phu đánh chuông trống, trời sáng rồi, a! Dậy đi thả bò ăn. Thế nên nó quen có quan niệm là chùa đánh trống là trời sáng. Nhưng nhân chùa đánh trống mà trời sáng, hay là chùa đánh trống là chùa đánh trống, còn trời sáng là trời sáng? Không phải chùa đánh trống mà trời sáng, nhưng người ta quen khi nghe chùa đánh trống động chuông công phu là nói trời sáng. Như vậy tại sao có thói quen đó? Bởi vì mình cứ tưởng tượng có cái gì thúc giục, duyên mới xuất hiện, thành ra trời sáng thuộc về đánh trống đánh chuông của nhà chùa. Rồi trăng sáng có những người khách đi ban đêm, nhân có trăng sáng người mới đi chơi đêm. Như vậy trăng sáng cho họ đi chơi đêm hay là khách đi chơi đêm vì trăng sáng? Đó là chỗ mà chúng ta phải thấy rõ. Người đi đêm thì họ tự đi, trăng sáng là trăng tự lên mà sáng không phải vì khách đi đêm mà trăng sáng. Nhưng trăng sáng người khách mới lợi dụng trăng sáng mà đi chơi đêm. Như vậy rõ ràng là chúng ta nhìn sự vật bằng con mắt chủ quan cho tất cả đều vì mình. Thí dụ như quý vị thấy ở sông có cá ngoài biển có tôm, quý vị sẽ nói sao khi con cái hỏi: Vì sao có cá có tôm? Là cha mẹ quý vị cắt nghĩa với con ra làm sao? - Trời sanh ra để mình ăn đó. Rồi thấy ngoài đồng, tại sao có lúa có đậu có bắp? Cũng bảo trời sanh để mình ăn. Tất cả cái gì cũng để cho mình hết. Rồi hỏi tại sao có mưa? - Có mưa để mình làm ruộng. Tại sao có nắng? - Có nắng để mình phơi lúa. Tất cả cái gì cũng để cho mình. Vì vậy mà trong vũ trụ này mình là trung tâm. Bởi vì mình là trung tâm vũ trụ cho nên ai không làm theo ý mình thì mình nổi tức lên. Tỷ dụ như mình phơi lúa mà mưa xuống thì có nổi giận hay không? - Tại sao người ta đang phơi lúa mà trời lại mưa? Như vậy mình bắt thiên nhiên lệ thuộc về mình, mà lệ thuộc bằng cách ngu tối mê mờ của mình, chớ không phải lệ thuộc bằng cách không ngoan. Bởi bắt lệ thuộc về mình nên mới khổ đau vì không được như ý.

Quý vị thấy tất cả chung quanh chúng ta từ con người đến muôn vật, có cái nào chiều theo ý chúng ta hay không? Mà giả sử có ông Trời, ông cũng không chiều nổi nữa. Muốn cái này đòi cái kia, được cái kia đòi cái khác. Nếu muốn một người được thỏa mãn hoàn toàn thì cả vũ trụ nhân loại này đều phải là nô lệ cho người đó hết. Do đó con người lúc nào cũng đau khổ vì thấy ngoại cảnh bất như ý. Tại sao bất như ý? Vì mình bắt ngoại cảnh

lệ thuộc về mình. Nếu mình có cái nhìn khách quan, thì sẽ thấy ngoại cảnh là ngoại cảnh, không cái gì thuộc về mình hết, không cái gì vì mình hết. Trăng trong là trăng trong, không phải vì mình đi đêm mà trăng trong. Trời sáng là trời sáng chứ không phải vì chùa đánh chuông đánh trống là trời sáng. Như hoa cỏ nó tươi nó nở là tới thời tiết nó tươi nó nở, chứ không phải vì cái gì mà nó tươi nó nở.

Nói tóm lại qua bốn câu thơ đó, Thiền sư Bôn Tịnh đã cho ta thấy rằng chúng ta bệnh chủ quan quá nặng nên bắt ngoại cảnh lệ thuộc vào chúng ta. Nhưng ngoại cảnh có chịu lệ thuộc vào chúng ta hay không? Hẳn là không? Khi thời tiết nhân duyên tới thì hoa trở bông kết trái chứ không phải mình muốn là được. Nhiều người không biết như vậy, trồng cây mới đặt xuống năm bảy hôm là muốn cho nó lớn mau, rồi muốn nó có bông có trái liền. Năm bảy ngày không thấy nó lớn, lại muốn nhong nhóng lên cho nó mau lớn. Đó là cái bệnh tham lam của con người. Bởi cái gốc tham lam mê muội đó mà người ta mãi mãi đau khổ. Ở đây Thiền sư muốn cho ta hết đau khổ, Ngài chỉ cho chúng ta thấy phải dứt đi hết bệnh tham lam. Mà bệnh tham lam là bệnh chấp ngã sở, tức bắt ngoại cảnh lệ thuộc vào mình. Quý vị nghĩ con cá con tôm phải sanh ra cho chúng ta ăn hay không? Nó là nó, sự sanh sản của nó là nó, chứ không phải vì chúng ta mà nó sanh. Tất cả cái khác cũng như vậy. Như vậy sự vật ở cõi đời này, không có cái gì vì chúng ta hết, nhưng chúng ta tạo phương tiện tìm kiếm tàn sát để nuôi dưỡng chúng ta. Đó là sự lợi dụng của chúng ta, chứ không phải nó sanh ra để cho chúng ta ăn. Ngoài tôm cá tất cả cái khác cũng vậy. Cho nên trong nhà Phật dùng danh từ rất chuyên môn gọi là “Pháp nhĩ như thị” tức là các pháp nó như vậy. Các pháp không thuộc vào ai hết, nó không bị cái gì chi phối, không lệ thuộc vào cái gì, nó là nó, nếu bắt nó lệ thuộc là mình ngu si. Tại sao vậy? Chúng ta cứ suy gẫm lần lần như tôi nói nãy giờ. Chúng ta biết một năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, hoặc ấm áp hay lạnh lẽo, hoặc gió mưa hay khô cạn. Bốn mùa đó không phải vì chúng ta mà có, nhưng do sự xoay vần của trái đất. Nhân biết có bốn mùa rồi chúng ta mới lợi dụng. Mùa mưa thì chúng ta ven bờ làm ruộng, mùa nắng hạn thì chúng ta phơi lúa, làm những việc khô khan. Mùa lạnh thì chúng ta sắm những cái mền, những cái áo ngủ ấm để mà che lạnh. Mùa nào chúng ta làm hợp theo mùa nấy. Nói tóm lại chúng ta biết có bốn mùa, đó là thiên nhiên sẵn như vậy, chứ không phải vì chúng ta. Nhân chúng ta biết đó mà lợi dụng làm việc sao cho phù hợp với bốn mùa. Đó là chúng ta khôn ngoan muốn sống. Nếu không chúng ta cứ bắt nó lệ thuộc vào chúng ta; và như đang mùa nắng mà chúng ta muốn mưa thì sao? Có mưa được không? Muốn mưa mà không mưa ngồi đó mà trách trời

trách đất: Hôm nay tôi cần mưa mà không mưa cho tôi. Đó là cái đau khổ do si mê của mình.

Ngoài ra tất cả cái khác cũng vậy. Tỷ dụ như thế gian, người nuôi con chó thì nghĩ rằng, nuôi nó để giữ nhà cho mình. Khi nào có ăn trộm, nó ngủ quên nó không sủa thì đánh đập nó. Nhưng nó có hứa nó giữ nhà cho mình đâu, mà thói quen của nó thấy người lạ là sủa. Nó sủa vậy thôi chứ nó không nghĩ sủa như vậy là giữ nhà, giữ ăn trộm cho người chủ. Thế mà có ăn trộm nó ngủ quên sủa thì mình đập nó. Khi nuôi gà, người ta có ý nghĩa để nó gáy cho mình thức đúng giờ, hoặc để mình ăn thịt. Tại mình quan niệm như vậy chứ nó đâu có nghĩ là tôi gáy cho ông bà nấu cơm đúng giờ đâu. Ngựa cỏ nó cứ gáy vậy thôi. Bữa nào nó quên mình bực bội trách tại sao không gáy làm cho người ta ngủ quên. Như vậy mình có phải bắt buộc nó làm theo ý mình không? Đó là tánh cách ngu si chủ quan. Mình muốn bắt tất cả cái gì cũng làm lợi cho mình hết. Sự vật bên ngoài nó có nghĩ làm lợi cho ai đâu. Nó là nó. Có cơ duyên gì đó mới làm như vậy chứ không phải nó làm cho mình. Nó đâu có nghĩ nó làm cho mình rồi khi thiếu sót một chút không làm đúng như các trường hợp cũ, thì mình tức giận lên và mình có thể làm hại nó nữa.

Như vậy chúng ta thấy tất cả sự vật nó là nó, nó không phải lệ thuộc vào chúng ta. Chúng ta vì tham lam bắt nó lệ thuộc vào chúng ta, cho nên nếu có một cái không lệ thuộc về chúng ta là chúng ta đâm ra tức giận. Tỷ dụ đi vào vườn hoa của người, khi thấy một hoa đẹp muốn thuộc về mình. Nếu xin mà ông chủ không cho liền nổi giận. Vì thấy nó đẹp, muốn nó về mình, không được như ý là tức giận lên. Rồi tất cả cái khác đều cũng như vậy. Nếu thấy hoa đẹp để ngắm thì có tức giận đâu. Thấy cái gì cũng muốn thuộc về mình, khi có một cái không lệ thuộc về mình mới đâm ra buồn khổ. Cái khổ đó từ đâu đem đến cho mình? Quả tang là chúng ta tham lam bắt sự vật thuộc về mình, nên chúng ta đau khổ. Nếu bây giờ chúng ta biết sự vật là sự vật không thuộc về ai hết, ta nhìn nó với tánh cách khách quan thì có lúc nào buồn đâu. Thấy người ta có cái nhà tốt thì vui được thấy cái nhà tốt, đừng muốn cái nhà tốt thành của mình, tự nhiên mình vui rồi. Sở dĩ mình thấy người ta có nhà tốt mà mình có nhà xấu mình buồn, vì mình muốn được cái nhà tốt như người, nên mới có niềm bất an trong lòng. Chớ mình thấy người ta có cái nhà tốt, mình mừng được thấy cái nhà đẹp quá. Thấy người có cái áo tốt, mình mừng được thấy cái áo đẹp. Được như vậy cả ngày mình vui hoài. Người có cái này đẹp, người có cái kia, rồi ngoài vũ trụ có bao nhiêu cái đẹp. Thấy được cái đẹp thì vui, chớ mình không bắt cái gì về mình hết. Nếu mình muốn cái gì tốt đẹp, muốn về mình thì cả ngày mình cứ buồn

hoài. Đi ra thấy người ta có chiếc xe hơi đẹp, thấy mình không có mình buồn. Thấy người ta có cái nhà đẹp mình không có mình cũng buồn. Như vậy buồn cả ngày. Đó là tự mình vì mình muốn cái gì đẹp về mình, cho nên càng muốn là càng khổ.

Nếu chúng ta biết tất cả cái đẹp không lệ thuộc về chúng ta thì chúng ta hết khổ. Hết khổ một cách an nhàn tự tại. Chúng ta cũng không đổ ky, không ghét không khó khăn với ai hết. Ai có gì đẹp thì mình tán thán tùy hỉ liền. Khi thấy cái đẹp mình có ý nghĩ: À ông ấy có cái đẹp thích quá, mà mình không xin, không muốn lệ thuộc về mình thì tức nhiên mình có đổ ky với người đó đâu. Ở thế gian, quý vị thấy một người anh ruột mà giàu, người em nghèo thì người em có thương người anh ruột hay không? - Cũng có hơi đổ ky rồi. Người khác cũng vậy, tại vì muốn tất cả gồm về mình. Lúc nào họ cũng thấy mình là trung tâm vũ trụ, bắt buộc tất cả phải về mình hết. Ra ngoài đường người ta không nhìn mình, mình cũng hơi giận rồi. Cái gì cũng phải chú vào mình hết. Người ta ít chú ý về mình thì mình không bằng lòng. Đó là quan niệm chủ quan quá đáng. Chủ quan đó gọi là chấp ngã nặng, bắt ngoại cảnh phải lệ thuộc về mình, gọi là chấp ngã sở. Vì vậy chúng ta phải biết rõ ràng tất cả pháp ở giữa đời này, không có cái gì thuộc về cái gì hết. Nó là nó, nó không thuộc về mình. Sở dĩ mình khôn khéo mình lợi dụng nó để ứng dụng, để chu cấp cho cuộc sống của mình, chớ nó không lệ thuộc về mình. Nó rõ ràng như vậy đó.

Nếu biết tất cả pháp không lệ thuộc về mình thì pháp nào ở bản vị pháp nấy. Cái hoa này nó ở bản vị của nó, tất cả cái khác nó ở bản vị của nó, không lệ thuộc cái nào hết, nó là nó. Tuy nhiên nó sanh nó diệt. Nó sanh nó diệt theo thời tiết nhân duyên của nó chớ không lệ thuộc vào cái nào. Nhưng mà chúng ta có bằng lòng với sự vật bên ngoài - nó là nó - không lệ thuộc về mình hay không? - Không ai bằng lòng hết. Chính cái đó là cái đau khổ, muôn ngàn đời đau khổ cũng vì cái đó. Cho nên nói hoa nở cả vườn mà chỉ có vườn của ta thì hoa không nở. Bởi vì của ta nên nó héo hoài. Còn nếu không thấy còn của ta thì nó nở đầy vườn. Bây giờ quý vị đi ra ngoài thấy cái đẹp nào đều không bắt về mình thì thấy cả thế gian đều là đẹp. Còn nếu bắt nó về mình thì cả thế gian đều là xấu hết. Mình thấy người ta có cái nhà đẹp mà không thuộc về mình, mình không bằng lòng, cho nên tìm cách này cách kia phê bình cho nó xấu bớt đi. Đó là cái bệnh của chúng sanh như vậy.

Giờ đây chúng ta khách quan nhìn tất cả sự vật, các pháp thế gian này nó không thuộc về ai hết, nó là nó. Không phải vì có ta mà nó thuộc về ta. Hiểu được như vậy, thấy được như vậy là tự chúng ta hết khổ rồi. Chúng



ta sẽ cười hoài như ngài Di-lặc. Đi thấy ai cũng có cái hay cái đẹp, cười hoài không có buồn. Còn nếu bắt nó thuộc về mình thì buồn hoài cả ngày, không bao giờ mình vui được, đó là cái thuật sống. Sống an lành hạnh phúc như ngài Di-lặc. Vì vậy mà trong kinh Pháp Hoa có câu:

Thị pháp trụ pháp dị  
Thế gian tướng thường trụ

Tức là các pháp ấy nó ở bản vị của nó, như vậy là tướng thế gian thường còn mãi mãi. Còn bắt nó lệ thuộc thì nó sẽ tiêu tan. Tỷ dụ thân chúng ta bây giờ có thật là của chúng ta hay chưa? Bởi thấy của chúng ta nên khổ vì nó.

Nãy giờ nói là tôi nói sự vật bên ngoài. Bây giờ nói thẳng cái tứ đại nặng ba mươi bốn năm mươi ký hoặc sáu mươi ký đó là của chúng ta hay không? Thật tình là ai cũng nói của mình hết. Quý vị nghĩ cho thật kỹ mà coi. Khi chúng ta có một ly nước, lúc còn ở ngoài này là nước của ai? Nước là nước không của ai hết. Nhưng khi vô khỏi cốc rồi thì nói của mình. Tới chừng hai ba tiếng đồng hồ sau, nó ra rồi thì là nước của ai? Như vậy cái gì là cái của mình. Như hơi thở, khi không khí ở ngoài này là không khí, hít vô lỗ mũi là hơi thở của mình. Lát nữa thở ra rồi nó đi đâu? Là của ai? Như vậy cái “của” này chỉ là cái tạm. Như cái nhà người này vô người kia ra. Người bước vô nhà người đó có thuộc cái nhà này không? Tại sao chúng ta chấp tứ đại là nhà của mình? Bây giờ, quý vị thấy tứ đại hằng ngày: thở là không khí, chất lỏng là nước, chất cứng là đất, thân có hơi ấm là lửa. Như vậy đất nước gió lửa hòa hợp lại làm thân tứ đại này. Nếu tứ đại ở ngoài không phải là của mình, vậy tứ đại ở trong này là của mình hay sao? Biết tứ đại ở ngoài không phải là của mình, thì ở trong đây đâu phải là của mình. Nếu thật là của mình thì, mình hoàn toàn làm chủ. Mình muốn nó còn là nó còn, muốn bỏ nó là nó mất. Nhưng có người muốn giữ nó mà giữ không được thì sao? Như vậy để chúng tỏ rằng nó không thuộc của mình. Cho nên đủ duyên thì nó còn, duyên thiếu thì nó rã. Mà khi nó rã nó có thật mất hay không?

Chúng ta mượn không khí làm hơi thở chúng ta. Đến khi hết duyên, chúng ta thở ra thì nó thành không khí lại. Nó trở lại bản vị không khí của nó. Nước chúng ta còn dùng nó, đến khi hết dùng trả ra lại trở thành nước. Cái thân đất này tới chừng trả ra nó trở thành đất lại. Đâu trả về bản vị này không mất tí nào. Nhưng mà duyên hợp thì đổi hình đổi tướng vậy thôi. Duyên hết rồi thì đâu trả về đó, không có cái gì gọi là mất. Cho nên nói “Tướng thế gian thường trụ”. Trong khi hợp đó chúng ta làm mê bám vào

cái đó nói là của mình. Tứ đại này cũng cho là mình. Cho nên cả cuộc đời chúng ta đau khổ. Quý vị nghĩ có lúc nào chúng ta vui được không? Bởi vì nhớ tới thân này, ai mà không bệnh, không tê thấp thì đau gan, không đau gan thì đau bao tử, hoặc phổi tim v.v... có đủ thứ đau nên sợ thân hoại. Vì nghĩ nó là mình, nên lo sợ nó rã nó mất. Đối với thân thì lo sợ, đối với ngoại cảnh thì bắt nó thuộc về mình, cho nên không được như ý.

Người nào cho tứ đại là mình, đó là người đau khổ suốt kiếp. Không có ngày nào an lành hết, vì ngay trong tứ đại chúng ta thấy, nó không thuộc về ai hết. Tứ đại là tứ đại - giả hợp chúng ta mượn nó làm bè qua sông. Nó còn ngày nào thì chúng ta đeo nó, nó rã thì thôi. Như vậy đối với thân thì không sợ còn mất, đối với cảnh không còn tham lam bắt nó về mình. Người sống như vậy có an vui hay không? Như vậy không cười còn đợi cái gì? Không lo sợ gì hết. Không lo sợ cái này cái kia, mình không lo sợ thân này bệnh hoại đi là mình thấy an lành tự tại suốt ngày. Được như vậy là ta hưởng mùa Xuân Di-lặc sơ sơ rồi. Năm nào, ngày nào, tháng nào, chúng ta cũng thấy là ngày Xuân hết. Ngày nào cũng là ngày an lành đẹp đẽ. Nếu không như vậy thì chúng ta sẽ đau khổ dài dài. Ngày nào cũng đen tối. Cái này bất như ý, cái kia bất như ý. Nhớ đến thân là thân nhiều bệnh. Nhớ đến cảnh là cảnh của người. Cho nên rồi đau khổ, đau khổ hoài không hết. Đó là tôi chỉ cho quý vị thấy chúng ta muốn hưởng mùa Xuân Di-lặc là phải hưởng như thế đó. Đó là Xuân Di-lặc về hình thức.

Còn Xuân tâm niệm? Làm sao tâm niệm chúng ta an lành suốt cả năm suốt cả tháng. Đó mới là cái Xuân cao quý nhất. Một Thiền sư Trung Hoa có làm bốn câu kệ nói lên mùa Xuân:

Lưu thủy hạ sơn phi lưu ý  
Phiên vân qui động bản vô tâm  
Nhân sanh nhược đắ như vân thủy  
Thiết thọ khai hoa biến giới xuân

Tạm dịch:

Nước tuôn xuống núi nào có ý  
Mây bay về động vốn không tâm  
Người đời nếu được như mây nước  
Cây sắt trở hoa khắp chốn xuân

Sở dĩ chúng ta không được mùa xuân vĩnh cửu là vì chúng ta chỉ thấy Xuân qua tâm niệm sanh diệt. Thấy cây cỏ tươi tốt trở hoa đâm chồi, chúng

ta vui mừng cho đó là Xuân. Như vậy chúng ta vui mừng theo cảnh theo thời gian. Cái mừng đó là cái vui của tâm sanh diệt. Mà đã vui mừng chạy theo cảnh, theo thời gian, nếu cảnh tàn, thời gian qua thì cái vui còn hay hết? Cái xuân như thế là cái xuân hữu hạn. Cái Xuân của thời gian thì biến đổi, cái Xuân của ngoại cảnh thì suy vi. Bây giờ nếu chúng ta hoạt động như bao nhiêu người, nhưng hoạt động như mây bay như nước chảy. Trong khi hoạt động đó ta không bị vọng tưởng làm chủ mà hằng sống với tâm thanh tịnh của chúng ta. Tâm thanh tịnh đó nó lặng lẽ trong trẻo chẳng khác nào như cây sắt. Nhưng trong cái lặng lẽ trong trẻo đó không phải nó không có gì. Chính trong cái lặng lẽ, trong trẻo đó nó phát ra trí tuệ sáng suốt. Đây dụ như cây sắt trở bông. Trong cái lặng lẽ trong trẻo đó chúng ta tưởng chừng như không có cái gì hết, nhưng không ngờ ngay trong đó lại phát ra cái trí tuệ diệu dụng bất tư nghì. Cho nên đây ví dụ cho cây sắt trở bông. Người ta tưởng không bao giờ cây sắt trở bông, nhưng khi cây sắt trở bông rồi sẽ thấy khắp bầu trời đều là Xuân không cùng tận.

Bây giờ quý vị nhớ lại khi tâm không đầy niệm, lúc đó quý vị thấy có mình hay không? Tất cả người thế gian ai cũng vậy, có nghĩ thì nói tôi nghĩ thế này tôi nghĩ thế kia, không nghĩ thì lúc đó làm sao? Không biết gì hết. Họ tưởng chừng như mất họ rồi không còn gì hết. Nhưng mà không ngờ sau khi dừng lại hết những cái nghĩ đó, chừng đó nó mới sáng, tức là mới phát cái trí tuệ sáng suốt; trong kinh Bát-nhã gọi là “Thanh Tịnh Trí”. Trí tuệ sáng suốt đó nhìn sự vật, nhìn vũ trụ bằng tâm thanh tịnh, nên vũ trụ theo đó mà thanh tịnh. Chừng đó khắp cả bầu trời đều là Xuân. Bởi vì nó không còn cái tâm sanh diệt nữa. Tất cả đều là an lành đều là vĩnh cửu. Lúc đó mới gọi là “biến giới Xuân”. Xuân khắp bầu trời ở đâu cũng là Xuân hết. Như vậy trong muôn người muôn cảnh, chúng ta thấy đều là Xuân. Thời gian nào chúng ta cũng thấy đều là Xuân. Mà cái Xuân được chẳng là sau khi tâm chúng ta giống như mây bay giống như nước chảy. Mây bay nước chảy mà không có tâm, thì chúng ta hoạt động tất cả mà không có vọng tưởng. Lúc đó chúng ta thấy khắp bầu trời là một mùa Xuân. Nếu chúng ta mang vọng tưởng là Xuân có hạn có chừng. Như vậy chúng ta ai muốn hưởng mùa Xuân Di-lặc, mùa Xuân đó phải như vậy. Một mùa Xuân không còn lệ thuộc vọng tưởng sanh diệt thì đó mới là mùa Xuân chân thật. Tôi đã đứng hai mặt để diễn đạt mùa Xuân Di-lặc:

1- Dứt mê lầm chấp ngã bắt ngoại cảnh và tứ đại này lệ thuộc vào mình. Lúc đó chúng ta hưởng được mùa Xuân an lành tự tại.

2- Chúng ta bật hết vọng tưởng điên cuồng, với tâm thanh tịnh sáng suốt nhìn bầu trời sáng suốt để hưởng mùa Xuân vĩnh cửu bất sanh bất diệt.

Một Thiền sư Việt Nam đã nói đến mùa Xuân đó dù không đề cập đến chữ Xuân. Khi vua Nhân Tông hỏi Ngài ở núi làm gì, ở được bao lâu? Thiền sư Thiền Lão trả lời:

Đản tri kim nhật nguyệt  
Thùy thức cựu xuân thu

Tạm dịch:

Chỉ biết ngày tháng này  
Ai rành xuân năm trước

Hỏi hằng ngày Hòa thượng làm gì? Ngài nói:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh  
Bạch vân minh nguyệt hiện toàn thân

Tạm dịch:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác  
Trắng trong mây bạc hiện toàn thân

Như vậy ngày nào chỗ nào chẳng phải là Xuân? Nếu tâm chúng ta không còn lệ thuộc vào thời gian quá khứ hiện tại vị lai, lúc đó chúng ta an nhiên tự tại thanh tịnh. Đó là cái tâm bất sanh bất diệt của chúng ta. Mà sống với cái tâm bất sanh bất diệt đó để nhìn sự vật, cái nào chẳng đẹp, cái nào chẳng thanh tịnh, vì đâu cũng là chân tâm biến hiện, đâu đâu cũng là cảnh đẹp của mùa xuân, không riêng nơi nào lúc nào. Như vậy quý vị thấy rõ cuộc sống của chúng ta muốn được an lành đời đời kiếp kiếp, an vui tự tại hưởng một mùa Xuân Di-lặc thì không gì hơn:

1- Trước hết chúng ta phá cái chấp u mê bản ngã, bắt ngoại cảnh phải lệ thuộc về mình.

2- Kế đó chúng ta phải lặng hết vọng tưởng.

Như vậy chúng ta thấy trên cõi đời này đều là một cõi đời an lành tự tại. Ngay trong thế gian này là một thế giới của chư Phật chớ không phải của phàm phu nữa. Đó là cái XUÂN DI-LẶC vĩnh cửu trường tồn nơi chúng ta.

---o0o---

## **ĐỨC DI-LẶC VÀ Ý NGHĨA SÁU ĐỨA BÉ**

**XUÂN ĐINH TÝ 1977**

Trước hết tôi nói về danh hiệu của Ngài, kế đến sẽ nói đến ý nghĩa sáu đứa bé chọc phá Ngài.

Mỗi mùa Xuân đến, mọi người đều in thiệp chúc Tết nhau. Trong nhà chùa nói chung, nhất là Phật giáo Bắc tông, hầu hết đều chúc nhau một mùa Xuân Di-lặc hay là một mùa Xuân hạnh phúc quanh năm. Như vậy đức Phật có liên hệ gì đến mùa Xuân, mà chúng ta cầu chúc một mùa Xuân Di-lặc. Có nhiều người đã nghiên cứu lịch sử, họ cho rằng ngày mừng một Tết là ngày đản sanh của đức Di-lặc. Tôi chưa biết đó là ngày đản sanh của một hóa thân nào hay là hóa thân của tiền kiếp bao xa. Chúng tôi chỉ biết rằng ngày mừng một tháng giêng là ngày vía đức PHẬT DI-LẶC.

Tại sao chúng tôi chỉ cần biết bao nhiêu đó, mà không cần coi ngày đản sanh này phát xuất từ đâu? Bởi vì lịch sử của Bồ-tát ứng thân vô lượng, làm sao chúng ta căn cứ một bề, lấy đó làm tiêu chuẩn. Cho nên chúng tôi thấy rằng dù có thiếu cũng không sao. Nó không đem lại kết quả như ý, vì lẽ đó cho nên chúng tôi không thiết tha xem có phải là đản sanh ở Ấn Độ hay ở Trung Hoa. Chúng tôi chỉ biết một điều thật là quan trọng trên danh nghĩa Di-lặc mà chúng ta thường tụng thường nguyện.

Khi nãy chúng ta đã tụng lên rằng: Nam-mô Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật. Đó là chúng ta thể theo lời huyền ký của đức Bồn sư Thích-ca Mâu-ni. Ngài đã huyền ký rằng sau này Bồ-tát Di-lặc sanh lên cung trời Đâu-suất. Khi mãn công hạnh trên đó sẽ đến thế giới Ta-bà này thuyết giảng. Bao giờ tuổi thọ con người chỉ còn mười tuổi là chót. Con người khi đó ăn hiền ở lành tức là trải qua một cuộc biến động về những tai nạn gươm đao v.v... chết chỉ còn một số trên non trên núi. Những người đó mới thấy rằng do mình ăn ở hiền lành nên bây giờ mới sống sót. Họ mới phát tâm tu hành, gìn giữ thập thiện. Tuổi thọ những người ấy tăng lên cho đến bốn mươi tám ngàn tuổi, chừng đó đức Phật Di-lặc ra đời. Quý vị

thấy theo lời huyền ký đó thì bao lâu nữa Ngài mới ra đời? Có lẽ chúng ta sanh đi tử lại chừng một trăm một ngàn lần, biết gặp được Ngài hay chưa? Vậy mà hiện tại có lắm người vỗ ngực xưng rằng ta là Di-lặc. Như vậy họ xưng đó là mạo danh, lợi dụng lời huyền ký ở trong kinh để làm cho người ta lầm tưởng. Sự thật người học Phật chân chánh nghe nói đức Phật Di-lặc ra đời thì cứ nhớ hiện giờ là thời kỳ giảm của chúng ta, vì chúng ta làm ác nhiều. Đối với thập ác đa số đều thực hiện, vì đa số làm ác nên tuổi thọ càng ngày càng giảm. Cứ một trăm năm giảm một tuổi, giảm cho đến mười tuổi là bao nhiêu năm? Bây giờ chúng ta đang ở giai đoạn từ sáu mươi đến tám mươi tuổi thọ, tạm nói là sáu mươi tuổi đi. Trăm năm giảm một tuổi, thì chừng nào đến mười tuổi. Rồi từ mười tuổi tăng lên bốn mươi tám ngàn tuổi, thì còn bao lâu nữa. Như vậy thời gian Ngài ra đời còn xa lắm. Tôi đã từng nói mỗi đức Phật ra đời không làm việc trùng lập nhau. Cho đến bao giờ giáo lý của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, danh từ Tam Bảo không còn biết tới nữa thì, mới có một đức Phật khác ra đời là đức Phật Di-lặc. Hiện nay người ta còn nhớ vanh vách danh từ Tam Bảo, còn thờ Phật đầy chùa, Tăng Ni còn đầy đường, làm sao nói giáo lý Phật hết được? Các ngài đâu có làm việc trùng lập với nhau. Đó là chúng tôi nói phóng ra về ý nghĩa ngày Xuân.

Tại sao chúng ta gọi đức Di-lặc là Long Hoa giáo chủ? Bởi vì đức Phật Thích-ca gọi là Ta-bà giáo chủ, vị giáo chủ trong cõi Ta-bà này. Còn đức Phật Di-lặc sẽ thành đạo dưới cội cây Long Hoa trong thời đó, cho nên gọi là Long Hoa giáo chủ. Ngài là đức Phật sẽ thành trong tương lai, và tương lai đó bao xa khó mà tính hết thời gian được. Nhưng chúng ta tin rằng tương lai sẽ có đức Phật ra đời. Nếu đức Phật ra đời, đó là một điểm phúc cho chúng sanh, là một cây đuốc sáng cho nhân loại. Vì vậy cho nên khi nghĩ đến đức Phật ra đời là chúng ta cảm thấy cả một nguồn hạnh phúc an lành.

Đối với tất cả chúng ta ngày mừng một Tết là ngày đầu của một năm, ngày mở màn cho năm tới. Mà năm tới với người Phật tử thì tràn trề hứa hẹn. Hứa hẹn cái gì? - Hứa hẹn mình sẽ thành Phật. Đó là hứa hẹn rất cao siêu rất quý báu. Tất cả chúng ta hứa hẹn rằng ngày mai sẽ thành Phật chắc chắn như vậy. Cho nên ngày mừng một Tết này là ngày vía đức Phật Di-lặc, cũng là ngày hứa hẹn hạnh phúc cho chúng sanh. Hạnh phúc bằng cách giải thoát nạn khổ đau, ra khỏi vòng luân hồi, chớ không phải hạnh phúc trong ngũ dục tầm thường của nhân gian. Thế nên mỗi năm đến ngày mừng một Tết, toàn thể Tăng Ni cùng chư Phật tử đến chùa lễ Phật gọi là ngày đầu năm, nhưng thật tình là ngày vía đức Phật Di-lặc, ngày vía của vị Phật sẽ thành. Đức Phật Di-lặc là hình ảnh ở bên ngoài mà cũng là sự hứa hẹn ở nội

tâm chúng ta. Chúng ta nhớ đến đức Phật sẽ thành ở ngày mai thì, chúng ta cũng nhớ luôn mai kia chúng ta sẽ thành Phật. Vì vậy cho nên ngày mừng một Tết không chỉ lay đức Phật với lòng thành kính mà thôi, chúng ta còn mong rằng ngày mai chúng ta cũng sẽ thành Phật như Ngài. Thế nên mọi người Phật tử chúng ta cầu chúc cho nhau một mùa Xuân Di-lặc tức là một mùa Xuân hứa hẹn sẽ thành Phật. Chính cho bản thân mình, chớ không phải chỉ có mùa Xuân của đức Di-lặc ở bên ngoài. Đó là ý nghĩa thâm sâu của ngày vía đức Phật Di-lặc vào ngày mừng một Tết. Tất cả chúng ta nhớ đến ngày vía đức Phật Di-lặc tức là nhớ đến cái hy vọng tươi đẹp của ngày mai, chớ không phải chúng ta chỉ nhớ đức Phật Di-lặc mà quên hẳn nơi mình. Đó là tôi nói ý nghĩa Long Hoa giáo chủ đương lai hạ sanh.

Bây giờ chúng ta đi vào ý nghĩa hình tượng của Ngài. Chắc rằng chúng ta ai cũng từng thấy hình tượng đức Di-lặc ở các ngôi chùa. Có khi người ta thờ Ngài với vẻ mập mạp; cười toe toét. Có chỗ khác cũng thờ hình tượng như vậy mà có sáu đũa nhỏ. Đũa thì chọc ngón tay vô rún, đũa thì móc lỗ mũi, đũa thì móc miệng, đũa thì dùi lỗ tai v.v... mà Ngài cứ cười hề hề không phiền, hoặc bị chướng ngại gì hết.

Tại sao như vậy? Hình ảnh đó nói lên cái gì? Đó là điều thiết yếu, chúng ta nên chú tâm vào chỗ đó. Chắc rằng quý vị không quên khi học kinh Lăng Nghiêm lúc mười phương chư Phật dị khẩu đồng âm tuyên bố cho ngài A-nan và đại chúng nghe: “Khiến ông phải luân hồi sanh tử, chính là sáu căn của ông, chớ không phải vật gì khác... khiến ông chóng chóng Vô thượng Bồ-đề, cũng chính là sáu căn của ông, chớ không phải vật gì khác.” Như vậy cội gốc sanh tử cũng là sáu căn của chúng ta: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Cội gốc Bồ-đề Niết-bàn cũng là sáu căn của chúng ta. Như vậy con đường để trở về giác ngộ hay là con đường sanh tử luân hồi có một hay là hai? Sanh tử luân hồi cũng đi con đường đó mà Bồ-đề Niết-bàn cũng đi con đường đó, nhưng mà có khác nhau. Một người thì đi theo chiều thuận của nó gọi là thuận lưu, một người đi theo chiều nghịch, cũng trên con đường đó mà đi ngược trở về gọi là nghịch lưu. Đi theo chiều thuận đó là sanh tử luân hồi. Đi theo chiều nghịch đó là giải thoát sanh tử. Như vậy thì không có hai đường. Ví dụ chúng ta về Sài Gòn, cũng đi trên đường Vũng Tàu - Sài Gòn. Sài Gòn - Vũng Tàu cũng đi đường đó thôi. Nhưng nói về Sài Gòn là đi trở về, nói đi Vũng Tàu là đi trở ngược ra. Chỉ khác một người đi trở ra, một người đi trở vô thôi. Khác nhau ở chỗ đó. Đường thì một mà hai người đi nghịch hoặc thuận chiều, kết quả sẽ có hai ngã khác nhau, và hai địa điểm khác nhau. Cũng như vậy, nơi sáu căn của chúng ta nếu ta thuận chiều với nó, đó là chúng ta đi trong luân hồi sanh tử. Chúng ta đi ngược chiều với nó

là chúng ta trở về Niết-bàn, Bồ-đề, giải thoát v.v... Như vậy để thấy rõ trên con đường tu, tuy nói nó rất nhiều, nhưng sự tu căn bản chỉ dừng cho sáu căn chạy theo sáu trần bên ngoài. Nếu sáu căn đi theo sáu trần gọi là thuận lưu, đi theo chiều luân hồi. Nếu sáu căn không chạy theo sáu trần, không nhiễm, không dính, không mắc, đó là người trở về Bồ-đề Niết-bàn không đâu xa lạ. Đức Phật Di-lặc là một vị Phật sẽ thành ở ngày mai do Ngài tu cái gì? Chính cái hình ảnh là câu trả lời cụ thể nhất. Mỗi đứa bé soi lỗ tai móc lỗ mũi của Ngài mà Ngài vẫn cười không tỏ vẻ bực dọc, không tỏ vẻ chướng ngại buồn bã. Vì vậy Ngài sẽ thành Phật chắc chắn.

Còn chúng ta thì sao? Có ai móc lỗ tai thì thế nào? Nếu ai móc lỗ tai mình thì không đánh cũng đá, không đập thì la. Phải vậy không? Móc lỗ mũi mình cũng thế. Như vậy đối sáu căn của chúng ta, có ai động tới thì không chịu nổi. Chỗ không chịu nổi đó làm chướng ngại chúng ta. Sáu đứa bé đó theo danh từ chuyên môn gọi là lục tặc, tức là sáu đứa cướp. Nó phá phách. Nhưng thật tình nó có phá mình hay không? Nếu bị móc lỗ tai mà mình không cảm thấy khó chịu lại thấy đã ngứa thêm thì không bị chướng ngại. Hiện tại chúng ta có thể nói gần như một trăm phần trăm đều bị chướng ngại bởi những lời nói bên ngoài. Những lời chửi mắng dèm pha, nguyên rủa, tất cả những cái đó tới lỗ tai mình, mà mình coi như gió thổi lá dương hay gió thổi cành liễu bên ngoài thì, nó có gì là xấu xa hay không. Nếu mình thấy đó là lời nói thù hận, mỉa mai sâu độc, hiểm ác v.v... thì lúc đó mình làm sao? Tùy tâm niệm mình mà bực bội tức tối, vì những lời nói như vậy. Mình ghi nhận nó vào với những tâm niệm hận thù, đen tối thì, nó sẽ thành những thứ thuốc độc làm cho tan hoang của báu nhà mình. Còn nếu mình nghe nó mà mình chỉ dang ra một cách dễ dàng cho nó nương theo gió đi đâu thì đi, đừng vướng mắc ở mình, tự nhiên mình an lành tự tại. Vì vậy cho nên, chúng ta tu là phải tu ngay tại sáu căn của mình. Tai nghe những tiếng khen chê hoặc là chửi bới hoặc là đề cao v.v... mình cũng xem thường, vì tiếng nói không thật. Chính bản thân mình còn không thật, huống là tiếng nói bên ngoài. Tâm không động đó là mình đã thắng đứa bé móc lỗ tai mình rồi. Con mắt mình thấy có đẹp có xấu, thấy tất cả hình ảnh phía trước, dù hình ảnh nào mình cũng đứng đưng không lay động không dính mắc. Như vậy bao nhiêu hình ảnh dần trải tràn trề trước mắt mình, mình cũng vẫn an lành tự tại. Ngược lại mình thấy một hình ảnh, mình liền cho đó là đẹp đó là xấu. Rồi cái đẹp mình sợ nó mất đi. Nếu nó xấu thì sanh tâm bực tức. Như vậy một hình ảnh nào hiện tới với mình đều là hình ảnh của phiền não hết. Không có hình ảnh nào gọi là an vui là tự tại, mà đều là chứa đầy tính chất phiền não.



Sự thật những hình ảnh đó có phải là phiền não hay không? Phiền não là tự ai? Như vậy phiền não gốc tự nơi mình. Mình thấy nó mà mình không luyến nó, không bê tha theo nó, mình không ghét bỏ nó, thì nó vẫn là nó. Có lỗi làm gì đâu? Lỗi làm là chính lòng luyến ái của mình. Tại chính lòng sân hận của mình chớ không phải hình ảnh có lỗi làm. Khi mình chớ chấp sân hận, chớ chấp luyến ái, thì đó là cái đã cướp mất của báu nhà mình rồi. Con mắt đem những hình ảnh vào để cướp mất của báu nhà mình? Đó là cái chướng của đũa bé móc mắt. Còn nếu ngược lại mình không mắc kẹt, hình ảnh là hình ảnh, mình vẫn an nhiên thì, đũa bé ấy có làm gì thì làm, mình vẫn an ổn. Lỗ mũi cũng thế. Lỗ mũi mình ngửi mùi hôi, mùi thơm, đừng mắc kẹt tất cả những mùi thế tục. Coi như luồng khói vừa qua mũi rồi mất, không có gì hết, không có gì là thật thì, có gì làm cho mình nhiễm. Ngược lại, tại chúng ta si mê, cho nên mùi thơm đến thì thích, mùi hôi đến thì bực. Do đó tự mình đem giặc vào cướp của báu nhà mình, rồi tự làm thành chướng ngại. Nếu mình ngửi mùi hôi thơm vẫn coi như khói như gió hay là như tất cả các mùi bên ngoài, không có gì thật hết. Tự nhiên trong lòng mình được tự tại. Tôi có thể đơn cử vài ba cơ quan như mắt tai mũi lưỡi. Đó là bốn cái hằng tiếp xúc với những hoàn cảnh thuận tiện làm cho mình ưa, những hoàn cảnh trái ngược làm cho mình giận. Tác dụng do bốn thứ này gây ra, phải diệt cho hết. Như lưỡi chúng ta nếm những vị cay, đắng, mặn, ngọt. Tất cả cái đó, cái nào nó hợp với lưỡi thì chúng ta thích, cái nào không hợp với lưỡi thì chúng ta không thích. Vì vậy mà chúng ta khổ từ năm này sang năm khác. Mỗi khi lên mâm cơm, thấy những món gì mình cảm nghĩ là hợp với lưỡi của mình thì bữa đó mình vui, những món gì mình cảm nhận trái với lưỡi của mình thì mình bực. Rồi vui và bực đó làm mình phải chướng. Do đó mà phải chạy tìm kiếm, do đó mà phải sanh ra lời nói xấu ác làm cho những người chung quanh không vui. Vì lẽ đó chúng ta tập bao giờ lưỡi mình đối với vị, vị nào cũng không cần phải quý trọng nó. Cốt làm sao cho mình được an ổn tu hành là quý. Còn tất cả cái ngon cái dở chẳng qua là tạm của cái lưỡi mà thôi. Như vậy chúng ta thắng được các thứ đó, tức là đã thắng cái miệng của chúng ta rồi.

Tuy nói sáu căn chớ thật tình có năm căn là tối quan trọng, tức là mắt tai mũi lưỡi thân, năm cửa đón tiếp bên ngoài. Còn ý là cái phụ họa trong năm căn ấy. Mỗi khi năm căn tiếp xúc với năm trần thì ý theo đó mà phụ họa để thương ghét buồn giận. Vì vậy, ngay năm căn kia mà chúng ta đón nhận đúng pháp thì cái căn thứ sáu (ý căn) không còn làm trở ngại nữa. Sở dĩ chúng ta nói rằng sáu căn đó là lục tặc, sáu tướng cướp vì căn cứ trên phần ô nhiễm của chúng ta. Khi sáu căn đó tiếp xúc với sáu trần thì chúng ta mắc kẹt, chúng ta nhiễm theo nên gọi là sáu đũa cướp, bởi vì kho báu nhà mình

bị sáu chú đó cướp đi. Cướp bằng cách nào? Ví dụ lỗ tai mình nghe tiếng rồi mình phân biệt tiếng khen tiếng chê, sanh buồn sanh mừng. Và như vậy mình có bị mất chưa? Khi có buồn có mừng là bị mất của. Nó lên ăn cướp hồi nào, nó mang ra đường nào? Giờ đây, chúng ta vui sướng lên khi nghe tiếng khen, bực bội, giận trong lòng khi nghe tiếng chê, như vậy gọi là chúng ta mất của. Của đó giặc mang đi và lấy hồi nào? Quý vị nhớ coi. Nói suông thì khó mà biết dấu vết của giặc. Nếu không biết dấu vết của giặc, thì không biết của mình để đâu luôn. Vậy cần biết của mình ở đâu và dấu vết giặc mang đi đường nào, mới có thể giữ của được.

Quý vị nên nhớ khi lỗ tai nghe người khen người chê mà mình vui hoặc mình bực tức, lúc đó gọi là mất của. Vậy thì bọn giặc nó lên vô hồi nào và kho tàng của cải mình ở đâu? Nó lấy bằng cách nào và mang đi bằng đường nào? Nhớ kỹ thử coi. Nó lấy bằng cách nào? Nó mang ra đường nào? Nó đem để đâu? Đó chỉ là một hình ảnh tượng trưng thôi. Chớ sự thật nó không mang đi đâu. Nếu nó mang đi thì mình hết rồi, mai một mình có giữ thì cũng không còn của đâu mà giữ. Nên nhớ như vậy đó. Nhưng chúng ta lại quen nghe thí dụ rồi mắc kẹt trên thí dụ. Mình nghĩ khi có lấy tức là có mang đi. Nhưng không ngờ nếu thật tình nó mang đi thì ngày mai ngày một đóng cửa sáu chú bé đó lại thì, dù có giữ cũng là giữ cái kho không. Phải vậy không? Đâu còn của cải gì, đã hết rồi. Vì vậy cho nên phải biết rõ ràng là tuy nói nó cướp của mình, nhưng mà nó không cướp gì hết. Chỉ do tiếp xúc bên ngoài, chấp nhận qua năm căn của mình rồi tâm mình xao xuyên hoặc buồn hoặc giận. Đó là những đám mây đen nổi dậy che lấp mặt trời trí tuệ mình rồi. Những đám mây đen nổi dậy che lấp mặt trời trí tuệ mình, đó gọi là đã cướp. Khi nào mình nghe những tiếng khen chê mà trong lòng không xao động, những đám mây đen không nổi dậy, mặt trời trí tuệ của chúng ta vẫn sáng rực không bị mờ, không bị tối, như vậy là chúng ta giữ được tinh thần trí tuệ. Khi mà chúng ta có trí tuệ tức là mình giàu, nếu mình lúc nào bị cướp thì lúc đó là mất trí tuệ, cũng như lúc nào thấy trong tay không có tiền gọi là nghèo. Khi nào có sẵn tiền mới gọi là giàu. Chúng ta cũng vậy, lúc nào trí tuệ chúng ta hằng sáng tỏ, lúc đó gọi là chúng ta giàu. Còn nếu phút giây nào đó trí tuệ bị mờ tối không còn phát hiện nữa gọi là mất của báu, ta nghèo đi. Cái nghèo đó là cái nghèo tạm thời, phải vậy không? Nhưng cũng có thể là nghèo vĩnh viễn. Tạm thời với ai và vĩnh viễn với ai? Nếu chúng ta giờ phút này bị nó khuất nó che đi, chúng ta mất cái trí tuệ, nhưng rồi chúng ta có dẹp tan những đám mây đó, để cho mặt trời trí tuệ sáng trở lại. Người biết dẹp những đám mây đen cho mặt trời sáng trở lại gọi đó là người nghèo tạm thời. Còn những người cứ nuôi dưỡng những đám mây đen đó, hết đám này tới đám khác, cứ luôn luôn như thế thì, dù có mặt trời trí tuệ mà cả đời họ

vẫn sống trong đen tối. Như vậy đời này đen tối, đời sau đen tối, và cứ tiếp nối như thế mãi thì, tự nhiên họ nghèo vĩnh viễn không bao giờ hết nghèo. Vì vậy cho nên đối với người biết tu và không biết tu là ở tại chỗ đó. Dù chúng ta cũng bị cướp của báu, chúng ta cũng bị mây đen che lấp mặt trời trí tuệ, nhưng chúng ta tin rằng chỉ có che trong một phút một giây, rồi chúng ta sáng lại. Chớ chúng ta không tối mãi như bao nhiêu người bị tối đó.

Vì vậy ý nghĩa Đương lai hạ sanh của đức Phật Di-lặc là một ý nghĩa hứa hẹn nơi lòng của chúng ta, chúng ta sẽ sáng ra ở ngày mai hay là ở những phút sau này, chớ không tối mãi. Cái hứa hẹn đó phải là cái hứa hẹn thật sự chớ không phải hứa hẹn suông hứa hẹn rỗng. Có người cũng hứa hẹn, hứa hẹn bằng miệng suông. Nghĩa là sao? Thấy họ cũng có hình thức người tu, đi chùa lễ Phật, nhưng mà cứ chất chứa bao nhiêu phiền não ở trong tâm. Tai nghe tiếng thì đồn vô, mũi ngửi mùi thì đồn vô. Cứ như vậy mà đồn hết những cái nghịch vào trong lòng mình. Cả ngày cứ sống với cái xao xuyến lo buồn, lo kiếm những món ngon, lo chứa những mùi thơm, lo chứa những mùi hôi, lo chứa những hình tướng đẹp v.v... Như vậy những cái lo đó làm cho mất đi mặt trời trí tuệ sáng ngời của họ rồi. Cho nên họ phải chịu khổ đen tối. Còn chúng ta biết tu khi có cái gì làm chúng ta bị che khuất một phút, một giây thì hối hận, ăn năn cố làm cho tan đám mây mờ đó. Và nguyện làm sao đừng đem nó vô nữa, để cho mặt trời trí tuệ không bị che khuất lấp phút giây nào hết. Như vậy đó cái hứa hẹn thật. Hứa hẹn thật đó là hứa hẹn của người biết tu, chớ không phải hứa hẹn của người hứa suông, nói tu thành Phật, nhưng tự họ không biết huân tập không biết sửa chữa.

Chúng tôi thấy rằng chính chỗ thiết yếu đó là cái chỗ mà đức Phật Di-lặc được gọi là con người hạnh phúc của ngày mai, cũng là con người hạnh phúc của hiện tại. Chúng ta thấy rằng con người hạnh phúc là con người mập mạp vui tươi. Mình nhìn đức Phật Di-lặc lúc nào cũng mập mạp cũng vui tươi cho nên người ta tượng trưng Ngài là con người hạnh phúc của ngày mai. Cái mập mạp vui tươi đó là do cái gì? Nhờ trong lòng không có những đám mây đen che lấp mặt trời trí tuệ, vì vậy mà sáu đũa kia dù có móc tai, móc mũi v.v... mà Ngài vẫn thấy như không. Còn chúng ta bởi thấy cái đó là cái chướng, cho nên trán chúng ta nhăn lại, mày cau mắt đỏ lên, mặt chúng ta thì méo v.v... Cứ như vậy mà tạo ra bao nhiêu xấu xa. Nhìn vào gương thấy gương mặt mình là gương mặt đau khổ. Cái khổ đó chính vì lòng mình không cam chịu sáu đũa giặc nó phá phách. Nếu nó phá phách mà mình không để cho nó làm chướng thì, cái phá đó không trở thành phá nữa, mà đó là cợt vui với nhau. Còn nếu chúng ta thấy là phá thì lúc đó chúng ta tự nhiên sanh ra bực dọc, sanh ra khó chịu. Vì vậy người tu không ai chẳng

có sáu đũa giặc, sáu đũa cướp đó. Người nào cũng sẵn như vậy, nhưng nó thành giặc hay là bạn thân của mình là chính tại mình. Nếu khi nó cọt phá mình mà mình biết cho nó là trò chơi ảo mộng không nghĩa lý gì thì, mình cho nó là một cuộc đùa chơi. Còn nếu nó cọt phá mà mình cho nó là sự trêu ghẹo thật sự thì mình bực tức lên. Đó là cái khổ đau của mình. Thế nên biết tu nơi sáu căn rồi tự nhiên mình biết được an lành tự tại. Dù chưa thành Phật, hiện đời ta cũng hạnh phúc tràn trề. Ngày nào tháng nào cũng đều là ngày tháng vui tươi, năm nào cũng là năm đẹp đẽ. Vì vậy mà chúng ta hay chúc nhau một mùa Xuân viên mãn.

Đó là mùa Xuân Di-lặc, mùa Xuân mà trong lòng không phiền muộn lo âu nào. Như vậy mới gọi là mùa Xuân hạnh phúc. Còn có lo âu, có phiền muộn thì chưa phải là hạnh phúc. Cho nên nhớ đến đức Phật Di-lặc, nhớ đến sáu đũa bé mọc tai, mọc mũi của Ngài, chúng ta nên hằng giờ hằng phút kiểm điểm lại mình, thử xem giặc nó cướp của mình hay không. Nếu chúng ta ở mọi trường hợp, đi đứng nằm ngồi, tiếp duyên đối cảnh, chúng ta đều sống đúng với tinh thần của đức Phật Di-lặc là không để cho sáu đũa giặc cướp của mình. Được như thế, tôi tin rằng dù quý vị tu không muốn được an vui, tự nhiên cũng được an vui, quý vị không đòi thành Phật, tự nhiên rồi cũng thành Phật. Còn chúng ta khao khát nguyện cầu thành Phật mà cứ nuôi dưỡng sáu đũa giặc đó, nó luôn cướp của mình hằng ngày thì, dù cho cầu mấy đi nữa, cái quả Phật cũng còn xa lơ xa lắc, đối với mình phải không?

Vì vậy cái tu thiết yếu là chỗ biết trở về của mình. Mà trở về mình, chính là đừng có để cho sáu căn dẫn giặc vô, gọi là nghịch lưu. Nghịch lưu tức là trở về với tánh giác. Còn nếu luôn bị sáu căn dẫn giặc về cướp mất của mình thì gọi đó là thuận lưu, tức là đi theo chiều sanh tử.

Do đó, hôm nay nhân ngày vía đức Phật Di-lặc và cũng là ngày Tết Nguyên Đán tôi cầu chúc cho tất cả quý vị tăng ni, cư sĩ nam nữ đều trở về nguồn giác của mình. Nói gọn hơn là nguyện cầu cho tất cả quý vị kể từ ngày mừng một Tết này cho đến trọn năm và cho đến suốt đời đều luôn luôn là “Bồi trần hiệp giác”.

Đó là ý nghĩa trở về nguồn giác của chúng ta.

---o0o---

# CON NGƯỜI HẠNH PHÚC, ĐỨC HỖ XẢ

XUÂN MẬU NGỌ 1978

Con người hạnh phúc, có thân khỏe tâm an. Muốn được thân tâm đều khỏe thì chúng ta phải làm sao?

Sở dĩ chúng ta hay ảo não sầu bi là tại cái gì? Tại trong lòng chúng ta có những điều không vui, bất như ý. Phải vậy không? Có điều không vui, bất như ý cho nên mặt mày chúng ta sầu thảm. Nếu có gặp ai muốn cười chơi để tỏ xã giao một chút thì cười ra sao? - Nửa cười nửa mếu. Cái cười đó chưa phải là thật cười. Đức Phật Di-lặc cười một cách hỉ hả không có cái gì gượng gạo hết. Còn chúng ta xã giao nhiều khi cười gượng gạo. Cái cười đó không phải là thật vui vẻ trong lòng. Vì vậy chúng ta phải làm sao trong lòng thật vui vẻ, gặp ai mình cũng cười, lúc nào mình cũng cười. Thấy trời mây đất nước mình cũng cười được. Thấy tất cả cảnh, cảnh nào cũng vui tươi. Không có gì bận tâm rối loạn trong lòng hết. Được như vậy chúng ta mới là hạnh phúc, dù buổi sáng chúng ta có vài củ khoai. Tâm hồn an vui, dù ở cảnh nào cũng an vui. Nếu tâm hồn chúng ta bực bội rối loạn, ray rứt, thì ở cảnh nào chúng ta cũng sầu bi hết. Vì vậy nên mỗi năm, ngày đầu Xuân, chúng ta cần đến lễ đức Di-lặc. Lễ đức Di-lặc không phải là lễ suông để Ngài ban phước cho mình, nhưng lạy Ngài với cả tâm hồn hướng về Ngài và học theo cái hạnh của Ngài. Làm sao chúng ta, mỗi năm và cả đời sống vui tươi và hạnh phúc như Ngài vậy. Chúng ta đừng để sống trong sầu não bi thảm như vậy hoài. Chúng ta phải vui tươi, mà muốn vui tươi thì điều kiện thiết yếu là phải thế nào? Tôi nhắc lại phải làm sao để tâm hồn chúng ta được vui tươi. Sở dĩ đức Di-lặc vui tươi vì Ngài tu hạnh Hỷ Xả.

Hỷ là vui. Xả là buông hết. Cái gì, ai động đến Ngài, Ngài cũng buông hết. Ngài cười chớ không giận. Còn mình? Ai nói với mình một câu gì trái lỗ tai, thấy mặt người đó mình có vui được không? Nếu có vui là vui gượng không thật vui. Do đó muốn vui trọn vẹn, đầy đủ thì chúng ta phải buông hết trong lòng. Lúc nào chúng ta cũng sống dường như ngây thơ, như đứa bé vậy. Đừng sống với nhiều nếp nhăn, mặt ủ rũ, mắt chớp lia lịa, không tinh táo sáng suốt. Cái sống đó không vui. Trong cuộc sống như vậy, chúng ta sẽ chết lần chết mòn do lửa phiền não thiêu đốt. Cho nên con người quý ở cuộc sống hạnh phúc. Muốn sống hạnh phúc phải có thân khỏe tâm an. Tâm an thân khỏe là điều thiết yếu. Muốn như vậy là phải tu theo hạnh hỷ xả của đức Di-lặc.

Như vậy quý vị thấy, khi Ngài thị hiện ở Trung Quốc, chỉ làm thân ông Hòa thượng mập mang cái đũa to, cho nên được gọi là Bồ đại Hòa thượng (Bồ là vái, đại là cái đũa, tức là cái túi vái to). Ngài không có của tiền gì hết. Ngài đi ra chợ, ai cho gì đều bỏ vô túi, rồi lại xóm con nít móc túi ra có gì chia cho chúng nó ăn. Thầy trò ăn chơi, vui vẻ với nhau như vậy thôi. Hạnh Ngài là gặp ai Ngài cũng vui vẻ chứ không có niệm bi thảm như kẻ khác. Khi Ngài sắp tịch Ngài để lại một bài kệ. Nhờ vậy sau này mới biết là đức Di-lặc hóa sanh chứ không phải người thường. Cho nên trong chùa hay thờ Ngài bằng tượng một ông Hòa thượng mập mập mang cái túi to.

Nói đến đức hỷ xả thì quý vị nên nhớ thật kỹ. Tôi lập lại ý nghĩa hỷ xả một chút.

Hỷ là vui, xả là buông. Buông mà vui chứ không phải buông mà bị bắt buộc.

Thí dụ mình không ưa, ghét người nào đó. Nhưng vì một người thân mình thương họ, bảo ráng vui với họ. Nên vì tình người này mà mình vui với người kia. Cái vui đó là cái vui gượng gạo, chứ không phải thật sự là vui. Bây giờ trong lòng phải không có cái buồn phiền, tức tối bực bội gì hết, chỉ một niềm vui an ổn, gặp ai mình cũng vui. Đó mới thật là vui. Muốn được vậy, chúng ta phải hỷ để mà xả, tức là vui để mà buông.

Ở đời, chúng ta sống trên thế gian này, cũng như đám trẻ con đông năm, bảy chục đứa chạy loạn. Chạy một hồi, thế nào cũng va đầu, chạm trán với nhau. Đứa thì u đầu, đứa thì chảy máu, trặc chân, nhưng rồi thôi, bỏ qua vui vẻ với nhau. Nếu cố chấp, khi đụng mình, mình giận cả năm, cả đời, như vậy không bao giờ vui được. Một người đụng mình giận, ôm ấp mối giận đó, hai người đụng mình rồi tới trăm người, ngàn người đụng mình, thì cái giận chừng bao nhiêu? Cái khối giận chừng bao to? Quý vị tưởng tượng bằng cái chùa này chưa? Như vậy, nếu chúng ta cứ cố chấp cái hờn, những cái buồn do người khác gây cho chúng ta, mà thế gian này chúng ta sống với mấy chục triệu người, chứ đâu phải với một người, thì khối buồn phiền đó biết bao to? Trong mấy chục triệu người, chắc gì được một triệu người thương mình. Trong đó cao lắm là vài trăm người thương mình thôi, còn bao nhiêu người kia thì xa lạ. Nếu những người xa lạ đó, họ có ở không phải đối với mình một vài điều gì đó, rồi mình cứ ôm ấp thì chắc rằng mình không bao giờ vui được. Cả một đời từ thuở bé cho tới già năm, sáu mươi tuổi, mỗi năm ít nhất cũng đụng nhau vài chục lần. Con số đó cộng lại tới già thì chừng bao nhiêu? Bao nhiêu lần giận hờn, mỗi lần giận hờn đều giữ, như

vậy theo danh từ chuyên môn, trong A-lại-da thức hay Tăng thức của mình chứa toàn là giận. Trong kho chứa toàn là giận và thù, thì chừng nhắm mắt sẽ ra sao? Tức là thù giận nó dẫn mình đi. Trở lại gặp thù giận nữa. Đời này hận thù, đời sau hận thù, thù hận tiếp nối, thì cuộc đời toàn là khổ đau với khổ đau thôi. Cho nên muốn được an vui thì phải tập hỷ xả. Cái gì qua rồi tha thứ cho nhau, sống vui vẻ. Bảo tha thứ thì dễ quá, nhưng làm sao tha thứ đây? Cứ nghĩ người đó hơn mình người đó ăn hiếp mình khinh mình v.v... thì không thể nào tha thứ được.

Bây giờ, muốn biết vì lý do gì chúng ta hỷ xả cho nhau được, đó là điều cần yếu nhất. Muốn tha thứ được, phải có phương pháp, có đường lối, chớ không phải nói suông được.

Trong nhà Phật dạy rằng, muốn được hỷ xả chúng ta phải có từ bi. Có thương thì mới có tha thứ. Người đó làm tức mình, khổ mình mà mình không giận họ tại vì mình thương họ. Khi mình thương, chuyện lớn cũng biến thành nhỏ. Khi mình ghét, chuyện nhỏ cũng biến thành lớn. Do đó muốn xả phải biết thương người. Biết thương họ thì mới tha thứ họ được. Nếu không biết thương thì không bao giờ tha thứ. Có từ bi thì có hỷ xả, có lòng thương thì mới có tha thứ được. Khi chúng ta không có lòng thương mà nói tha thứ thì không có tha thứ chân thật.

Hiện giờ làm sao có lòng thương? Nói lòng thương suông không vậy được không? Thường nói tôi thương tất cả, khi tất cả người đó không chửi tôi, chớ họ chửi tôi là tôi hết thương họ. Phải vậy không? Làm sao khi họ chửi mình mà mình vẫn thương họ được, cái đó mới là khó. Nghĩ rằng tôi thương tất cả, khi gặp tôi, tất cả vui vẻ giúp đỡ thì tôi thương họ. Còn nếu họ gặp tôi, họ làm khó làm dễ, gặp tôi họ kiếm chuyện này chuyện kia, họ chửi bới họ nhục mạ làm sao tôi thương họ được. Muốn thương được thì phải có phương pháp nữa. Như vậy muốn hỷ xả thì phải có tình thương. Bảo hỷ xả suông thì không bao giờ hỷ xả được, phải có lòng thương mới hỷ xả được. Quý vị thấy rõ như ban ngày rồi. Giờ đây muốn có lòng thương, làm sao mới có chứ? Không thể nói tôi thương hết là thương được. Vì vậy muốn có lòng thương tất cả, tức là từ bi thì phải có trí tuệ. Đó là đầu mối. Muốn có từ bi thì phải có trí tuệ. Nhờ có trí tuệ rồi mới có lòng thương rộng rãi, tức là từ bi mới hỷ xả cho nhau được. Tóm lại cái manh mối ban đầu là trí tuệ, kế đó là từ bi, sau cùng là hỷ xả. Hỷ xả là kết quả của trí tuệ và từ bi. Nó không phải là cái có sẵn tự nó. Nó có từ bi, soi sáng nhờ trí tuệ. Như quý vị thấy rõ người dung kẻ lạ làm khổ mình một chút, mình giận cả đời, còn con ruột mình làm khổ mình, mình giận chừng bao lâu? Giận một lát thôi, phải vậy

không? Rõ ràng mình tha thứ cho nó vì mình thương nó. Nếu không thương thì không bao giờ tha thứ cho nó được. Vì vậy cho nên từ bi là thực tế đi với hỷ xả. Vậy muốn có từ bi thì chúng ta phải tập có trí tuệ mới có từ bi được. Có trí tuệ rồi phải làm thế nào để có từ bi?

Trước hết tôi đề ra cái đầu tiên của trí tuệ là chúng ta phải quán xét cuộc đời là vô thường để chúng ta có lòng thương nhau. Nhưng quán xét vô thường là quán cái nào? Quán sự nghiệp, quán của cải, quán cây cối, quán đất nước là vô thường rồi mình có lòng từ bi hay là quán cái gì? Ở đây muốn có từ bi chúng ta tập quán bằng cách này: Quán thẳng vào con người. Bởi vì đức Phật ngày xưa, Ngài thấy rõ con người ai sanh ra đây rồi cũng đi đến già đến bệnh rồi chết. Bây giờ chúng ta cũng quán về cái lẽ đó, nhưng quán khác hơn. Chúng ta quán ai sanh ra đây đều là người bị kê án tử hình hết. Quán mạnh như vậy đó. Tôi và quý vị đều có án tử hình hết, phải vậy không? Mà bản án đó không định ngày xử. Có thể lát nữa đây, hoặc mai, hoặc hai, ba mươi năm nữa xử cũng được, hoặc lâu hơn nữa bốn năm mươi năm. Bản án đó không định ngày xử. Quý vị thử tưởng tượng nếu có một người nào hoặc hai, ba người bị kê án tử hình thì ngày họ còn sống đó, họ có giành giựt, có tranh nhau hơn thua từ lời nói hay không? Hay là chỉ một bề nghĩ ngày mai ngày một gì đó mình bị tử hình bằng súng bằng gươm. Cứ nhớ bao nhiêu đó thôi, nhớ cái án tử hình thì có thể tha thứ cho nhau những cái nhỏ nhỏ được hết.

Như vậy chúng ta muốn thương nhau chúng ta nên nhớ rằng: Chúng ta sanh ra, ai nấy đều mang cái án tử hình rồi. Nói ra quý vị hơi sợ, chớ thật tình nếu không có án tử hình thì làm sao có ngày chết. Nếu có sanh thì phải có tử, nếu có tử thì bản án sẵn rồi. Biết mình sanh ra là phải có tử. Chẳng phải mình mang bản án tử hình hay sao? Nhưng cái tử ấy hoặc gần hoặc xa, nghĩa là dài năm, sáu mươi năm, ba, bốn mươi năm ngắn nữa hai, ba mươi năm, ngắn nữa thì mười mấy năm. Có sanh tự nhiên phải có tử. Chắc chắn như vậy. Chúng ta hằng nhớ rằng, mọi người ai ai cũng mang sẵn bản án tử hình, ngày xử không nhất định, mà không nhất định lại càng sợ hơn nữa. Phải vậy không?

Nếu biết mười năm, hai mươi năm xử thì khả dĩ còn lo giành giựt để dành được mười năm, hai mươi năm. Biết đâu mình đang thở đang sống đây, lát nữa ngã ra chết. Như vậy án tử hình đó xử không có ngày nhất định. Mà không có ngày nhất định thì lúc nào cũng hồi hộp như anh đao phủ lúc nào cũng ở bên cạnh. Nhớ hình ảnh đó, ai có chửi thì chửi, mai một chết rồi thì còn đâu hơn thua. Cái chết đang kề cận, hơn thua làm gì. Cái đáng lo nhất là



làm sao cho khỏi chết. Giả sử có người cãi lanh nói giỏi hơn thiên hạ, nhưng người đó cãi để khỏi chết được không? Họ cũng không khỏi vậy. Hơn thua rồi cũng phải chết, hơn thua làm gì? Chi bằng chúng ta tha thứ nhau. Ai cũng đang ở cảnh khổ đang mang bản án tử hình, nên thương nhau, đùm bọc nhau, sống vui với nhau, làm khổ nhau chi nữa. Phải vậy không? Mình là người sắp chết đây làm khổ nhau làm gì? Chúng ta vì nghĩ đến cảnh khổ mà thương yêu đùm bọc nhau, nhờ nhớ tới cái khổ mà khởi lòng thương xót. Vì cái án tử hình đó không kể người giàu kẻ nghèo, người có quyền thế, kẻ không quyền thế. Có người nào đáng giận đâu, dù có ai hơn mình bao nhiêu đi nữa, ngày mai rồi cũng bị bản án tử hình, không thể nào thoát khỏi, vì án tử hình đó bình đẳng cho tất cả mọi người.

Nghĩ tới tất cả chúng ta đều sẽ chết, không ai thoát được, vậy ngày nào chúng ta còn sống nên đùm bọc nhau, thương yêu nhau để cùng hòa vui mà sống. Còn hay hơn nữa là vui hòa cùng tiến tu để phá cái bản án đó. Như vậy chúng ta biết mọi người ai cũng có bản án tử hình. Nhưng người biết đạo lý thì còn có cái cửa để xin xỏ thoát khỏi tử hình. Nghĩ đến cửa đó, chắc rằng năm nào tháng nào ngày nào chúng ta cũng chỉ lo làm sao giải quyết được bản án tử hình hơn là chuyện chửi bới hơn thua. Phải vậy không? Giả sử có ai chửi bới hơn thua với mình, mình nghĩ rằng mai một họ cũng chết, có gì mà hơn thua. Cái bận tâm nhất của chúng ta là bản án tử hình. Bản án chưa giải quyết có bị chửi chúng ta cũng làm thinh, chuyện kia mới là chuyện lớn.

Quý vị nghĩ chúng ta đã bị án tử hình mà có người dạy chúng ta một lối để khiêu nại, hoặc là cách thoát khỏi bản án tử hình đó, chỉ phương pháp rành rẽ thì chúng ta phải làm gì? Có phải ngồi đó giành từng miếng ăn ở trong khám, hay là tranh nhau từng lời nói trong khi huynh đệ đụng chạm nhau. Hay là tâm tâm niệm niệm lúc nào cũng tìm cách phá cái án tử hình. Người bị án tử hình mà được người chỉ dạy để được thoát khỏi án đó lại không chịu làm, cứ lo hơn thua phải quấy với nhau, quý vị nghĩ người đó là sao? Kẻ khờ khạo hay người khôn ngoan. Nếu nói theo thế gian thì người đó là người ngu. Cái quan trọng thiết yếu mà mình ngó lơ, còn cái tầm thường mà mình cố chấp, không phải ngu là gì?

Biết rằng mình có phương pháp thoát khỏi bản án tử hình, tức nhiên chúng ta phải cố gắng làm sao đem hết khả năng của mình lo giải quyết bản án. Đó là điều trên hết. Cho nên cái tu để thoát khỏi sanh tử là điều hết sức cần đối với người biết đạo. Nếu chưa khỏi sanh tử thì ít ra chúng ta cũng tha thứ cho nhau, vì tất cả chúng ta đều đau khổ như nhau, đều là người mang án

tử hình hết. Đã bình đẳng mang án tử hình thì nên thương yêu nhau giúp đỡ nhau. Ngày nào còn sống trên thế gian này là ngày an ổn, đừng làm khổ cho nhau thêm nữa. Như vậy mới là người có lòng từ bi. Từ bi có là do chúng ta biết chúng ta cùng đau khổ như nhau. Do nghĩ đến cái đau khổ chung, mới thương xót nhau. Đó là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai là chúng ta phải dùng trí tuệ xét cho thật cẩn thận về con người. Tôi thí dụ cho quý vị thấy, có người nào đó cuồng loạn lên, những cái gì của nhà người ta, đồ đạc của người, mới vô mượn mang ra tới sân là nói cái này của tôi. Mượn người ta thấy rõ ràng mà cái gì cũng nói của tôi hết, thì lúc đó quý vị kết luận người đó là người khôn hay người khờ. Chắc ai cũng nói đó là chú cuồng si. Chú điên cuồng nên đồ của người ta mà nói là đồ của mình, nói lộn lạo không đúng sự thật. Hiện nay quý vị có thấy mình là kẻ cuồng si hay không? Tôi hỏi kỹ lại tất cả quý vị: Thân quý vị đây là thật hay là giả? Minh như vậy mà nói giả thì không ai bằng lòng hết, phải vậy không? Thân này nói giả thì trăm người như một không thể chấp nhận được. Như vậy mà trong kinh Phật nói thân này là giả. Quý vị thấy đức Phật nói thiếu sự thật phải vậy không? Tôi hỏi tất cả quý vị: Chúng ta đang thật sống đây, chúng ta đang sống hay đang vay mượn. Nếu thật tình mình sống, thì cái gì cũng của mình hết, cần gì phải vay mượn bên ngoài. Nếu có vay mượn bên ngoài thì không phải thật mình đang sống, mà mình đang mượn: mượn cái ở ngoài để sống. Trong nhà Phật nói thân này là do gốc tứ đại: đất, nước, gió, lửa kết hợp mà thành. Từ lúc ra khỏi bào thai mẹ rồi thì có một cuộc sống. Mà cuộc sống đó là cuộc sống vay mượn chớ không phải thật là mình. Tại sao vậy?

Như quý vị thấy từ đứa bé cho đến người lớn, ai cũng như ai, cái lỗ mũi có lúc nào nghỉ không? Vậy cái lỗ mũi đang làm gì đây? Có nhiều người nghĩ mình đang sống trong cái này cái kia mà quên mình đang mượn hơi ở ngoài, đem vô rồi trả nó ra. Tự mình không có hơi, mượn ở ngoài hít vô rồi trả ra, trả ra rồi hít vô. Làm cả ngày như vậy. Cái hít vô thở ra đó là sự sống chớ gì? Mà sự sống đó do vay mượn mà có. Khi hơi ở ngoài chúng gọi là không khí của trời đất, hít vô lỗ mũi rồi, liền nói là hơi của tôi. Như vậy rõ ràng chúng ta là kẻ cuồng si, vì ở ngoài cho là của trời đất, mà vừa vô mũi là nói của tôi. Khi thở khí trả ra cũng nói là của tôi nữa. Ra tới ngoài rồi thành của ai? Là của đất trời. Vậy cái gì là của mình?

Quý vị thấy trăm người như trăm người đều nói mình đang sống, nhưng không ngờ mình đang vay mượn. Cứ mượn trả mượn trả. Có giờ phút nào không vay mượn đâu. Đó là nói lỗ mũi mượn không khí, mượn gió. Đến

cái miệng mượn cái gì? Như từ sáng tới giờ hơi khô cổ thì làm sao? Xin một tách nước. Khi còn ở ngoài nói là nước trà hoặc nước lạnh, hay nước gì đó. Khi vô khỏi cổ rồi nói của ai. Ất nói của tôi. Như vậy, ở ngoài là nói của trời đất, của cái này của cái nọ. Vừa vô khỏi cổ thì nói của tôi. Tối chiều cho nó ra, thành của ai? Mượn vô ở miệng, xuống thân trả ra, chỉ đi có một đường quanh, như vậy mà cũng nói là của tôi. Cái gì đem vô là của tôi. Mượn hơi gió, mượn nước, rồi tới mượn đất, lửa nữa. Tức là ăn uống cái có chất bột để nuôi dưỡng phần thân, cái có chất nóng nuôi dưỡng phần lửa. Mình mượn tất cả những cái đó, mượn rồi trả, mượn rồi trả. Nếu một phút giây nào không mượn thì phút giây đó còn sống hay không? Nếu thật là mình thì cần gì phải mượn. Thật là tôi rồi cần gì mượn bên ngoài. Nếu mượn bên ngoài thì không phải là tôi rồi.

Như quý vị thấy, mình thật hay giả? Nói giả thì ngán quá không dám nói. Nhưng chân lý nó là như vậy. Không lúc nào mình chịu nói mình giả. Quý vị thấy con người có những cái chấp lạ, cái chấp si mê. Mình không bao giờ chịu thấy lẽ thật. Một cái thật một trăm phần trăm, mà nghe qua mình sẽ nổi giận liền. Thí dụ: Như sáng dậy mắc chuyện này chuyện nọ, lại có khách, chưa kịp súc miệng rửa mặt gì hết. Khách tới buộc lòng nói chuyện với người. Khi đó vô tình hơi bay vô lỗ mũi người khách. Nếu người đó thật thà ngay thẳng họ sẽ nói: Chà chị nói sao hơi hôi quá. Nghe nói như vậy là mình giận liền. Quý vị nghĩ xem cái đó là cái gì? Tại sao sự thật một trăm phần trăm, mình cũng biết nó mà người ta nói hôi mình lại giận người ta là sao? Như vậy có phải là kẻ luôn luôn chạy trốn sự thật. Phải vậy không? Không dám thấy sự thật, không dám nghe sự thật. Người không dám nghe sự thật thì người đó là người gì? Phải chăng là kẻ cuồng si. Lúc nào cũng nói tôi tìm chân lý, tôi tìm sự thật mà sự thật tới thì chạy trốn nó. Cái thật hiện tiền mà lúc nào chúng ta cũng trốn chạy nó. Ngay thân này quý vị thấy rõ là thân vay mượn. Chính nó vay mượn mà lúc nào chúng ta cũng nói là thân thật. Bởi nói của mình thân mình thật cho nên mình quan trọng nó. Bởi quan trọng nó, nên cái gì để nuôi dưỡng nó, cái gì khen ngợi nó mình đều quan trọng theo. Bởi mình quan trọng thân này là thật, lỡ ai nói động nó một chút là mình giận lên. Thân tôi là trọng, món đồ tôi dùng là quý, cho nên ai đụng chạm đến nó, chê nó làm nó hư thì tôi nổi tức lên. Sở dĩ chúng ta buồn thương giận ghét đủ thứ hết, là tại ta thấy thân thật, nên thấy cái khen cái chê cũng thật luôn. Phải vậy không? Nếu ta thấy thân này là giả, tạm bợ, thì cái khen chê đối với thân này quan trọng không? Nếu biết nó giả, có khen chê cũng bằng thừa, mà có chê nó cũng không đáng kể.

Như vậy chúng ta thấy, nếu dùng trí tuệ thấy thân này rõ ràng là vay mượn, giả dối thì chúng ta không còn quan trọng khen chê đối với thân này nữa. Khi sự khen chê không còn quan trọng nữa, chúng ta sẽ tha thứ những gì đụng chạm đến chúng ta dễ ợt. Hỷ xả không còn khó khăn nữa. Giờ đây chúng ta biết thân này là giả cho nên sự khen chê thân này chúng ta coi nó là như thường. Nếu ai chấp thân này là thật, ta thấy người đó rất đáng thương. Mình tỉnh mà thấy người mê thì mình phải thương. Cũng như mình tỉnh, thấy người điên thì thương vì họ không biết lẽ thật như mình. Vì vậy nên tha thứ những cái lầm của họ sai lầm sai quá. Giả sử có người điên họ chửi mình, mình có giận họ không? Có ôm lòng giận năm, bảy năm không? Có bị họ đánh hai, ba bạt tai, mình chạy không giận họ. Vì sao chúng ta không giận? Vì chúng ta nghĩ họ là kẻ điên. Họ đã điên thì mình phải thương họ, đâu nữa giận họ. Mình biết thân là giả, họ chấp thân là thật, nếu họ lỡ xúc phạm đến chúng ta, chúng ta sẵn sàng tha thứ. Vì sao? Vì ta biết họ si mê. Người si mê là người đáng thương không đáng giận. Nghĩ như vậy chúng ta thương được tất cả. Bị ai đụng chạm, chúng ta chỉ thương mà không giận. Đó là cái thứ hai.

Quý vị thấy hai điểm then chốt để chúng ta có lòng từ bi là do trí tuệ quán chiếu tất cả là vô thường. Chúng ta là những người mang án tử hình sớm muộn gì rồi ai cũng chết. Nghĩ đến cái chết thì chúng ta không nữa làm khổ thêm cho nhau, mà lúc nào cũng đùm bọc nhau, thương yêu giúp đỡ nhau cho bớt khổ. Đó là điểm thứ nhất do lòng từ bi mà ra. Điểm thứ hai nghĩ thân này là giả tạm. Đã là giả tạm, vay mượn, thì đối với cái thân giả tạm đó có hơn có thua, có khen, có chê chỉ là chuyện thường. Không có gì phải buồn phải giận, chúng ta có thể tha thứ, có thể hỷ xả hết, không có gì quan trọng nữa. Muốn có lòng từ bi, chúng ta phải có trí tuệ là vậy. Tôi dẫn trong kinh A-hàm để quý vị nhận rõ hơn.

Ngày xưa, khi đức Phật Thích-ca đấng đạo rồi, một hôm Ngài đi hoằng hóa chỗ ngoại đạo. Khi Ngài đi khát thực, có một người Bà-la-môn ghét Ngài, tới trước mặt Ngài phỉ báng mạ nhục nói nhiều lời nặng nề. Đức Phật vẫn tĩnh bơ không chối cãi. Nói một hồi người Bà-la-môn hỏi: “Cù-đàm có nghe không?”

Phật nói: Ta nghe.

Hỏi: Tôi nói như vậy sao ông không trả lời?

Đức Phật nói: Giả sử ở nhà người có một buổi lễ mời bà con thân quyến tới. Sau khi dự lễ xong họ ra về, người đem quà bánh tặng cho họ. Khi tặng những người đó không nhận thì quà bánh về ai?

Người đó nói: Về tôi.

Phật nói: Cũng vậy, người mắng chửi ta mà ta không nhận, có dính dáng gì đến ta đâu?

Như vậy tại sao? –Vì Ngài biết thân này là giả, ngôn ngữ khen chê có gì quan trọng đâu mà hơn thua.

Một lần nữa đức Phật đi khất thực ở một vùng khác. Có một ông Bà-la-môn còn quá hơn ông trên. Đức Phật đi trước, ông đi theo sau chửi hoài. Phật cũng từ từ đi. Đến lúc tới ngã ba đường, Phật trải tọa cụ ngồi đàng hoàng, ông chạy lại trước mặt hỏi: “Cù-đàm thua tôi chưa?”

Đức Phật thông thả đáp bằng bốn câu kệ:

Kẻ hơn thì thêm oán

Người thua ngủ chẳng yên

Hơn thua hai đều xả

Ấy được an ổn ngủ

Quý vị hơn người ta thì người ta oán mình, còn nghĩ mình thua thì trần trọc ngủ không yên. Một bên thêm oán, một bên ngủ không yên. Chỉ có một cái, hơn thua hai bên đều bỏ hết, thì người đó ngủ khò không gì bận tâm hết. Như vậy hơn thua cả hai đều xả thì người đó an ổn nhất trên trần gian. Đó là người hạnh phúc. Người cần ăn thì ăn cần ngủ thì ngủ, không có bận bịu ưu tư gì hết. Người đó mới an ổn. Quý vị thấy đức Phật đối với cảnh người ta khinh bỉ hạ nhục mà Ngài vẫn tự tại không rối rắm không bức bối. Tại sao? Tại Ngài đã giác ngộ rồi. Vì Ngài rủ lòng thương mà hỷ xả, đầy đủ lòng từ bi nên Ngài hỷ xả không khó khăn gì hết. Chúng ta thấy rõ thực hiện được cái hạnh hỷ xả cho tới cùng tốt là do trước có trí tuệ, kẻ đó có lòng từ bi, rồi sau đạt được hỷ xả cùng tốt. Nếu mình không có trí tuệ, thiếu từ bi thì hỷ xả không bao giờ có. Nghe là chấp liền. Quý vị thấy ở thế gian này người ta sống hăng say là do sự hơn thua. Người ngồi trong sòng bạc ngồi hoài không biết mỏi lưng là sao? Tại nghĩ hơn thua. Vì nghĩ ăn thua đó mà ngồi

ngoài không biết mỗi. Chúng ta đi xem đá bóng. Hai bên đá nhau mình xem mỗi mắt không biết chán cũng tại nghĩ ăn thua, muốn biết kết quả ăn thua. Vì chờ xem ăn thua đó mà người ta say mê trong cuộc sống. Càng say thì càng giành giật để được ăn thua. Còn người nào biết ăn thua không có gì quan trọng, thì người đó không có bận bịu giành giật gì hết. Người đó vẫn bình tĩnh điềm đạm trước mọi cảnh không có gì nóng bỏng lo sợ. Vì nghĩ được mất hơn thua mà lòng chúng ta lúc nào cũng hồi hộp lo âu. Nếu hơn thua không còn thì mọi vấn đề không còn quan trọng nữa, lo âu hồi hộp hết liền. Như vậy cuộc khổ của tất cả chúng sanh gốc từ tranh hơn tranh thua. Chính vì tranh hơn tranh thua chúng ta mới có chấp để rồi hại nhau thù địch v.v... Nếu chúng ta coi thường cái hơn thua thì chúng ta là người an ổn nhất và chúng ta hỷ xả hết. Đối với người khác không có buồn không có giận, không có oán gì, đó là cái gốc tự biết mình không phải là thật. Biết mình cùng mọi người ở trong cảnh khổ, cho nên chúng ta thương nhau và tha thứ cho nhau. Thương nhau tha thứ cho nhau gốc từ trí. Biết mình đồng khổ, biết mình không thật cho nên chúng ta mới làm được điều đó.

Như vậy phải thấy rõ rằng trí tuệ đi đâu, thì có từ bi theo đó. Có từ bi mới hỷ xả được. Sở dĩ đức Di-lặc, Ngài hạnh phúc vui cười hoài là vì Ngài có trí tuệ, đầy đủ từ bi, hỷ xả nên mới vui vẻ như vậy. Ngày nay là ngày đầu năm, tôi nhắc lại cho quý vị nhớ. Một năm hạnh phúc của chúng ta là sao? Là phải có trí tuệ, thấy được lẽ thật để thương yêu nhau và đùm bọc nhau. Tóm lại, muốn đầy đủ hạnh phúc, chúng ta phải thương yêu nhau. Muốn thương yêu nhau chúng ta phải sáng suốt, có trí tuệ. Như vậy khả dĩ chúng ta sẽ hưởng đầy đủ một năm hạnh phúc. Còn chúng ta câu mâu hơn thiệt, thì trong năm này chúng ta chưa chắc có bao nhiêu lần vui mà có thể buồn nhiều, vì thế gian lúc nào cũng là lúc đụng chạm. Kẻ chạm ít người chạm nhiều. Có đụng chạm thì phải có đau có rát. Cho nên chúng ta phải biết rõ làm sao trong cuộc đời chúng ta lúc nào cũng được an ổn vui tươi. Đó là khôn ngoan của mình. Chính cái an ổn vui tươi đó là tự mình cứu mình hết khổ mà cũng là làm cho những người xung quanh hết khổ nữa. Nếu ở trong gia đình mà quý vị vui vẻ, an ổn thì những người xung quanh cũng vui theo. Còn nếu quý vị bực la hoài thì những người xung quanh cũng rối đầu luôn. Như vậy chính mình đã khổ rồi làm khổ lây cho những người chung quanh mình nữa. Người tu theo đạo Phật là tự lợi, lợi tha là tự cứu và cứu người. Vậy chúng ta phải nỗ lực làm sao một năm cho mình được vui tươi hạnh phúc, để rồi cái vui tươi đó lan đến người thân và những người chung quanh chúng ta. Đó là điều lợi mình lợi người.

Vậy tôi mong rằng năm mới cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho quý vị một năm đầy đủ hạnh phúc như tôi nói nãy giờ. Đó là lời cầu chúc của chúng tôi. Quý vị cố gắng thực hiện cho được cái đó là quý vị đã tu theo Phật.

NAM-MÔ BỒN SU THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT.

---o0o---

## HÒN NGỌC HỌ HÒA - TẤT NIÊN 1979

Năm nay, trước hết tôi xin kể một câu chuyện thế gian. Thuở xưa ở Trung Hoa đời nhà Sở, trên ngọn Kinh Sơn có một người tìm ngọc tên là Biện Hòa. Anh vô núi tìm ngọc, tìm được một hòn ngọc bích. Anh đem về dâng lên cho vua Sở. Vua Sở lúc đó là Sở Lệ Vương. Vua Sở mới đưa cho thợ ngọc xem. Họ trả lời đó là đá chứ không phải ngọc. Vua Sở nổi giận bắt chàng họ Hòa chặt một chân, bảo là khi quân nói dối. Bị chặt một chân, chàng ta mang ngọc về. Thời gian sau Sở Lệ Vương thăng hà. Sở Vũ Vương lên ngôi, chàng họ Hòa còn một chân, nhưng cũng mang ngọc tới dâng. Sở Vũ Vương bảo thợ ngọc xem. Họ trả lời bảo đó là đá chứ không phải ngọc. Vua nổi giận bắt chàng họ Hòa chặt một chân nữa. Bị chặt hết hai chân chàng họ Hòa mang hòn ngọc trở về. Sau Sở Vũ Vương tới Sở Văn Vương lên ngôi. Chàng họ Hòa không còn chân đem dâng ngọc nữa. Anh chàng đành ôm hòn ngọc ở Kinh Sơn mà khóc. Khóc năm, bảy ngày đêm máu ra nước mắt. Sở Văn Vương nghe vậy cảm động cho người tới hỏi và đòi y về triều. Vua Sở hỏi: Tại sao mà người khóc lăm vậy? Có phải vì chặt chân mà người khóc hay chăng? Ông ấy trả lời: -Không phải đau khổ vì bị chặt hai chân mà tôi khóc. Tôi khóc đây vì ngọc mà nói là đá. Khóc vì nói thật mà cho là nói dối.

Vua Sở Văn Vương bảo thợ ngọc xét lại cho kỹ tìm xem cẩn thận coi phải thật là ngọc hay không? Rốt cuộc đó là ngọc bích rất đẹp. Từ đó về sau mới đặt tên là “Ngọc Bích họ Hòa”.

Qua câu chuyện đó quý vị thấy cái gì?

Thiện chí của chàng họ Hòa đưa đến kết quả cụt hai chân. Chàng đau khổ không phải vì cụt hai chân. Đau khổ vì ngọc mà nói là đá. Đau khổ vì nói thật mà cho là nói dối. Quý vị nghĩ sao về tâm trạng của chàng họ Hòa. Hòn ngọc bích của chàng họ Hòa có quý thật hay không? Nếu theo thế gian thì hòn ngọc ấy rất là quý. Nhưng giả sử có người có hòn ngọc quý hơn đem

đi tặng thì quý vị nghĩ sao? Người đó có thể lên ngọn Kinh Sơn mà khóc hay không?

Tôi nhắc lại như trường hợp trong kinh Pháp Hoa, ngài Bồ-tát Thường Bất Khinh đi tới đâu cũng bái bái nói: “Tôi không dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành Phật.” Như vậy phải chăng Thường Bất Khinh Bồ-tát đã tặng cho chúng ta một hòn ngọc. Khi đó có kẻ thì rầy la có kẻ vác đá chọi chẳng hạn. Nhưng dù muốn dù không hòn ngọc ấy cũng được trở về với mọi người. Đó là tôi nói đại khái nhắc ở trong kinh.

Bây giờ chúng ta thực tế mà nhìn. Giả sử nếu có người tặng cho quý vị một hòn ngọc quý bằng trăm ngàn lần hòn ngọc ở Kinh Sơn, quý vị có ưng nhận hay không? Nếu ưng nhận quý vị có chịu giữ hay không? Hay là quý vị nhận rồi mà không chịu giữ, quăng lang lẹ ở ngoài đường. Như vậy người tặng ngọc có buồn không? Chúng ta thử tưởng tượng một việc tầm thường: Ngọc mà mắt của người không chuyên môn, hoặc chuyên môn mà không đúng mức, còn cho là đá. Khi một người biết quả tang là ngọc mà cứ bị coi là đá hoài thì người đó có đau khổ hay không? Nói thật mà cứ bị nói là dối thì có đau khổ hay không? Đau khổ chặt chân vẫn chưa đau khổ bằng ngọc mà cho là đá, chưa đau khổ bằng nói thật mà cho là nói dối.

Đó là chuyện xưa mà cũng là tình trạng hiện giờ. Có người tặng cho quý vị những hòn ngọc mà tôi tin rằng những hòn ngọc này quý bằng trăm ngàn lần hòn ngọc Kinh Sơn của họ Hòa. Thế mà có nhiều người xem thường nó hoặc không chấp nhận, hoặc chấp nhận rồi cũng bỏ rơi không gìn giữ. Quý vị có tội nghiệp cho người tặng ngọc đó không? Bây giờ hòn ngọc đó ở đâu và ai tặng cho quý vị? Quý vị có tâm trạng như hai ông vua Sở trước hay không? Mỗi người có hòn ngọc mà không biết giữ. Bây giờ tôi nói thêm giá trị của hòn ngọc. Hòn ngọc bích có quý chẳng chỉ là lóng lánh đẹp để trong việc trang sức thôi. Còn có hòn ngọc quý không biết bao nhiêu lần. Hòn ngọc đó làm cho ta an lành tự tại. Có người tặng ngọc tặng một trăm một ngàn người, trăm ngàn người có ngọc mà ngọc tặng không mất. Vậy hòn ngọc của họ chắc nó quý hơn nhiều. Hòn ngọc này nó chẳng những làm cho quý vị no ấm an lành tự tại và bảo đảm cho quý vị kiếp kiếp đời đời không bao giờ mất, không bao giờ khổ. Đó là hòn ngọc tối quý hay là quý tối thượng. Đó là hòn ngọc trong kinh Pháp Hoa, hạt minh châu ở trong búi tóc của nhà vua, tặng cho người thắng trận sau khi trở về hoặc là của người bạn thân tặng cho người bạn cũ đang lang thang, cột trong ché áo chẳng hạn.



Đức Phật đã nói rất nhiều về hòn ngọc đó. Hôm nay là ngày cuối năm, tôi nói trong việc tặng ngọc của họ Hòa để quý vị thấy tâm trạng của người tặng ngọc. Bây giờ cũng có người tặng ngọc cho quý vị, quý vị nhớ ráng nhận mà giữ cho người tặng khỏi tủi khỏi buồn mới thật là không hoài công và cũng không phụ lòng người sẵn sàng tặng cho mình.

Hạt minh châu như thế nào? Tôi sẽ dẫn các Thiên sư để chỉ cho quý vị hạt minh châu có sẵn nơi quý vị. Có một vị tăng đến hỏi Thiên sư Thạch Cự: Thế nào là hạt châu trong tay Địa Tạng? (Đức Địa Tạng một tay cầm tích trượng, một tay cầm hạt minh châu.) Thiên sư Thạch Cự trả lời: Trong tay ông lại có chằng? Ông tăng thưa: Con chẳng hội (con chẳng hiểu). Nghĩa là con chẳng biết có hay không? Thiên sư Thạch Cự nói: Chớ dối đại chúng. Như vậy xác nhận cái gì? Quả tang trong tay ông có hòn ngọc mà ông không biết có hay không? Nếu ông nói không có là ông nói dối đại chúng. Kể đó Ngài làm bài kệ:

Bất thức tự gia bảo

Tùy tha nhận ngoại trần

Nhật trung đào ảnh chất

Cảnh lý thất đầu nhân

Tạm dịch:

Báu nhà mình chẳng biết

Theo người nhận ngoại trần

Giữa trưa chạy trốn bóng

Người nhìn gương mất đầu

Bất thức tự gia bảo: nghĩa là không biết được của báu chính nhà mình.

Tùy tha nhận ngoại trần: tức là theo kẻ khác mà đi nhận bụi bặm bên ngoài. Của báu nhà thì bỏ quên.

Nhật trung đào ảnh chất: Chẳng khác nào như người ở giữa trưa mà chạy trốn bóng. Chạy ngoài nắng trốn bóng, chạy đến bao giờ khỏi bóng.

Cảnh lý thất đầu nhân: Nhìn vô gương thấy cái đầu mình, mặt mình trong gương, quên mất đầu thật mình ở bên ngoài. Xoay gương lại không thấy đầu kê lên tôi mất đầu rồi. Đó là hình ảnh của chàng Diễm- nhã-đạt-đa trong kinh Lăng Nghiêm. Quý vị thấy chúng ta có giống như chàng ấy hay không?

Mỗi người có sẵn hạt minh châu ở trong tay, không chịu nhận mà chạy đi nhận những cái gì loanh quanh tầm phào bên ngoài. Những người như vậy chẳng khác nào tự chối mình không có hạt minh châu. Họ giống như người trốn bóng chạy ngoài trời lúc trưa nắng hay là người nhìn gương xoay gương lại cho mình là không có đầu. Đó là cái cuồng vọng. Đó là hình ảnh mà Thiên sư nhắc cho chúng ta biết mỗi người có hòn ngọc như vậy.

Sau đây là câu chuyện của đức Phật: Một hôm năm vị Thiên vương đến hỏi đạo đức Thế Tôn. Ngài để hạt châu ở giữa, năm vị đứng năm góc. Ngài hỏi hạt châu này màu gì? Mỗi vị nói mỗi màu khác nhau. Ông ở phương đông thấy phản ánh màu trắng, nói màu trắng. Ông ở phương tây thấy phản ánh màu đỏ, nói hạt châu màu đỏ. Cả năm ông nói năm màu khác nhau hết. Thế Tôn cất hạt châu đưa tay lên hỏi: Hạt châu này màu gì? Mấy vị Thiên vương thưa: Trong tay Phật không có châu chỗ nào có màu? Đức Phật quở: - Tại sao các ông mê điên đảo lắm vậy? Ta đem thế châu chỉ cho liền nói có màu xanh vàng đỏ trắng. Ta đem chân châu chỉ cho thấy đều không biết. Tại sao Phật đưa tay không lại nói là chân châu, hạt châu thật? Quý vị có thấy hạt châu đó không? Ai thấy? Vậy mà năm vị Thiên vương đều ngộ đạo thấy hạt châu hết. Quý vị thấy hay không? Như vậy quý vị có thấy thời thấy chớ tôi không giải thích. Đó là chỉ châu cho quý vị.

Một câu chuyện khác cũng nói về châu. Có vị tăng hỏi Thiên sư Pháp Đăng: Đầu sào trăm trượng làm sao tiến bước?

Thiên sư Pháp Đăng đáp: Câm.

Ngài Út Sơn Chủ khán câu đó do một vị Hóa Sĩ ở Lô Sơn dạy. Ngài khán câu đó như câu thoại đầu trải qua ba năm. Một hôm Ngài cỡi ngựa đi qua cầu ván, bất thần con ngựa đạp nhằm chỗ mục lọt chân xuống dưới. Ngài té nhào xuống ngựa. Bỗng nhiên Ngài đại ngộ bèn làm bài tụng:

Ngã hữu minh châu nhất khóa

Cửu bị trần lao quan tỏa

Kim triều trần tận quang sanh  
Chiếu phá sơn hà vạn đóa

Tạm dịch:

Ta có một viên minh châu

Đã lâu bị bụi vùi sâu

Hôm nay bụi sạch sáng sanh

Soi thấu núi sông vạn cảnh

Như vậy Ngài lượm được hạt châu ở đâu? Quý vị thấy chỉ cần khán câu đó bất thần thấy hạt châu của mình. Nghĩa là mình có viên minh châu lâu rồi chôn vùi dưới bụi, cho nên hôm nay bất thần bụi tan ánh sáng phát hiện. Nó sáng chiếu khắp sơn hà đại địa. Đó là diệu dụng của hạt minh châu. Như vậy quý vị thấy nó quý vô cùng vô tận.

Tôi đã nói về hạt minh châu, bây giờ nói qua danh từ hơi khác hơn không còn là hạt minh châu. Tên nó khác mà thể không khác. Đây là Thiền sư Thọ ở Hưng Giáo. Một hôm ở trong hội Quốc sư Đức Thiều, Ngài bửa củi. Khi củi Ngài bửa tét ra liền ngộ đạo và làm bài kệ:

Phốc lạc phi tha vật

Tung hoành bất thị trần

Sơn hà cập đại địa

Toàn lộ Pháp vương thân

Tạm dịch:

Bửa tét không vật khác

Dọc ngang chẳng phải trần  
Núi sông và quả đất

Toàn bày thân pháp vương

Bữa củi tét ra thì bày thân Pháp vương chớ không ở đâu xa lạ. Như vậy người tu thiền ngộ đạo không phải ở trong giờ phút yên lặng mà ngộ đạo. Có thể trong lúc đi đường bất chợt gặp cái gì đó cũng có thể ngộ được. Trong khi làm công tác bữa củi tét ra mình cũng ngộ đạo. Đó là tinh thần Thiền Tông thấy đạo bất cứ lúc nào. Lúc Ngài bữa củi Ngài có tu hành không? Cũng như ngài Úc Sơn Chủ lúc cỡi ngựa có tu hay không? Nếu không tu tại sao bất thần Ngài ngộ đạo. Như vậy để thấy người xưa, đi đứng nằm ngồi, bất cứ một hoạt động nào của các Ngài cũng không bỏ quên tâm niệm tu hành của các Ngài. Chính ôm ấp như vậy, mài dũa như vậy nên mới có cơ phát hiện ra. Còn chúng ta, đi thì lo nói chuyện thế gian, bữa củi thì nói gì cho vui để quên mệt. Vì vậy mà chúng ta không thấy đạo ở chỗ đó.

Bây giờ không nói chuyện châu, mà chuyện khác thâm thúy hơn. Thiền sư Thạch Thê, cháu ngài Nam Tuyền gọi Nam Tuyền bằng Sư ông. Một hôm, chú thị giả mời Ngài đi tắm.

Ngài bảo: Đã chẳng rửa bụi cũng chẳng rửa bọt tắm làm gì? (Vi trong bài kệ tắm Phật có câu: Nước không có rửa bụi không có rửa bọt.)

Chú thị giả thưa: Hòa thượng đi trước con đem xà phòng đến sau.

Sư cười.

Như vậy chú thị giả lạc đề nên Ngài cười phải vậy không?

Một hôm Ngài hỏi chú thị giả: Đi đâu?

Thị giả thưa: Con lên trai đường.

Sư bảo: Ta đâu không biết người lên trai đường.

Thị giả thưa: Trừ ngoài việc này, riêng nói cái gì?

Sư bảo: Ta chỉ hỏi việc bồn phận của ngươi.

Chú thị giả thưa: Nếu hỏi việc bồn phận, con thật là đi lên trai đường.

Sư bảo: Quả thật là thị giả của ta.

Quý vị thấy chú thị giả ăn nói gì mà lệch lạc vậy. Mời Ngài đi tắm, Ngài bảo: Nước không phải rửa bụi cũng không phải rửa bọt, tắm làm gì?

Thị giả không trả lời câu đó mà nói: Hòa thượng đi trước con đem xà phòng theo sau.

Sao lạ vậy?

Đoạn sau thấy ông thị giả bung bát lên trai đường, Ngài hỏi đi đâu? Ông thị giả thưa: Con đi lên trai đường. Ngài nói ta đã biết ông đi lên trai đường, chính Ngài muốn hỏi cái gì đó.

Thị giả thưa: Ngoài việc đi lên trai đường, Hòa thượng bảo con nói cái gì bây giờ?

Ngài đáp: Ta hỏi việc bồn phận của người.

Khi nghe, ông thị giả thưa: Nếu Hòa thượng hỏi việc bồn phận của con thì quả thật là con đi lên trai đường. Ngài liền khen ông mới thật là thị giả của ta.

Quý vị thấy ông thị giả đó đáng là thị giả chưa?

Tôi nhắc thêm một Thiền sư nữa. Ngài Bồn Nhân ở huyện Bạch Thủy, đệ tử của ngài Động Sơn. Một hôm Ngài thượng đường nói với chúng: Trong con mắt dính cát chẳng được, trong lỗ tai dính nước chẳng được.

Một hôm vị Tăng bước ra hỏi: Tại sao trong con mắt dính cát chẳng được?

Ngài đáp: Hợp chân không sánh.

Tăng hỏi: Tại sao trong lỗ tai dính nước chẳng được?

Ngài đáp: Trắng sạch không như.

Quý vị thấy trả lời sao mà lẹch lạc vậy?

Trong con mắt dính cát không được, điều đó ai cũng nhận rõ. Trong lỗ tai dính nước không được, đó cũng chẳng khó hiểu.

Nhưng tại sao con mắt dính cát không được? Ngài đáp: Hợp chân không sánh. Tức là hợp với cái chân không có gì so sánh cả.

Hỏi: Tại sao lỗ tai dính nước không được?

Ngài đáp: Trắng sạch không như.

Như vậy, Ngài nói chuyện gì? Ngài có chỉ hạt châu cho quý vị hay không? Ngài nói có giống đức Phật đưa tay lên cho năm vị Thiên vương đó chăng?

Đó là lời diễn tả khác mà cùng một nghĩa.

Đó là đạo vị thâm thúy mà người đọc hơi đau đầu. Không biết đức Phật nói cái gì? Thiên sư nói cái gì? Chẳng lẽ mỗi cái tôi giải thích hết, không hay.

Bây giờ tôi kể chuyện một bà ni. Bà Viên Ân đến tham vấn Thiên sư Chân Diễn ở Trúc Am.

Thiên sư hỏi bà Ni: Thế Tôn đưa cành hoa, ngài Ca-diếp cười chúm chim, là cười cái gì?

Quý vị thử trả lời thế bà Ni ấy thử coi.

Bà Ni này hét một tiếng. Hét một tiếng thôi không trả lời câu nào nữa hết.

Thiên sư bảo: Tiếng hét này rơi vào chỗ nào?

Bà Ni thưa: Chẳng cần nghĩ đến. Tức chẳng cần nghe đến nó rơi vào chỗ nào?

Thiên sư dựng phất tử hỏi: Cái này là gì?

Bà Ni thưa: Chẳng được vọng thông tin tức. Tức là không được đối thông tin tức.

Thiên sư hỏi: Vừa rồi Sơn tăng nói gì?

Bà Ni thưa: Lời trước đâu còn.

Thiên sư bảo: Sơn tăng tuổi già.

Bà Ni thưa: Tuổi già thì được, liền lễ bái.

Quý vị thấy trả lời có lạc đề không?

Đưa câu phát tử lên hỏi cái này là cái gì? Mà nói không được đối thông tin tức.

Bà Ni đó ở đời nhà Thanh niên hiệu Khương Hi. Bà gần chúng ta nhất ở Trung Hoa. Trả lời như vậy, quý vị thấy bà Ni ấy ra sao? Tiếc rằng câu chuyện này kể cho quý vị nghe hơi đau lỗ tai, nhưng tôi cứ kể vì muốn hiến châu cho quý vị.

Đây là câu chuyện Thiền sư Huyền Thiết Dung, Ngài thượng đường nói chuyện với đại chúng. Ngài đăng pháp tòa chúng nhóm họp đầy đủ thì Ngài bước xuống tòa. Ông trị sự tức quá chạy lại nắm đứng Ngài lại hỏi: “Tại sao không dạy một lời liền bước xuống tòa.” Ngài trả lời: “Sơn tăng sáng ăn hai chén cháo nguội trong bụng có chút bất an, đợi đi cầu một chút, hãy vì các ông nói.”

Chúng ngơ ngác không biết gì. Ngài về phương trượng không ra nữa.

Tại sao kỳ vậy? Quý vị thấy câu chuyện này có lạ không? Như vậy Ngài làm cái gì? Ngài có nói pháp cho chúng ta nghe chưa? Thật tình Ngài có đau bụng hay không? Đó là một câu chuyện đặc biệt.

Một hôm khác Ngài cũng thượng đường nói: Sơn tăng hôm qua đi thọ trai trong xóm, nhai nhằm một hạt cát hắc quang, cho đến sáng nay răng vẫn còn đau không thể cùng chư huynh đệ nói vàng nói trắng. Nói xong Ngài bước xuống tòa và trở về phương trượng luôn.

Sao lạ vậy. Như vậy Ngài có thuyết pháp câu nào chưa?

Một hôm nọ, Ngài hỏi một vị tăng: Người xưa nói: Ăn cháo xong rửa bát đi là thế nào? (Đó là Ngài dẫn câu ngài Triệu Châu hỏi Thiền khách: Ăn cháo chưa? Thiền khách đáp: Ăn cháo rồi. Ngài Triệu Châu bảo: Rửa bát đi. Vị Thiền khách liền ngộ đạo.)

Quý vị nên lắng nghe vị tăng trả lời: Khi hôm trong mộng có người hỏi con câu này, vì lúc đó con mê ngủ nên không đáp cho y.

Sư bèn thôi, và gật đầu.

Ông Tăng có lạc đề hay không? Quý vị thấy câu chuyện này có hơi lý thú và là lạ. Tôi không giải thích mỗi người tự hiểu.

Qua một Thiền sư khác, Thiền sư Quảng Thanh. Đầu mùa Xuân năm Canh Thân đời Khương Hi tức là đời nhà Thanh, Ngài mang bệnh ba tháng trời. Hôm nọ đệ tử là Viên Tịnh dẫn chúng vào phương trượng để hỏi thăm và cầu thầy chỉ dạy.

Sư bảo: Sơn tăng xưa nay không dính mê ngộ. Bị bệnh kiết ba tháng khiến thân gầy bầy xương. Nếu người hiểu đạo như thế bảo đảm siêu Phật vượt Tổ. Nói xong Ngài nằm nghiêng bên mặt mà tịch.

Như vậy Ngài dạy cái gì? Ngài dạy làm sao? Tôi nhắc lại câu chuyện tổ Hoàng Bá mà tôi đã kể năm nào. Dưới Mã Tổ có tám mươi ba Thiện tri thức nhưng chỉ có ngài Qui Tông là ỉa chảy đầy đất. Ở trong nhà Thiền có những câu chuyện tương tự như vậy.

Ngài Quảng Thanh nói Ngài bị bệnh kiết ba tháng. Bây giờ sạch hết thân gầy bầy xương. Nếu người nào hiểu được việc đó, thì siêu Phật vượt Tổ.

Như vậy Ngài dạy chúng ta cái gì?

Đó là câu chuyện kết thúc buổi nói chuyện của tôi. Khi đọc qua câu chuyện đó chúng ta cảm thấy như Ngài tả bệnh trạng của Ngài. Bệnh hoành hành làm cho Ngài đi tiêu chảy, không còn gì trong bụng hết. Ôm gầy còn da bọc xương. Có phải vậy không?

Thiền sư nói nửa thật nửa hư. Mượn bệnh của mình để chỉ cái khác. Thật tình nếu chúng ta là người biết tu Thiền hay là tu theo đạo Phật, chỉ có một chuyện là uống thuốc xổ thôi, là chúng ta hết bệnh. Chúng ta tích lũy cái độc đã nhiều năm, chất độc chứa lâu quá rồi thành ra sanh chứng bá bệnh. Bây giờ muốn hết chỉ còn phương thuốc là xổ. Xổ sạch rồi là chúng ta lành bệnh. Đó là phương pháp duy nhất, mà khổ nổi thiên hạ ở đây không chịu xổ hết. Đã tích độc rồi mà muốn tích thêm hoài, ngày nào cũng thêm mà không chịu xổ. Quý vị xem có phải vậy không?

Đi ra ngoài chợ nghe người ta nói câu gì bất như ý về nhà năm thờ ra thờ vô rồi tức. Như vậy là biết xổ chưa? Những cái gì hay, những cái gì dở nằm trên năm dưới gì đó, nếu rảnh ngồi lại thì ôn nó trong đầu. Ôn tới ôn lui hoặc cười hoặc tức. Chúng ta tích lũy những thứ đó từ ngàn đời mà không



chịu khổ. Do không chịu khổ, rồi gây xanh mét. Hơn nữa, còn biến ra đủ thứ bệnh trạng. Rồi cứ kêu tôi đau quá, tôi khổ quá không ai cứu dùm. Khi đó Phật bảo khổ không chịu khổ. Đó là bệnh không thể cứu được, nếu không chịu khổ. Phải vậy không?

Thành thử cuối năm tôi nhắc lại câu chuyện của chúng ta. Không có gì hơn là cuối năm chúng ta khổ hết cái gì trọn năm chúng ta dồn vô làm cho mình bận bịu làm cho mình khó khăn khổ sở. Hôm nay là ngày cuối năm, quý vị nên khổ hết để rồi sang năm tới chúng ta sạch bong như Ngài, chỉ còn thân gầy bụng trống. Không thì cứ ầm ạch trong bụng và chúng ta sẽ đau khổ dài dài không biết đến bao giờ hết.

Như tôi đã nói, chúng ta đã có sẵn viên ngọc quý trong tay, quý vô giá không gì bì được, mà lại vùi nó trong bụi. Bây giờ muốn cho viên ngọc nó bày ra thì phải phủi cho sạch bụi. Bụi sạch thì viên ngọc mới bày.

Ở đây chúng ta khổ hết cái độc đó thì tức nhiên trắng sạch, cái chân thật cũng hiện ra.

Tu là biết buông tất cả những gì đã nắm. Nếu càng tích lũy thì càng khổ đau. Cho nên người biết tu chỉ cần xả hết cái tích lũy đó, thì an lành tự tại.

Thiền sư không muốn nói danh từ chuyên môn đó, mà nói là tiêu chảy. Bao nhiêu phiền não tích lũy mà mình khổ được ra rồi thì sẽ nhẹ nhàng. Khi chúng ta sạch hết trần lao thì viên ngọc phát ánh sáng. Hết phiền não là Bồ-đề hiện ra. Đó là chủ yếu của sự tu hành.

Tất cả chúng ta cùng tu, nguyện một đời đi tới chỗ an lành tự tại. Nói theo đây là nắm được hòn ngọc của mình, lúc nào cũng sẵn sàng trong tay. Lau nó sạch, không còn để dính tí bụi bặm nào, thì tất cả diệu dụng của nó sẽ hiện tiền. Đó là việc thiết yếu của người tu. Nếu được như vậy rồi thì bao nhiêu đau khổ sẽ theo đó mà hết. Cũng như kẻ nghèo, đói khát lang thang mà được của quý rồi thì sẽ hết nghèo mà trở thành sang cả. Bao nhiêu cái đau khổ của chúng ta theo cái xả đó, tức là theo cái lau sạch tất cả phiền não trần lao đó mà chúng ta sẽ được an lành tự tại. Đó là đường lối tu đơn giản để tiến đến chỗ giải thoát.

Như vậy mong rằng sang năm tới tất cả chúng ta đều khổ hết những cái cũ để tâm hồn trong trắng hầu hưởng một mùa Xuân Di-lặc hoàn toàn.

## MỘT MÙA XUÂN HẠNH PHÚC

Hôm nay là ngày Tết Nguyên Đán, cũng là ngày vía đức Phật Di-lặc. Chúng ta là hàng Phật tử xuất gia và tại gia không quên được ngày quan trọng này. Đứng về mặt dân tộc ngày lễ Nguyên Đán là ngày tối quan trọng của dân chúng. Đứng về Phật pháp, ngày vía đức Phật Di-lặc là ngày rất thiết yếu với người xuất gia. Bởi vì bao nhiêu người tu hành chúng ta đều có một nguyện vọng là tương lai phải đạt đến kết quả viên mãn giác ngộ. Đó là quan niệm chung của toàn thể người xuất gia cũng như hy vọng của người tại gia. Ngày vía đức Phật Di-lặc đúng là ngày mừng một Tết, tức là ngày bước vào năm mới, ngày bắt đầu của năm sắp đến. Có thể nói thời gian tương lai thời gian hy vọng của tất cả chúng ta. Hy vọng chúng ta là hy vọng gì? Hy vọng chúng ta là hy vọng đạt đạo, kết quả viên mãn công phu tu hành của mình. Nên nhớ đến ngày vía đức Phật Di-lặc, tức là nhớ đến cái gì hứa hẹn, ở ngày mai của chúng ta. Ngày mai đối với chúng ta không phải là những ngày nguyện vọng, những cầu mong hão huyền, mà chính là chúng ta phải làm thế nào cũng được thọ ký như đức Phật Di-lặc. Ngài sẽ giáng trần thành Phật trong hội Long Hoa. Cho nên, tới ngày đầu năm, ở chùa cũng như hàng Phật tử với nhau thường hay chúc Xuân bằng những lời chúc tụng: Chúc quý thầy quý cô được hưởng một mùa XUÂN DI-LẶC. Chúc hưởng một mùa Xuân Di-lặc là ý nghĩa gì? Hoặc giả, có những thiệp chúc Xuân ở nhà chùa chúc rằng: Chúc cho quý vị được hưởng một mùa “Xuân bất diệt” hoặc chúc cho quý vị hưởng được một mùa “Xuân miên viễn”. Lời chúc tụng đó là để nhắc nhở nhau trong đầu năm. Hôm nay, lời chúc tụng đó được giải thích từng phần để nói chuyện ngày đầu năm, cũng là ngày vía đức Phật Di-lặc.

Trước hết là chúc một mùa XUÂN DI-LẶC. Trong chùa này chúng ta không có thờ tượng Ngài. Trong các chùa xưa chắc rằng hầu hết tưng ni cũng như Phật tử đều có thấy tượng Ngài. Tượng này có nhiều hình ảnh lắm, nhưng cái hình ảnh chúng ta dễ nhận nhất là cái miệng và gương mặt Ngài. Miệng Ngài cười, gương mặt Ngài vui vẻ. Lúc nào nhìn lên tượng Ngài cũng thấy cười. Có bao giờ thấy tượng Ngài buồn hay không? Đức Di-lặc là vui cười. Như vậy chúc một mùa Xuân Di-lặc là chúc một mùa Xuân vui cười, một mùa Xuân hạnh phúc. Mà hạnh phúc là gì? Là an vui. Mỗi gia đình hay một người nào, trọn ngày, trọn tháng, trọn năm đều được an vui, gọi đó là gia đình hạnh phúc. Bất an và không vui gọi đó là hạnh phúc được không?

Tôi nói mùa Xuân gần tức là mùa Xuân hạnh phúc. Như vậy ta chúc nhau được mùa Xuân hạnh phúc đó là nghĩa gần dễ thấy. Nhưng làm sao được hạnh phúc, tức là chúng ta phải được an vui. Mà làm sao được an? An và vui cái gì? An là tâm không lo không buồn không sợ hãi. Nếu chúng ta muốn được an, thì niệm vui buồn sợ hãi chúng ta phải dẹp qua một bên. Chúng ta không lo buồn sợ hãi thì tự nhiên tâm chúng ta an. Làm sao được vui? Sở dĩ chúng ta không vui là tại sao? Tại chúng ta giận hờn bực tức. Nếu trong gia đình có ai làm mình giận hờn bực tức thì mặt chúng ta vui hay quạu? Cho nên khi nào vui là không có giận, khi nào giận thì không có vui. Chúng ta sở dĩ không được an vui là vì trong lòng chúng ta lo sợ buồn rầu nên không an. Chúng ta bực tức giận hờn nên không vui. Chúng ta muốn được an vui chỉ có cách là không lo buồn tự nhiên tâm an. Không giận hờn bực tức thì tâm chúng ta vui. Muốn hưởng một mùa Xuân Di-lặc với tánh cách cạn gần là một mùa Xuân hạnh phúc thì, chúng ta gạt ra ngoài cái buồn hờn, giận tự nhiên chúng ta hưởng được một mùa Xuân Di-lặc. Nếu không thì, dù ngày nay là ngày mừng một cũng không thấy Xuân chút nào hết. Đã lỡ lo sợ thì làm sao cho hết đây? Bảo sư ông làm sao hết được. Đang giận hờn bực tức thì làm sao bảo đừng cho được? Đó là cái tu của mình? Nếu nói sư ông tức là không có tu.

Muốn hết lo rầu sợ hãi, trong nhà Phật có nói nhiều phương pháp. Ở đây chỉ nói phương pháp gần dễ cho quý vị ứng dụng. Khi mà quý vị lo buồn sợ hãi thì quý vị liền đặt câu hỏi: - Khi lo, lo cho cái gì? Rồi tự trả lời: Cái gì lo? - Cái lãng xăng. Cái đó nhìn lại coi nó là cái gì? Sẽ thấy nó mất tiêu, nó không có nữa. Như vậy cái lo là cái không thật. Lo cho cái gì, lo cho mình, lo cho gia đình mình, lo cho cái gì chung quanh mình. Mình là cái gì? Mình là cái thân tứ đại giả hợp v.v... Mình phân chia mình phân tích xét nét rồi, cái lo nó mất tiêu, vì nó không thật, thì còn cái gì nữa để mà lo. Cái buồn cái sợ hãi cũng vậy. Phần nhiều chúng ta gặp cảnh đâm ra sợ. Cứ tưởng tượng rồi sợ. Không tìm coi cái sợ là cái gì? Tại sao mình sợ?

Thí dụ: Khi gặp con rắn mình run lên. Như vậy mình sợ rắn. Thử hỏi cái gì sợ đó? Khi đặt câu hỏi thì mình hơi tỉnh lại bớt sợ. Vì cái gì mà sợ. Sợ nó cắn mình. Xét cái mình này thật hay không? Xét một hồi rồi quên mất cái mình cũng không thật nữa. Cho nên các Tổ hồi xưa, cảnh hãi hùng trước mặt mà các Ngài không sợ là vì các Ngài biết cái tâm sợ nó không thật và cái chủ đích để mà sợ cũng không thật luôn. Hai cái đều không thật nên các Ngài không sợ.

Đức Phật, khi ngồi dưới cội bồ-đề, có con rồng chín đầu đến, nó đưa cái đầu trước mặt đức Phật phun lửa, phì phì. Giả sử như mình thì sao? Tức là mình kinh hoàng sợ hãi. Khi kinh hoàng sợ hãi, thì tâm đầu bình tĩnh sáng suốt để mà giác ngộ. Sở dĩ đức Phật Ngài điềm nhiên, Ngài không sợ, vì Ngài đã thấy rõ cái sợ là không thật và cái chủ đích của sợ nó cũng không thật luôn. Như vậy ngay cái làm mình sợ cũng không thật. Con rồng hay con rắn cũng là không thật. Cho nên khi chúng ta gặp cảnh kinh hoàng hoảng sợ, dùng trí tuệ phân tích một lát thì hết sợ hết lo. Nếu mình không dùng để quán xét, cứ theo tình cảm lo cho ngày mai. Cái lo sẽ tăng mãi rồi mất ăn, mất ngủ, sanh bệnh hoạn. Rốt cuộc rồi đâu không tới đâu cả.

Như vậy chính vì không dùng trí tuệ quán xét cho nên đau khổ dài dài. Giờ đây nếu gặp cảnh phải lo phải buồn phải sợ, chịu khó xét lại những phương tiện chỉ dạy trong kinh, nào là kinh Bát Đại Nhân Giác, kinh Bát-nhã. Cứ lấy đó mà ứng dụng. Hỏi một hỏi thì nó hết lo hết sợ. Đó là nói đến cái lo rầu sợ hãi để tâm mình an. Muốn tâm mình an phải nhìn lại nó. Nó là cái đang lằng xằng lộn xộn đó. Nó ở đâu? Nó là cái gì? Nhìn nó mãi tự nhiên nó tan hoang không còn nữa. Tức khắc mình thấy an ổn. Còn không nhìn lại nó, nó lờn lộn lên kể mình hoảng hốt, đó là cái gốc mình nuôi dưỡng vọng tưởng. Nếu mình tìm lại nó thì nó mất đi, vọng tưởng hết, lo sợ theo đó đâu còn. Đó là phương pháp thiết yếu. Tôi nghĩ rằng chỉ có người biết ứng dụng thì mới thấy kết quả tốt.

Đến bực tức giận hờn làm sao cho hết? Bực tức giận hờn đổ ky làm người ta không vui. Bao giờ dấy lên niệm tạt đổ, giận hờn, thì không sao vui được hết. Hạnh đức Di-lặc là hỷ xả nên Ngài cười hoài. Cái gì tới Ngài cười, Ngài buông hết, không bận trong lòng. Cũng như chúng ta học uống “thuốc xổ”. Cứ mỗi ba tháng xổ luôn thì bụng sẽ sạch trơn. Biết buông xả thì lòng mới không bực bội. Ở đời có ai làm vừa ý mình hết đâu. Một trăm người thì tám chục người làm cho mình không vui rồi. Chừng hai mươi người mình hơi chịu một chút, chớ chưa chắc mình chịu hoàn toàn. Chỉ có một người có lẽ mình chịu hoàn toàn. Đó là ai? Là mình. Có nhiều khi muốn rầy nó nữa chứ. Phải vậy không? Ở thế gian này có lúc nào mình vui hoàn toàn đâu? Nếu mình cứ ôm ấp, người này làm mình bực, người kia làm mình bực, cứ dồn vô chứa cả một kho “sân” kho “lửa”, động đến là nó cháy. Chúng ta để ý, người nào đang bực mình, mà mình hỏi họ một câu, dù là câu không quan trọng, không đụng chạm gì hết, mới mở miệng hỏi là họ muốn cãi với mình rồi. Họ muốn cự với mình, vì lửa sân có sẵn bên trong rồi. Động một cái là muốn nháng lên. Cho nên chúng ta phải biết rõ chủ yếu của bất an, không vui là tại tâm niệm ta chứa chấp cả một kho nào là tạt đổ, giận hờn, sân hận.

Gặp ai cũng cảm thấy hơi tức tối, bực bội. Muốn an vui chúng ta phải ứng dụng bằng hai cách:

### 1. Tùy hỷ để bớt tâm tật đổ.

Muốn tùy hỷ phải làm sao? Thí dụ: Có những người thân thích mình mến nhất, nghe người đó phát tài mình vui lây. Trái lại có người mình ghét nhất, nghe họ phát tài mình làm sao? Thì bực liền. Tại sao mình bực, chuyện gì họ làm thì họ làm, tại sao mình bực? Đó là người mình không ưa mà họ được hơn mình là sanh tâm đổ kỵ. Đó là ghét, là tật đổ. Giả sử người mình ưa đi nữa, người bạn thân của mình, mình làm nghề đó, bạn mình cũng làm nghề đó, mà cấp trên cứ khen bạn mình hoài mình có vui hay không? Dù người đó là bạn thân của mình, mà mình có vui hay không? Hồi nãy người thù của mình được khen chắc là mình không vui rồi. Còn người này là người thân của mình, họ được khen tốt mà mình cũng không vui nữa. Như vậy chỉ có người nào được khen tốt là mình vui? - Chỉ có mình được khen tốt cái gì thì mình vui. Chớ những người chung quanh khi họ ở xa xa được ít ít mình cũng còn vui, chớ họ được nhiều quá đụng tới quyền lợi của mình thì lúc đó mình cũng không còn vui nữa. Nhìn cho thật kỹ thì quý vị thấy khó mà tìm được cái vui. Bởi vì, cái gì mình cũng muốn hơn thiên hạ hết. Cho nên khi thấy có người nào được khen, tán thưởng thì mình buồn rồi. Như vậy lòng buồn hận nó xảy ra luôn luôn. Đó là điều khó tránh được. Gần như hầu hết một trăm phần trăm mang cái bệnh đó. Có người nào cùng bạn đồng học một nghề gì mà người ta khen bạn mình nức nở, còn mình bị chê dè mà mình vui được. Có ai được như vậy không? Khó có quá. Như vậy mà đức Phật dạy muốn được vui thì phải phát tâm tùy hỷ. Tùy hỷ là vui theo người, coi người được như mình được. Người ta phát tài coi như mình phát tài. Người ta được khen coi như mình được khen. Cái vui của họ xem như chính cái vui của mình. Lúc đó mình mới hết cái tâm tức tối bực bội.

Thí dụ, người bạn thân được cấp trên khen, còn mình bị chê. Người đó được thưởng được phát tài. Mình là bạn thân, có được ảnh hưởng không? Người đó được hưởng mười cục kẹo, ít ra mình cũng được một cục chứ, phải vậy không? Tại sao mình không vui? Vì lát nữa mình cũng được một cục kẹo. Tại sao mình giận họ làm chi để họ ghét, lát nữa họ không cho mình cục nào hết. Nghĩ hai cái, cái nào lợi. Cái mình vui với họ là lợi hay là thấy họ được khen thưởng mình giận là lợi. Sở dĩ người ta chê mình là tự mình dở. Còn người ta khen người đó là tại họ hay. Họ hay người ta khen, mình vui dùm họ. Nếu mình nói với họ: Thật huynh hay quá tôi mừng dùm huynh đó. Huynh được khen như tôi được khen. Chắc chắn người đó chia

mình ít nhất cũng ba bốn cục. Như vậy người đó sẽ vui không thấy bực bội đổ kỵ chi hết. Còn mình thấy người đó được khen mà mình hầm hầm lên. Một lát nữa giả sử có chia nhau, thấy mình tức quá muốn hết chia. Đó là cái nhỏ tí thôi mà quý vị thấy là chuyện thường xảy ra.

Như ở thế gian thì luôn luôn chịu đổ kỵ hơn là chịu tùy hỷ. Thấy người ta hơn mình là mình tức không bao giờ chịu chấp nhận, không bao giờ vui, vui với cái vui của người ta. Cho nên trong kinh đức Phật nói: Người nào phát tâm tùy hỷ thì công đức vô lượng vô biên. Người làm việc tốt được bao nhiêu công đức, mình tùy hỷ công đức cũng bằng với họ không thua chút nào hết. Người làm được việc tốt là họ đã có lòng tốt, mình tùy hỷ là phá tâm tật đổ thì mình cũng tốt luôn. Hai người công đức cũng như nhau. Cũng như cây đuốc này mỗi qua cây đuốc kia. Hai cây đều sáng mà không cây nào mất ánh sáng hết. Chúng ta tùy hỷ cũng vậy. Ai được cái gì tốt mình phát tâm vui mừng: Huynh được cái đó tốt quá, huynh sung sướng phát tài, tôi mừng tôi sung sướng như tôi phát tài vậy. Như vậy chắc chắn đời mình không nghèo. Ai sung sướng mình cũng mừng như mình được thì, thế nào họ cũng không bỏ mình. Khổ là, người ta được mình lại ghét, cho nên mình kiếm chuyện châm biếm, móc ghẹo làm cho họ tức, do đó ai cũng muốn đập mình hết. Vì vậy mình khổ suốt đời. Quý vị thấy cái mầm an vui nó phát từ cái biết tùy hỷ, tức là biết nhìn thấy và nhận cái vui của người làm cái vui của mình. Còn thấy người ta vui mình sanh tâm bực tức thì chắc cả ngày mặt mình nhăn hoai, không thể nào tươi được hết. Vì thiên hạ thiếu gì người được, mà ai được cũng bực tức thì mình sẽ thấy đau khổ cả ngày. Cho nên Phật dạy: Phải phát tâm tùy hỷ, vui theo cái vui của những người chung quanh chúng ta. Người đó dù thân hay sơ, họ được vui mình cũng vui theo hết. Bởi vì chúng ta đã thấy trong kinh đức Phật nói: Chư Bồ-tát thấy một chúng sanh đau khổ, coi như mình đau khổ. Thấy một chúng sanh an vui coi như mình an vui. Chúng ta chưa bằng Bồ-tát ít ra cũng tập cái hạnh đó. Được cái hạnh đó rồi thì chúng ta thấy tự mình mang hạnh phúc đến cho mình. Nếu không tập hạnh đó, ngược lại, mình còn nuôi dưỡng tật đổ bực bội sân hận thì mình khổ hoai. Mình tự chuốc khổ mà chuốc khổ đời đời, chớ không phải một ngày một tháng một năm. Yếu tố tu hành nằm trong đó.

Quý vị thấy, lỗi tu tập đó không tốn công bao nhiêu mà được vui hết cả làng. Còn mình bực thì họ thấy mặt mình họ đã tức rồi, và thầm nghĩ người đó tại sao xấu vậy, thấy người được thì ganh ghét. Đó là tự mình chuốc thêm tai họa có ích lợi gì đâu. Cho nên, là người tu, chúng ta cần gạt bỏ hết những cái gây đau khổ để đem lại an lành vui vẻ cho mình. Đó là điều thiết yếu. Phải buông hết, đừng cố chấp thì lòng người mới nhẹ, tức là không

sân không hờn và phải tùy hỷ khi thấy cái gì vui. Được như vậy thì chúng ta mới là con người vui cười luôn luôn. Nếu chúng ta không làm như vậy thì tự nhiên chúng ta phải đau khổ hoài. Nói tùy hỷ là chúng ta phá được tâm tật đó.

## 2. Làm sao phá được tâm sân hận?

Sân hận là cái tâm bệnh hoạn nhất. Động tới là nổi quạu lên la om sòm, tay chân muốn lay động. Đó là chuốc họa không nhỏ. Đây tôi dẫn một Thiền sư, Thiền sư Đạo Thông đời nhà Tống. Hôm đó tướng công Vu Địch tới hỏi đạo. Vu Công thường tụng kinh Phổ Môn nên ông hỏi rằng: Thế nào là gió đen thổi thuyền trôi vào nước quỷ La-sát? (Như hà thị hắc phong suy kỳ thuyền phưởng phiêu đọa La-sát qui quốc?) Thiền sư trả lời: Kẻ khách Vu Địch hỏi việc ấy làm gì? Vu Địch liền đổi sắc. Ngài bèn nói: Cái đó là gió đen thổi thuyền trôi vào nước quỷ La-sát. Vu Địch liền hết nổi nóng. Chỗ đó thật là tối quan trọng. Mình đọc trong kinh nghe Phật nói dài dài, mình không biết cái gì. Giả sử gặp luồng gió đen (mây khói đen) chiếc thuyền bị trôi vào trong nước quỷ La-sát. Lúc đó ở trong thuyền có người niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát thì bọn quỷ không dám lại gần mình. Những người đọc câu chuyện đó thì thấy linh nghiệm vô cùng. Mình nghĩ có tai họa khi nào đi biển đi sông mà gặp gió to sóng lớn thì cứ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát tức là qua hết. Quỷ mà không dám ngó đến mình huống nữa là cái gì. Nếu hiểu như vậy thì rất tội nghiệp cho kinh điển Đại thừa.

Hắc phong ở đây Thiền sư chỉ không phải là gió lớn ở bên ngoài. Hắc phong tức là gì? Tức là luồng gió đen tự trong lòng mình dấy lên, nó thổi chiếc thuyền người tới cõi nước quỷ liền. Nghe một lời nói trái tai, nổi giận lên tức là miệng phải nói lời ác, tay chân mình phải làm việc ác thì nó đưa mình tới đâu? Đưa vào cõi La-sát phải ở tù phải khổ. Như vậy hắc phong là từ chỗ đó. Cho nên chúng ta nghe những lời nói ác những lời trái tai, vừa có cơn giận dấy lên thì biết đó là hắc phong thổi. Phải dừng nó lại thì nhất định nó không trôi lăn đến nước quỷ, mà quỷ cũng không dám hại. Nếu lỡ nó thổi trôi đến nước quỷ, thì phải nhớ niệm Quán Thế Âm quỷ không dám ngó đến mình. Vậy thì niệm Quán Thế Âm bằng cách nào? Sở dĩ chúng ta giận vì do mắt thấy tai nghe, mà phần lớn là tai nghe những lời trái nên mới giận. Khi tai nghe những lời trái nổi giận lên đó thì miệng tay muốn làm dữ rồi, mình nhớ niệm Quán Thế Âm Bồ-tát tức là nhĩ căn viên thông, nhớ lại tánh nghe của mình. Bao nhiêu lời trái tai đều tan hết. Cơn giận cũng chìm luôn. Nó đâu còn cái gì đưa đến nước quỷ, La-sát đâu dám ngó tới mình. Chớ mình nghe người ta nói trái tai, chộp đó mà nổi giận tức là hắc

phong nó thổi. Nếu nó thổi, đánh đập, chửi bới một hồi thì bị mời vô khám. Như vậy không phải là bị đưa tới nước quỷ La-sát nó hành hạ là gì? Rõ ràng như vậy. Nên biết, mình nhớ niệm Quán Thế Âm, thì tức nhiên qui không dám ngó đến mình. Giả sử gió lớn có nổi lên như trong kinh thường nói “Bất phạ sân tâm khởi, duy khùng tự giác tri”. Nghĩa là chẳng sợ cái tâm sân nổi lên, chỉ sợ mình giác chậm thôi. Bây giờ lỡ hắc phong thổi lên nó thổi mình, lúc đó niệm Quán Thế Âm tức là mình giác. Nhìn lại tánh nghe thì đâu còn theo tiếng nữa. Đó là giác. Mình giác thì cái nổi giận hồi nãy liền mất.

Như vậy, trước hết mình ráng đề phòng gió dữ. Lỡ bị gió dữ rồi thì phải nhớ niệm Quán Thế Âm. Đó là ý nghĩa thâm trầm trong kinh. Nhiều khi chúng ta chờ tai nạn xảy ra mới niệm, mà không nhớ niệm hằng ngày như vậy. Chúng ta tu mà muốn hết sân, hết hận, chúng ta phải nhớ như vậy. Chúng ta hằng ngày, hằng đêm biết dừng bao nhiêu cái làm trái tai gai mắt, khi những trận giông đen dấy lên, ta biết đó là gì rồi. Nó thổi chúng ta thì chúng ta liền niệm Quán Thế Âm. Đó là chúng ta tỉnh giác. Tỉnh giác kịp rồi thì tai nạn không đến với chúng ta. Còn không tỉnh giác kịp cứ để vậy mà chịu thì thế nào rồi cũng bị quỷ nó xé thân. Chắc chắn như vậy không nghi. Đường lối rõ ràng như thế. Cho nên muốn được vui, luôn luôn không có buồn bực tức tối thì chúng ta phải nhớ dừng lại cơn gió dữ đừng cho nó động. Lỡ động phải giác ngộ cho sớm. Được như vậy thì chắc chắn mình không có tai họa, không bị khổ đau.

Đó là ý nghĩa một mùa Xuân hạnh phúc. Năm nay chúng ta bắt đầu qua năm thứ ba, tôi chúc quý vị một điều gần nhất là hưởng một mùa Xuân hạnh phúc. Như thế mới là ý nghĩa của mùa Xuân Di-lặc cận thôi.

Đến ý nghĩa mùa Xuân Di-lặc sâu hơn, tức là một mùa Xuân bất diệt, một mùa XUÂN MIÊN VIỄN. Nói đến đức Di-lặc là nói đến đức Phật sẽ thành. Trong kinh Phật thường nói: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành. Như vậy đức Phật Thích-ca xác nhận rằng Ngài là Phật đã thành còn tất cả chúng ta là Phật sẽ thành. Sẽ thành là việc tương lai cũng như đức Phật Di-lặc vậy.

Ông Phật sẽ thành là ông Phật nào? Ở đâu? Ông ở chính nơi chúng ta nhưng vì chúng ta bỏ quên ông. Mình có hòn ngọc mà không nhận, cứ lo hỏi ngọc của đức Di-lặc hay đức Địa Tạng cầm trong tay mà không nhớ mình có hòn ngọc. Có mà không chịu nhận là dôi gạt thiên hạ. Cho nên chúng ta nên biết rằng tự mình cũng có ông Phật như chư Phật vậy.



Vì mình còn quá lắm mê, không tự tỉnh tự giác được rồi bỏ quên ông Phật của chính mình. Vì vậy phải lăn lộn trong sanh tử. Mà đã lăn lộn trong sanh tử thì đó là khổ đau vì sanh tử là cái mầm của biến chuyển của sanh diệt. Biến chuyển sanh diệt, là vô thường gốc của khổ. Vì vậy đức Phật nói: “Luân hồi là khổ đau.” Còn ở trong luân hồi tức là còn ở trong sanh diệt là đau khổ. Nếu muốn ra khỏi vòng sanh diệt thì phải thoát khỏi luân hồi. Thoát khỏi luân hồi mới là miên viễn, gọi là bất diệt được. Đó mới là cái an vui cứu cánh của con người. Vì chúng ta đang sống trong cảnh vô thường sanh diệt cho nên nó luôn luôn bức bách thúc đẩy ép ngặt chúng ta tới đau khổ. Bây giờ chúng ta thoát khỏi cái vô thường bức bách đó thì tự nhiên chúng ta an vui. Vô thường bức bách đó là sanh tử luân hồi. Ra khỏi vô thường bức bách đó là giải thoát. Cho nên nói mùa Xuân Di-lặc mà được bất diệt miên viễn đó, là chỉ cho mùa Xuân do tự chúng ta thoát khỏi cảnh vô thường bức bách sanh diệt.

Nói một cách khác là thoát khỏi luân hồi sanh tử, sống với cái vô sanh an lạc. Bởi vì vô sanh nên đâu bị cái gì làm cho động, vì vậy là an. Bởi vô sanh nên không có khi buồn khi vui mà hằng tỉnh táo an ổn, gọi đó là cái vui chân thật. Như vậy khi nói tới mùa Xuân Di-lặc tức là nói đến mùa Xuân bất diệt, mùa Xuân của bản tâm thanh tịnh ở mỗi người. Chúng ta không còn bị lôi cuốn trong sanh diệt nữa. Như vậy mới là sống được mùa Xuân miên viễn. Chính cái chỗ này là chỗ khao khát, chỗ ước mơ của người tu chúng ta. Chỗ này chúng ta dùng chữ mùa Xuân, nơi khác trong kinh gọi là Niết-bàn, tức là an lạc tịch tĩnh. Như đã nói mùa Xuân là cái gì ấm áp tươi đẹp an ổn, cho nên mùa Xuân ấy cũng tượng trưng là Niết-bàn tức là hằng sống trong cảnh an lạc vui vẻ luôn luôn. Còn hiện tại mùa Xuân của chúng ta chỉ là một mùa Xuân của ba tháng. Trong đó những ngày qua là mất, mất rồi lâu lâu nó đáo lại một lần. Đó là mùa Xuân của sanh diệt.

Giờ đây làm sao hưởng được một mùa Xuân không còn sanh diệt nữa. Đó là mùa Xuân cứu kính mà người tu mong ước. Được cái Xuân đó mới thật là cái Xuân của chính mình mong muốn. Nay giờ là nói sự chúc tụng trong mơ ước thôi. Bây giờ làm sao hưởng mùa Xuân bất diệt đó? Muốn hưởng mùa Xuân bất diệt đó chúng ta phải có tâm bất diệt. Có tâm bất diệt thì mới hưởng mùa Xuân bất diệt. Còn mang tâm sanh diệt thì không bao giờ hưởng được mùa Xuân bất diệt. Vì vậy trong kinh Kim Cang đức Phật dạy: “Chúng ta phải nhìn lại tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc.” Ba cái tâm đó: “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được”. Tâm chạy theo quá khứ, hiện tại, vị lai đó là tâm gì? - Là tâm sanh diệt. Đức Phật nói

tâm đó không thể được vì nó không thật. Chúng ta hằng sống với cái tâm nào? Chúng ta đang sống với tâm quá khứ hiện tại vị lai. Tại sao tâm quá khứ không thể được? Chúng ta trước giờ nằm ngủ, vừa nằm xuống gác tay lên trán thì làm sao? Nhớ chuyện năm ngoái năm xưa, tháng rồi tháng trước đã làm cái gì? Một hồi con mắt muốn nóng lên nhắm mắt không ngủ được. Nói tại sao tôi mất ngủ. Tại làm sao vậy? Cái gì thuộc về quá khứ chúng ta có ung cỡ bỏ hết hay không?

Tôi thấy có nhiều cuốn nhật ký đầy ắp, bút tích kỷ niệm nữa. Như vậy bỏ hay là không bỏ? Nếu bỏ thì đừng ghi, nếu ghi thì đâu chịu bỏ. Vì sợ ký ức nhớ không hết nên phải ghi thêm ngoài nhật ký để mai mốt có quên lật lại. Như vậy đâu có ung cỡ bỏ cái gì đâu? Cái đó thuộc về quá khứ, mà quá khứ có tìm lại được hay không. Tất cả qua rồi tìm lại đâu có được. Mình cứ nghĩ lui về quá khứ. Càng nghĩ lại càng rối cho mình thôi. Nó đâu có thật mà nghĩ. Thành ra hết một phần ba đời người chúng ta sống về quá khứ. Những cái gì oai hùng của thuở xưa cũ nhớ mãi không thôi.

Còn mấy chú trẻ thì sao? Sống với vị lai. Nghĩ bây giờ mình nhỏ quá, không làm gì đáng kể rồi, nghĩ vị lai sẽ là ông thân ông thánh gì đó đủ thứ. Vì vậy cả ngày ngồi lại nói tôi sẽ như thế này như thế kia. Cũng mất hết phần ba cuộc đời sống về vị lai.

Rồi một phần ba cuộc đời về sống về hiện tại. Hiện tại đây nói tạm mà không hiện tại gì hết. Nghĩa là hiện tại với niệm suy nghĩ tính toán đây là khen mình, đây là chê mình, việc này là phải việc kia là quấy. Cứ lo bao nhiêu đó, suy nghĩ hoài như vậy, hiện tại mà không có hiện tại. Niệm này hết thì niệm kia nó sanh. Cứ như vậy mà liên miên sanh diệt thì hiện tại đâu có. Vì vậy nghĩ đến quá khứ thì quá khứ không thể được. Tâm mình cứ nhớ lui về quá khứ, mà quá khứ là chuyện đã qua rồi, nghĩ lui lại cái không có, cái nghĩ đó cũng là không. Cho nên cái quá khứ không thể được. Rồi hiện tại nghĩ cái này tới cái khác, trong một ngày nghĩ không biết bao nhiêu thứ. Như vậy cũng không được luôn. Vì đó là cảnh sanh diệt. Vị lai chưa đến cứ phóng đại cái này cái nọ. Ngồi đó mà tưởng tượng đủ thứ. Cái chưa đến mà tưởng cũng là không tưởng, nên không được luôn. Như vậy quá khứ hiện tại vị lai, ba thời đều không được cả. Vậy mình sống với cái gì? Hiện tại mình đang sống ba thời của tâm như chúng ta đã thấy ba thời đó đều không thể được. Nếu mình sống với ba cái đó là mình sống với cái hão huyền. Vậy mà người tu cho là thực tế. Nhớ chuyện đã qua cho là thực tế. Tưởng tượng cái gì chưa đến gọi là thực tế. Mà cái thực tế nhất lại không thấy. Thấy toàn cái sanh diệt viên vông thôi.

Quý vị thử kiểm lại một ngày xem quý vị sống với quá khứ hiện tại vị lai là bao nhiêu? Quý vị có bỏ tâm của ba thời đó hay không? Nếu cả ngày mà sống với tâm chạy theo ba thời đó thì chúng ta đã mất tâm rồi. Gọi là tâm mà thật sự tâm đã mất. Sống với cái tâm sanh diệt thì tâm đâu có thật. Như vậy sống với tâm không thật mà tưởng là thật rồi un đúc tưởng tượng v.v... có phải là chúng ta đang sống trong cái ảo huyền mà làm cho mình là thật. Như vậy hằng ngày nói sống cho mình, thật đã mất mình. Thật là đáng thương chúng ta sống với ba cái tâm chết. Còn hiện tại thì theo cái sanh diệt không dừng cũng là cái không có luôn. Ba cái không có đó mà ráp lại thành cái có để sống. Như vậy tuy nói sống dường như không sống gì hết. Vậy mà mình hãnh diện xưng là mình đang sống.

Như vậy phải làm sao? Sống trong quá khứ, trong hiện tại, trong vị lai, trong cái sanh diệt đó thì tâm mình có an hay không? Mình có hưởng được một mùa Xuân miên viễn bất diệt hay không? Vì muốn hưởng một mùa Xuân miên viễn bất diệt thì nơi tâm mình cũng phải bất diệt. Mà muốn bất diệt thì phải bất sanh, tức không chạy theo cái sanh diệt. Không chạy theo sanh diệt thì tâm mình lặng lẽ thanh tịnh. Như vậy mới sống được một mùa Xuân bất diệt. Một Thiền sư Việt Nam diễn tả điều đó qua vài câu thơ nói rõ như ban ngày. Đó là Thiền Lão Thiền sư khi vua Lý Nhân Tông vào núi gặp Ngài, mới hỏi: Hòa thượng bao nhiêu tuổi? Ngài đáp:

Đản tri kim nhật nguyệt

Thùy thức cựu xuân thu

Nghĩa là: Chỉ có biết ngày nay thôi, còn bao nhiêu năm trước ai đâu nhớ. Như vậy Ngài đâu có sống với tâm quá khứ, Ngài chỉ biết có ngày nay. Sống với ngày nay đó là sống với tâm lặng lẽ của hiện nay. Vua Lý Nhân Tông hỏi tiếp: Hòa thượng ở đây làm gì? Ngài trả lời:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân

Nghĩa là: Thấy trúc biếc thấy hoa vàng đều là cảnh chân thật, đều là mùa Xuân hết. Thấy trăng trong thấy mây bạc, cũng đều hiện cái chân thể hoàn toàn. Như vậy cái gì hiện ra trước mắt Ngài đều là một mùa Xuân miên viễn. Sống như vậy mới thật là sống. Còn mình bây giờ sống mà không thật sống. Khi nào hiện tại không chạy theo cái suy tính phân biệt, chỉ sống với tâm thanh tịnh thân nhiên của hiện tại thì mới gọi là sống với ngày nay. Biết

ngày nay là biết như vậy. Với tâm thanh thản lặng lẽ, nhìn tất cả cái gì hiện có trước mắt đây đều là một màu chân thật, như như, không có cái gì là sanh diệt hết. Đó mới gọi là mùa Xuân miên viễn, mùa Xuân bất diệt. Mùa Xuân mà nhìn đâu cũng nên thơ hết, chớ không thấy cái lò lửa cái địa ngục, cái than trách như mình bây giờ. Nhìn đâu cũng thấy nên thơ. Thấy hoa cúc, thấy trăng, thấy mây, thấy cái gì cũng là nên thơ. Thấy cái gì cũng đều là Xuân rạng rỡ, không thấy cái gì là đen tối xấu xa hết. Muốn sống với cái đó thì trước hết tâm mình phải Xuân miên viễn thì ngoại cảnh mới theo đó mà Xuân. Chớ tâm mình là cái tâm sanh diệt đau khổ, ngoài muốn có Xuân thì cũng gượng gạo Xuân mà thôi. Đem cái hoa mai hoa cúc chung rồi cũng héo, cũng phải vứt đi. Nó không còn Xuân hoài. Chỉ có cái tâm thanh tịnh nhẹ nhàng thư thới đó, nhìn cái gì cũng là Xuân hết. Cho nên các Thiền sư nhìn đâu cũng thấy một mùa Xuân tràn trề, không cần đi tìm kiếm, không cần chờ đến tháng giêng mới có một mùa Xuân. Đó là mùa Xuân Miên Viễn.

Như vậy chúng ta tu hành cốt làm sao hưởng được một Xuân như thế. Đó là một mùa Xuân cứu kính. Ráng hưởng mùa Xuân thú vị nhất, đẹp đẽ nhất mà người xưa đã hưởng. Đức Di-lặc đã hưởng mùa Xuân đó rồi, cho nên Ngài cười hoài. Mặt chúng ta nhăn năm, bảy nếp nhăn là vì chúng ta chưa hưởng được mùa Xuân đó. Cho nên trán chúng ta thì nhăn, mặt thì méo, mắt thì đỏ. Đó là cái đau khổ hiện ra ở mặt chúng ta. Chính vì chúng ta không hưởng được mùa Xuân như vậy.

Để kết thúc mùa Xuân miên viễn hôm nay, tôi dẫn thêm Thiền sư Thiên Tùng. Ngày đầu năm Ngài làm thơ tặng chúng lấy tên là: Tuế Triều (là ngày đầu năm).

Kim tiêu tận đạo thiên nhất tuế

Ngô đạo như kim giảm nhất niên

Tăng giảm khứ lai vô định số

Duy năng tiêu tận thế gian duyên

Tất tu thức đắc duyên trung chủ

Bách thiên vạn kiếp thường như nhiên

Vô tăng vô giảm như hà đạo

Nhất cú hà tu dụng khẩu truyền

Tạm dịch:

Sáng nay đều bảo thêm một tuổi

Tôi nói hôm nay bớt một năm

Thêm bớt lại qua số khôn tính

Chỉ hay dứt sạch duyên thế gian

Cốt là biết được trong duyên chủ

Trăm ngàn ức kiếp thường an nhiên

Không bớt không thêm làm sao nói

Một câu nào thiết dùng miệng truyền

Giải thích của ngài Thiên Tùng quá rõ ràng. Đến ngày mừng một chúng ta đều ùa nhau nói: Chúc thầy cô thêm một tuổi thọ, chớ có ai chúc thầy cô mất một tuổi thọ. Phải vậy không? Quả tang là mình mất một năm rồi. Nếu sống sáu mươi tuổi, năm rồi năm mươi ba tuổi năm nay năm mươi bốn tuổi, thì năm nay chúng ta đã bớt đi một tuổi để sống rồi. Sống sáu mươi tuổi, nếu năm mươi ba tuổi thì chúng ta còn được bảy năm. Năm nay năm mươi bốn tuổi, rút lại còn sáu năm thôi. Rút một năm là bớt tại sao lại nói thêm. Thành thử thế gian tưởng theo chiều thêm mà quên nghĩa bớt. Vì vậy mà Ngài nói: Sáng nay đều bảo thêm một tuổi, với Ngài thì Ngài nói: Hôm nay bớt một năm. Quả tang năm nay bớt một năm sống rồi. Rõ ràng như vậy. Nhưng có ai gan dạ thấy như vậy đâu. “Tăng giảm khứ lai vô định số” là thêm bớt qua lại cái số không nhất định. Nói thêm cũng được, nói bớt cũng được. Nói về cái chiều sáu mươi để trừ lại thì thấy mình đã bớt. Nếu thấy chiều năm mươi mấy cộng lại thì thêm một năm. Như vậy vì có cộng có trừ nên có thêm có bớt. Thật ra không biết nói thế nào cho đúng. Vì vậy Ngài nói con số không nhất định. Chỉ có điều này là quan trọng. “Duy năng tiêu tận thế gian duyên” tức là chỉ người tiêu sạch cái duyên thế gian tức tiêu chảy ba tháng, tiêu chảy sạch hết, bụng trống rỗng tức là tiêu sạch, duyên thế gian, nhưng chưa đủ còn phải thêm: “Tất tu thức đặc duyên trung chủ” tức là cần phải biết được ông chủ trong các duyên đó. Biết ông chủ mới là cái tối thiết yếu. Trước hết là phải tiêu sạch hết cái duyên thế gian, rồi kể đó biết

được ông chủ, cắt hết các duyên đó. “Bách thiên vạn kiếp thường như nhiên” tức biết được ông chủ rồi thì trăm ngàn muôn kiếp đều như vậy. Chính đó là mùa Xuân bất diệt. Tất cả quá khứ hiện tại vị lai đều không biến chuyển. “Vô tăng vô giảm như hà đạo”. Ông chủ đó trăm ngàn muôn kiếp vẫn như nhiên. Ông không có thêm cũng không có giảm. Không thêm không bớt, bảo tôi nói gì mới được đây? Thế gian có thêm có bớt còn nói được. Còn cái chỗ không thêm không bớt nói cái gì? “Nhất cú hà tu dụng khẩu truyền” thành ra cái câu duy nhất đó đâu cần dùng miệng nói với nhau. Chỉ mọi người nhận được sống được, thấy được thì người đó hưởng một mùa Xuân bất diệt. Chớ còn nói, nói nó không hết, vì vậy tôi không biết chúc tụng quý vị cái gì vào đầu năm này. Vì cái đó không dùng miệng mà nói với nhau được. Chỉ mỗi người nhận và thấy được cái đó thì quý vị hưởng một mùa Xuân như vậy.

Tôi tạm chúc quý vị một mùa Xuân Di-lặc tùy theo cạn sâu của mỗi người. Ráng hưởng cho được đừng để ba tháng Xuân mất rồi tới Thu tới Đông, lại trông Xuân đến nữa, cực lắm. Phải luôn luôn hưởng cái Xuân Di-lặc. Lúc nào cũng là Xuân hết. Gặp nhau chúng ta cười hoài. Dù sống trong cảnh nào cũng cười hoài như vậy là hạnh phúc ngay ở trần gian.

---o0o---

## **TẤT NIÊN: CÁI GÌ RỒI CŨNG ĐẾN ĐẾN RỒI QUA, QUA RỒI MẤT**

Ngày Tất niên năm nay, tôi nói một đề tài hết sức là bình dân: Cái gì rồi cũng đến, đến rồi qua, qua rồi mất.

Tất cả chúng ta ai cũng như ai, khi sáng sớm thức dậy, nhớ đây là sáng, nghĩ đến chiều thấy như nó xa. Nhưng rồi lụi đụi qua một vài công tác là đến trưa. Sau bữa cơm trưa loanh quanh đến chiều, rồi tối. Như vậy nhìn sáng đến chiều dường như là xa, cái xa đó rồi cũng đến, đến rồi qua. Sáng hôm sau tìm lại ngày hôm qua đã mất. Mừng một chúng ta thấy cuối tháng dường như xa, nhưng rồi loanh quanh tới rằm rồi tới ba mươi. Như vậy, ngày ba mươi thấy xa, nhưng rồi cũng đến, đến rồi qua, qua rồi mất. Ngày mừng một Tết chúng ta nói đến cuối năm thấy thời gian dường như rất dài, rồi ngày qua ngày cũng đến cuối năm. Ngày cuối năm rồi sẽ qua, qua rồi mất. Đó là nói về thời gian.

Như vậy, một ngày sáng trưa chiều tối, khi đã qua rồi không còn trở lại với chúng ta nữa. Nhưng mà trong ngày đó, nếu chúng ta đóng một cái

bàn, trồng một luống rau, hoặc viết một trang sách, cái chúng ta đã làm vẫn còn, nó hiện còn với chúng ta.

Một ngày qua đó, chúng ta đã làm cho nhiều người buồn, lảng giềng tức giận, dù ngày đó qua mất rồi, hôm sau ta gặp lại những người ta làm buồn, họ có hết buồn chưa? Như vậy thời gian qua rồi mất không bao giờ trở lại, nhưng những cái gì chúng ta đã làm chưa mất hẳn, nó còn có mặt với chúng ta ở ngày mai. Nếu chúng ta muốn ngày mai ai gặp chúng ta cũng đều vui, đều thân mật, thì hôm nay chúng ta phải làm sao? Nếu gặp người nào chúng ta cũng thách đó, cũng mắng chửi, làm những chuyện bực bội cho họ, thì ngày mai chúng ta sẽ thế nào khi gặp lại họ?

Chúng ta có cần hỏi xem ngày mai ta tốt hay xấu, có được nhiều người thương hay không? Cần hỏi điều đó chẳng? - Đâu cần việc đó. Chỉ cần nhớ hôm qua ta đã làm gì cho người ta, thì ngày nay những cái đó tự nhiên sẽ có với chúng ta. Đó là một lẽ thật mà thế gian không chịu nhớ. Ngày hôm qua chửi người ta, mà ngày nay muốn gặp ai cũng vui hết, ai cũng tán thán mình hết. Điều đó thật không bao giờ có. Đó là tôi nói chuyện một ngày, chuyện một năm cũng vậy.

Nếu một năm chúng ta làm toàn những điều dở, những điều xấu, rồi đến đầu năm nhất là từ mừng một đến mừng chín đem ít chục đồng bạc, vài bó nhang, một vài đĩa bánh tẻ chùa, cúng sao cúng hạn để cho năm tới được bình an, sung sướng. Quý vị nghĩ sao? Tại sao chúng ta không làm cái gì đem lại sự an vui cho mình cho người, mà lại làm những điều xấu xa rồi hoảng sợ, rồi cầu cạnh mong mỏi không muốn có những điều đau khổ. Khi chúng ta không cố tránh nhân đau khổ lại mong khỏi cái quả đau khổ, như thế có thể được hay không?

Như vậy chúng ta có thể nói một năm qua nếu ngày nào chúng ta cũng làm cho những người xung quanh được vui vẻ, ngày nào chúng ta cũng giúp đỡ mọi người, đem lại sự an ổn cho mọi người thì năm tới những người xung quanh chúng ta có thể nào trở nên thù địch muốn hại chúng ta hay không? Đương nhiên không bao giờ có điều đó. Nếu qua một năm chúng ta làm cái gì được cảm tình, được thương mến thì năm tới chúng ta sẽ gặp được điều tốt. Giả sử chúng ta bị bệnh hoặc bất thần một bất hạnh nào đến chúng ta, thì những người có cảm tình với chúng ta trước kia đã được chúng ta giúp đỡ, họ sẽ đối với chúng ta ra sao? Có thể người thì lo thuốc men, kẻ thì mách bảo thầy, hoặc giúp đỡ gia quyến chúng ta trong lúc khó khăn, gánh vác những gì nặng nhọc giúp chúng ta. Những cái không may cho bản thân

chúng ta không phải là không đến, nhưng khi được mọi người mến yêu, thì những cái gì đến đó cũng được sự che chở và giúp đỡ để làm cho chúng ta nhẹ đi được đôi phần.

Ngược lại, nếu trong một năm chúng ta gây toàn thù hận, gây ác cảm mang phiền toái phức tạp với mọi người chung quanh thì, năm tới chúng ta nghĩ thế nào nếu chúng ta gặp lại những người đó. Tự nhiên dù không nói ai cũng biết, chỉ thấy, thấy khổ đau và những việc bực bội. Như vậy quý vị nghĩ sao? Mỗi người chúng ta phải làm gì? Để rồi sang năm mới chúng ta gặp những điều tốt đẹp? Hay là mặc tình chúng ta làm gì thì làm, đợi đến đầu năm đi cúng sao cúng hạn để được một năm bình an. Chúng ta là những người biết đạo nghĩa là biết lẽ thật, tự nhiên chúng ta không chấp nhận những gì không đâu huyền hoặc. Phải thấy rõ lẽ thật của cuộc đời. Nếu năm rồi chúng ta làm cái gì đẹp hay xấu thì năm tới chúng ta có một phần ảnh hưởng chớ không thể nào tránh khỏi. Đó là một điều mà chúng tôi thấy mọi người chúng ta đều ý thức được. Nếu chúng ta muốn năm tới là một năm đẹp để an bình, thì trong năm nay đối với mọi người bất cứ lúc nào, chúng ta cũng phải làm sao đem lại sự an lành cho họ. Không lúc nào là lúc chúng ta làm buồn người chung quanh, thì năm tới chúng ta được an lành không có nghi ngờ gì nữa.

Đó là tôi nói một năm, cho đến một đời cũng thế. Lẽ thật của một ngày, của một năm, đến kết thúc của một đời không khác nhau. Chúng ta biết được một ngày thì chúng ta có thể biết được một năm. Biết được một năm thì chúng ta có thể biết được một đời. Nếu một đời chúng ta tạo toàn những điều tốt điều lành, thì đời sau nếu chưa được giải thoát, chúng ta còn gặp lại, cũng trong hoàn cảnh tốt và lành. Nếu một đời chúng ta làm toàn là đau khổ, toàn là điều phiền hận, khi gặp lại nhau sau này, khổ đau phiền hận tránh đâu cho khỏi. Cho nên thực tế là chúng ta phải lợi dụng thời gian. Mỗi thời gian qua phải là thời gian tốt đẹp cho mình và cho người. Chúng ta tạo được những điều an ổn vui vẻ cho mình, cho người, đó chính là sự bảo đảm an ổn vui vẻ cho chúng ta trong năm tới, và cho cả đời sau nữa.

Ngược lại, chúng ta không khéo vận dụng thời gian để làm những điều tốt đẹp, thì sau này chúng ta sẽ hối hận để cuộc đời trôi qua một cách vô ích. Tóm lại ngày qua là mất, nhưng những gì ta đã làm chưa mất hẳn. Nói đến thời gian trôi qua rồi mất, tôi có thể tượng trưng thời gian là một xâu chuỗi. Một ngày qua là một hạt chuỗi chúng ta lặn qua. Cứ hạt này qua đến hạt khác. Tay còn lần chuỗi thì không hạt nào dừng lại mà luôn luôn là phải qua. Giờ đây chúng tôi có thể nói rằng các tràng chuỗi này không phải



là một trăm lẻ tám mà nó là ba trăm sáu mươi lăm hạt. Như vậy năm này ngày này chúng ta đã lần hết ba trăm sáu mươi lăm hạt rồi. Cứ như vậy lần hết một tràng qua là một năm. Hoặc giả chúng ta mang một xâu chuỗi hạt to có mười hai hạt cứ một một hạt là một tháng.

Để quý vị nhận rõ hơn tôi kể lại những trường hợp của những người gần gũi tôi nhất. Như mẹ tôi chỉ lần được năm mươi sáu tràng rồi buông tay, chuỗi biến mất mà người cũng mất luôn. Cha tôi chỉ lần được bảy mươi chín tràng rồi buông tay, chuỗi mất người cũng mất luôn. Thầy tôi chỉ lần được năm mươi lăm tràng rồi buông tay, chuỗi mất người cũng mất luôn. Sư ông tôi chỉ lần được sáu mươi một tràng rồi buông tay, chuỗi mất người cũng mất luôn. Rồi đến tôi, tôi không biết lần được mấy chục tràng, để rồi buông tay và mất luôn. Chuỗi và người tìm lại không được nữa.

Quý vị có lần như vậy hay không? Mỗi xâu chuỗi lần qua rồi mất, mất cả chuỗi lẫn người lẫn chuỗi. Xâu chuỗi đó chúng ta gọi nó là xâu chuỗi mộng. Người lần chuỗi cũng là người mộng. Chuỗi mộng mất người mộng không còn. Như vậy, tất cả mọi người ở đây đang sống trong mộng và không ai biết mình đang sống trong mộng. Cứ tưởng là thật, nên tranh nhau từ lời nói, từ hành động, từ miếng ăn, từ cái mặc, rồi dòn đau khổ trên đầu nhau. Đã là một cuộc đời mộng, ở trong đó không đánh thức cảnh tỉnh nhau, mà lại làm cho nhau thêm đau khổ. Tự mình đã khổ, còn làm khổ cho người, đây là một điều đáng thương. Thương cho mình và thương cho mọi người. Nếu chúng ta thấy rõ thời gian là mộng ảo thì chính cuộc đời của chúng ta cũng là mộng ảo. Quý vị nhớ lại những người trước chúng ta, những người đồng thời với chúng ta và cả bản thân chúng ta đều là mộng. Tại sao chúng ta không thức giấc mộng đó. Hết mộng này tạo mộng khác, hết mộng khác tạo mộng khác nữa. Mộng chập chồng mộng. Thí dụ người nằm mộng khi họ tỉnh, họ biết cái mình thấy khi này: hình ảnh, con người, sự vật đã thấy chỉ là mộng. Khi họ biết như vậy rồi, giấc mộng có còn với họ hay không? Đã mất rồi. Cho nên một khi đã tỉnh mộng thì mộng không còn.

Nhưng mà có người tỉnh mà còn mộng thì sao? Thí dụ: Quý vị đang ngủ, nằm mơ giật mình thức dậy biết hồi này là mộng, nhưng rồi cứ nằm ý nhắm mắt ngủ nữa. Mộng thứ nhất mất, thì mộng thứ hai tiếp, rồi mộng thứ ba và nhiều mộng nữa. Nếu chúng ta không gan dạ, một khi biết mộng liền trở dậy đốt đèn lên, thức hẳn hoi, hoặc tọa thiền hoặc đi đứng làm công kia việc nọ, thì tự nhiên không còn mộng nào tiếp. Nếu chúng ta biết là mộng mà cứ nằm dài nhắm mắt thì hết mộng này đến mộng kia không phải tỉnh một cơn mộng là hết mộng. Có phải vậy không?

Chúng ta xét lại: Biết mộng rồi thức luôn hay biết mộng rồi nằm dài ngủ nữa? Đó là câu hỏi tôi đặt ra cho quý vị. Nếu chúng ta thật tỉnh là người biết không muốn mộng nữa, thì phải gan dạ trỗi dậy, thấp đèn lên, mộng sẽ không còn cơ hội tiếp diễn nữa. Như thế mới hết mộng được.

Chúng ta phải gan dạ trỗi dậy, đừng vì mệt mỏi, đừng vì mê ngủ mà cứ nằm dài nhắm mắt thì làm sao hết mộng được. Cũng như vậy, chúng ta nhận thức rõ ràng cuộc đời là ảo mộng, vì như tôi đã nói, đầu năm thấy cuối năm là xa, nhưng rồi cuối năm cũng sẽ đến. Rồi ngày mai nó qua, qua rồi mất. Đến cuối năm khác cũng qua rồi mất. Chúng ta thấy ông bà, cha mẹ chúng ta sanh đó rồi mất đó, tức là sanh rồi tử, một khi mất đi chúng ta không thấy hình bóng thân yêu đó trở lại. Đến lượt chúng ta, hiện có đây, nhưng rồi cái ngày đó sẽ đến với chúng ta. Nó đâu còn xa nữa. Đến rồi qua, qua rồi mất. Sự hiện hữu của chúng ta ngày nay cũng là mộng thôi. Nếu nó là thật thì nó đâu bị qua, đâu bị mất. Mà nó phải qua rồi sẽ mất, thì tự nhiên nó không phải là thật rồi. Vậy thì, trong khi chúng ta còn ở đây, coi như mình đang sống trong mộng. Trong mộng phải làm sao thấy là mộng. Biết mộng tức là chúng ta đã tỉnh rồi. Biết mộng rồi phải hấn hơi thức dậy thấp đèn lên cho sáng, trỗi dậy rửa mặt rửa tay tới lui tỉnh táo. Đừng nằm dài, đừng để cho cơn mộng thứ hai tiếp nữa. Đó là ý nghĩa thiết yếu trong khi chúng ta biết mộng. Nếu không được như vậy thì mộng này hết sẽ nối tiếp mộng khác và không biết nối tiếp đến bao nhiêu lần nữa mới hết mộng. Cho nên khi chúng ta biết rõ là mình sống trong mộng, phải tỉnh ngay khi biết chớ đừng để cho nó kéo dài cái mê. Đó là điều thiết yếu của cuộc đời mà cũng chính là cái then chốt trong sự tu hành. Cho nên người xưa, đã nói trong một bài kệ rằng:

Tại mộng na tri mộng thị hư

Tỉnh lai phương giác mộng trung vô

Mê thời khắp tợ mộng trung sự

Giác liễu hoàn đồng thù khởi phu

Đang trong mộng ai có biết mộng là dối là giả. Như chúng ta bây giờ làm sao nói là hư là dối cho được. Khi còn trong mộng thì không biết mộng là giả là dối.

Khi tỉnh rồi chừng đó mới biết rõ trong mộng là không thật, là không.

Chúng ta đang ở trong mê thấy thân là thật thấy cảnh là thật, cũng như trong mộng thấy mọi sự vật đều thật.

Khi chúng ta giác ngộ rồi thì cũng giống hệt như người ngủ đã thức giấc vậy thôi.

Như vậy người xưa đã cảnh tỉnh, nhắc nhở chúng ta biết rõ là mình đang sống trong mộng. Nếu biết rõ mình đang sống trong mộng thì đó là tỉnh cơn mộng. Nếu mình còn cho cảnh và người trong đó là thật, đó là mình đang say, đang mê trong mộng. Như vậy biết rõ là mộng là hư, mộng là không thật, biết rõ như vậy, hoàn toàn thức tỉnh, thì tự nhiên chúng ta thoát khỏi cơn mộng. Còn nếu chúng ta chưa biết đó là mộng, thấy nó là thật, đó là mê. Như vậy cái mê và cái giác không có xa. Chẳng khác nào người ngủ mộng và người thức cơn mộng. Nghĩa là khi còn mê thì còn cảnh mộng khi thức giấc thì cảnh mộng mất. Chúng ta cũng vậy, đang ở trong mê, thì chúng ta thấy cảnh này là thật, khi giác rồi thì mới thấy là giả dối. Thấy giả tức nhiên chúng ta không còn mê nữa. Vậy chúng ta nên mê hay nên tỉnh? Nếu thực tỉnh chúng ta học đạo giác ngộ thì mỗi người chúng ta, mỗi ngày, mỗi năm, mỗi lúc đều phải tỉnh giác, đừng để cơn mộng lôi chúng ta nữa. Đừng để kéo dài mãi trong giấc mê để rồi phải khổ đau, phải chịu mọi điều phiền muộn. Đó là lời Cổ đức đã nhắc như vậy.

Sau đây là lời Thiền sư Thiệu Long, hiệu là Hổ Khuru là gò cọp. Ngài cũng nói về mộng:

Thoát thân dĩ hiểu Nam Kha mộng

Thử giác nhân gian vạn sự không

Xuy khứ hoàn hương vô không địch

Tịch dương tà chiếu bích vân hồng

Câu đầu Ngài nói, khi mình thoát thân, tức là thoát khỏi cái mê chấp về thân, thì chừng đó mình mới hiểu rằng cuộc đời này là một giấc mộng. Một giấc Nam Kha mà thôi, không có gì hết. Mình giải tỏa làm chấp thân là thật thì biết rõ cuộc đời như giấc Nam Kha, không có gì thật.

Câu kệ Ngài nói tất cả nhân gian này muôn việc trở về không. Cái này có đó rồi sẽ mất đó, không có gì lâu dài không có gì bền chắc. Có rồi mất, mất rồi thành không. Biết rõ nhân gian vạn sự không, thì chúng ta làm

gì đây? Chúng ta thành không luôn sao? Không phải như vậy. Ngài nói tiếp: “Xuy khứ hoàn hương vô khổng địch.” Thổi lên một khúc sáo khúc nhạc hoàn hương bằng một ống sáo không lỗ. Câu đó nghe lạ lùng quá. Sáo không lỗ làm sao mà thổi, mà Ngài nói thổi lên một khúc nhạc hoàn hương bằng ống sáo không lỗ. Tức là chúng ta đã biết cuộc đời là mộng là không thì chúng ta nên trở về quê, tức là trở về cố hương mà muôn đời chúng ta đã bỏ quên đó. Trở về bằng cách nào? Bằng những tiếng sáo vi vu, thổi lên mà không có lỗ, âm ba vang dội mà vẫn không có tiếng nào thật hết. Đó là tiếng sáo của nhà Thiền, như bao nhiêu lời bao nhiêu tiếng hét, bao nhiêu câu nói của Thiền sư chẳng khác nào như sáo không lỗ. Nói mà không ý nghĩa, nói mà không chấp nê. Đó là ví dụ như sáo không lỗ.

Khi chúng ta thổi lên một bản nhạc hoàn hương thì sẽ thấy cái gì? Cũng như những chú mục đồng cỡi trâu về xóm trời chiều ngồi trên lưng trâu thổi sáo thì mấy chú mục đồng thấy gì?

“Tịch dương tà chiếu bích vân hồng!”

Mặt trời chiếu xuyên qua những đám mây xanh nó biến thành ráng đỏ, một cảnh trời chiều đẹp vô cùng. Nếu ngồi trên lưng trâu chúng ta biết thổi một bản nhạc hoàn hương, thì sẽ được ngắm cảnh mặt trời xuyên qua đám mây ráng đỏ ở chân trời. Đó là hình ảnh tươi đẹp của người biết trở về quê.

Qua bốn câu thơ đó, chúng ta thấy Thiền sư muốn nói gì với chúng ta?

Trước hết chúng ta phải thấy cuộc đời là giấc mộng Nam Kha. Sau đó chúng ta thấy thế gian muôn sự đều trở về không. Thấy được thế gian muôn sự trở về không rồi, đó là bước đầu để chúng ta trở về quê hương cũ. Nếu chúng ta biết trở về quê hương cũ, là một khúc nhạc êm đềm, là một buổi trời chiều tươi đẹp hạnh phúc an lành đến với chúng ta, không còn nghi ngờ gì nữa.

---o0o---

## **NHỮNG CÁI VUI TRONG ĐẠO PHẬT**

XUÂN CANH THÂN 1980

Trong nhà Phật ngày mừng một là ngày vía đức Di-lặc. Đức Di-lặc hiện tại là một vị Bồ-tát, nhưng mà tương lai sẽ là Phật. Cho nên khi này chúng ta lễ Ngài là “Đương lai hạ sanh Di-lặc Tôn Phật”. Chúng tôi gọi Ngài là Phật, vì là một vị Phật sẽ đến, sẽ thành, còn gọi Ngài là Bồ-tát vì là vị Bồ-tát hiện tại. Phần nhiều ở chùa đến ngày này đều cử lễ vía Ngài. Đó là một thông lệ nhưng mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Người thế gian ai cũng quan trọng ngày đầu năm, cho đó là ngày chứa đựng đầy đủ ý nghĩa trong một năm. Vì vậy mọi hành động, ngôn ngữ ý niệm đều được dè dặt, dè dặt từ cử chỉ lời nói, việc làm, để giữ gìn một năm đầy tốt đẹp.

Ở đây trong nhà Phật, chúng ta gọi ngày đầu năm là ngày vía đức Di-lặc. Ngài là hình ảnh đẹp đẽ vui tươi mà ai cũng đều nhớ đều thấy. Nhìn gương mặt của Ngài, bao giờ cũng thấy Ngài nở một nụ cười, gọi là nụ cười Di-lặc. Nụ cười đó không bị thời gian giới hạn. Lúc nào quý vị nhìn thấy tượng Ngài đều là cười. Thuở bé quý vị thấy Ngài cười, đến già cũng thấy Ngài cười, cho đến chúng ta tắt thở cũng thấy Ngài cười. Nụ cười đó là nụ cười Di-lặc.

Đáng lý đề tài chúng tôi nói chuyện hôm nay lấy tên là “Nụ cười Di-lặc”, nhưng nói như vậy thì sợ e nó khuôn trong một hình thức nhỏ. Cho nên chúng tôi chọn đề tài tương xứng với ngày đầu Xuân, tức là ngày vui của dân tộc, của mọi cá nhân, cũng là ngày vui trong đạo, tức là ngày đón mừng một vị Bồ-tát sắp thành Phật ở mai sau.

Đón mừng Bồ-tát Di-lặc, một vị sẽ thành Phật, đó là hình ảnh bên ngoài. Còn hình ảnh bên trong tức là đón mừng những người Phật tử, những người con Phật mai kia cũng sẽ thành Phật. Đó là hy vọng tràn trề chứa đựng bao nhiêu cái đẹp đẽ của tương lai. Cho nên ngày đầu Xuân cũng là ngày vui của chúng ta, cũng là một ngày hứa hẹn chúng ta sẽ toàn giác thành Phật. Vì vậy đề tài hôm nay là “Những cái vui trong đạo Phật”. Nó hơi tầm thường một chút, nhưng nó rộng rãi để quý vị nghe cho rõ.

Người đời có quan niệm rằng đạo Phật chán đời yếm thế làm gì có cái vui. Không ngờ trong đạo Phật chứa tràn trề niềm vui, những niềm vui đó phát xuất từ cạn đến sâu.

1- Cái vui của người Phật tử đến chùa là tập cái vui “tùy hỷ”, hỷ là mừng, tùy là theo. Khi chúng ta nhìn thấy một người bạn hay một kẻ thân làm một điều lành, một việc phải thì chúng ta phát tâm vui theo. Người làm vui năm, chúng ta cũng vui được năm. Người làm vui mười chúng ta cũng

vui mừng. Vui theo việc làm lành làm phải của người bạn người thân, cho đến những người đồng đạo của chúng ta. Chúng ta phát được niềm vui đó, thì công đức cũng bằng của người làm việc phải, việc thiện. Nói như vậy quý vị không khỏi nghi ngờ. Thí dụ: Người ta đem mười đồng bạc tới chùa cúng tăng hay cúng Tam Bảo, mình không có đồng xu nào hết, thấy người ta cúng Tam Bảo họ vui, mình cũng vui theo, thì công đức của người cúng mười đồng với công đức của người vui theo bằng nhau. Mới nghe qua như bất công bằng vì mình không tốn một xu nào mà lại công đức bằng. Nhưng đức Phật nói công đức bằng nhau. Có người hỏi: Bạch Thế Tôn, tại sao công đức tùy hỷ và công đức bố thí lại bằng nhau? Phật trả lời: Như một ngọn đèn, hay một cây đuốc đang cháy, có người cầm cây đuốc đến sờ. Khi sờ xong, cây đuốc này cháy, cây đuốc kia cháy, thử hỏi ánh sáng hai cây đuốc có thua nhau không? Cây đuốc bị sờ có mất ánh sáng không? Phật nói: Cũng vậy, người làm việc lành việc thiện, chính họ đã có công đức rồi. Người kia phát tâm tùy hỷ vui theo việc lành, việc thiện đó, công đức cũng ngang bằng với người làm lành làm thiện. Như vậy tốt quá, nhẹ nhàng quá, lựa là chúng ta có nhiều tiền mới làm việc công đức. Ai làm việc công đức chúng ta tùy hỷ tán dương thì chúng ta có công đức ngang bằng rồi.

Tại sao tùy hỷ có công đức lớn như vậy?

Người có của đem ra bố thí hay là có công đem ra giúp người, đó là họ xả được cái tâm ích kỷ, tham lam của họ để làm việc bố thí, làm việc cúng dường, làm việc cứu giúp. Còn người phát tâm tùy hỷ thì xả được cái tâm tật đố, vì thông thường thế gian thấy người ta làm cái gì hơn mình thì sanh tật đố.

Thí dụ hai huynh đệ đi chùa, người kia có mười đồng cúng, mình không có, thì cảm thấy buồn, rồi nói móc nói ngoéo, chớ không bao giờ có tâm tùy hỷ vui theo. Thấy người ta làm, mình làm không được thì có cái đố kỵ. Đó là tâm xấu. Bây giờ chúng ta phát tâm tùy hỷ là dẹp được cái tâm tật đố.

Người bố thí xả được cái tâm tham lam ích kỷ, người tùy hỷ xả được cái tâm tật đố, thì hai người công đức bằng nhau. Nhưng ở thế gian, chúng ta hằng thấy, cho đến em ruột trong nhà, khi thấy người anh làm được nhiều của giàu, còn mình không có của nghèo, thì tự nhiên có mặc cảm đố kỵ với anh rồi. Vì vậy tình anh em có hơi xa cách. Vì sao? Bởi cái tâm tật đố không muốn ai hơn mình. Thấy người hơn mình là sanh tâm đố kỵ. Đó là thông bệnh của con người. Cho nên ở đây chúng ta học đạo phải tập cái tâm tùy

hỷ. Không phải đợi làm việc công đức mới tùy hỷ, mà thấy ai làm được cái gì an vui, hạnh phúc tốt đẹp, chúng ta đều tùy hỷ hết.

Một thí dụ nữa. Chúng ta nghèo ăn cơm hầm với muối hột, người bạn chúng ta giàu, ăn cơm gạo lúa thơm, thịt cá đầy bàn. Thấy như vậy chúng ta vẫn tùy hỷ bảo: “Anh sung sướng quá, tôi mừng cho anh được đầy đủ sung túc.” Thấy mình tùy hỷ người bạn giàu đó ghét mình không? Không ghét mà thương, có thể còn giúp đỡ mình nữa. Nhưng mà ở đời người ta chịu làm vậy không? Hay là nếu mình ăn cơm hầm muối cục, bạn mình ăn cơm gạo lúa thơm, cá thịt đầy bàn, thì tự nhiên thấy không vui, rồi kiếm chuyện nói móc nói ngoéo. Do đó tình bạn bè tự nhiên xa cách. Mình đổ kỵ người ta, người ta thương mình sao được. Từ cái đó mà sanh ra ngăn cách. Bạn trở thành thù, bởi đổ kỵ mà ra. Từ hoàn cảnh ăn ở, cách xử sự, cho đến làm việc thiện v.v... Tất cả chúng ta đều nên tập cái tâm tùy hỷ. Có người làm được việc mà chúng ta không đủ khả năng làm, chúng ta nên mừng theo.

Một thí dụ khác. Hồi thuở bé, chúng ta đi học ở trường, khi thầy giáo cô giáo kêu trả bài, hôm nào mình không thuộc bài bị điểm nhỏ, nếu bạn mình thuộc bài được điểm lớn thì mình có thương người được điểm lớn hay không? Mình lười biếng không học, nên thua người ta, người ta siêng học được điểm lớn, tại sao mình lại buồn ghét, lại đổ kỵ.

Hoặc giả, trong đám học trò, đến cuối năm những đứa học giỏi được khen thưởng, được những món quà, còn mình là kẻ học dở đứng hạng chót, nhưng khi thấy người ta lãnh quà, thì mình có vui lây không? Hay là thấy ghét rồi kiếm chuyện này chuyện kia để thách đố. Cái tâm đó có từ thuở bé, chớ không phải bây giờ mới có. Chúng ta mang sẵn nó từ thơ ấu. Giờ đây biết tu chúng ta bỏ cái tật đó. Nó tương đương với tham lam. Tham lam có thì tật đó cũng có. Người biết làm lành làm phước, họ xả được lòng tham, chúng ta biết tùy hỷ, thì bỏ được tâm tật đó. Như vậy cả hai đều bỏ được một tật cho nên đức Phật nói: “Công đức ngang nhau.”

Như vậy, mai một đi chùa, hai huynh đệ, người này có món đồ cúng Phật, cúng tăng, mình không có mình cũng vui theo, mừng cho bạn có tiền để cúng chùa. Như vậy cả hai công đức đều như nhau. Đừng nghĩ mình nghèo không có gì cúng mà không muốn đi chung nữa. Đừng nghĩ như vậy. Đó là trái với đạo lý. Hiểu ứng dụng cho đúng thì chúng ta mới thấy Phật pháp công bằng, không thiên người giàu, không bỏ người nghèo. Ai cũng có phước hết, chỉ cần có tâm lành, tâm thiện là được. Đó là cái vui nhỏ đầu tiên của người vào đạo.

Trong gia đình, anh em chúng ta ai giàu ai khá, ai được cái gì tốt hạnh phúc, chúng ta đều vui mừng như chính chúng ta được. Ngoài xã hội từ bạn bè cho đến mọi người, ai được cái gì hay cái gì tốt, cái gì sung sướng, chúng ta vui mừng như chính chúng ta được. Rồi đến trong đạo huynh đệ chúng ta có cái gì hay cái gì tốt, chúng ta vui mừng như chính chúng ta được. Nếu được như vậy chúng ta còn khổ hay không? Tự nhiên là vui rồi, lúc nào cũng có niềm vui, vui theo cái vui của người. Chúng ta không bị tật đổ làm cho cách biệt, làm cho buồn bực, không để đổ kỵ làm mất tình anh em ruột thịt trong nhà, mất cả bạn bè ngoài xã hội và mất cả tình đạo ở trong chùa. Được như vậy đi đến đâu chúng ta cũng có niềm vui, dù tay không, không giúp ai được cái gì. Trái lại mình nghèo mặc áo rách, thấy người ta mặc áo lành thì xụ mặt xuống rồi bơi móc. Như vậy làm gì có vui. Đi đâu cũng buồn hết vì thấy những người khác hơn mình. Cái buồn đó nó tràn trề, vì ở đời làm sao mình bằng tất cả được. Bây giờ chúng ta biết tùy hỷ, thấy ai có cái gì đẹp cái gì hơn, chúng ta đều vui hết, mừng cho họ. Tâm niệm của người Phật tử phải là tâm niệm làm cho mọi người hết khổ. Phật là vị cứu khổ chúng sanh, chúng ta đã là Phật tử, tức con Phật chúng ta phải mang cái quan niệm làm cho chúng sanh hết khổ. Nếu chưa hết khổ ít ra cũng bớt khổ. Thấy một người bớt khổ về sự ăn, sự mặc, hoặc bớt khổ về cái gì, miễn thấy họ bớt khổ là chúng ta mừng. Nếu chúng ta đổ kỵ là không phải con Phật rồi. Vì vậy muốn được niềm vui đầu tiên, chúng ta phải tập phát tâm tùy hỷ. Ai có điều gì hay, cái gì tốt mình đều vui theo chứ không đổ kỵ. Đó là cái vui thứ nhất của người vào đạo.

2- Đến cái vui thứ hai sâu hơn, tế nhị hơn là cái vui “hỷ xả”. Hỷ là mừng, xả là buông bỏ.

Hỷ xả có hai mặt:

- Hỷ xả những tài vật bên ngoài.
- Hỷ xả những chấp chứa trong lòng.

Nếu chúng ta có tài vật dư dả, lúc nào cũng nên vui vẻ xả giúp cho những người thiếu đói bản cùng. Cái của mình làm do mồ hôi nước mắt mình tạo, mà mình cảm thấy no đủ hay dư rồi thì vui xả cho những người thiếu hay những người ít oi hơn. Đó là hỷ xả những vật bên ngoài. Cái đó chắc dễ, phải vậy không? Đó là cái xả bên ngoài. Tuy vậy cũng hơi khó làm, vì có nhiều người, kẻ khác thấy họ dư mà bản thân họ lại thấy thiếu. Có một đồng muốn hai đồng, có hai đồng muốn mười đồng, có mười đồng muốn ba



mười đồng, muốn cho đến ngày tắt thở mà vẫn chưa đủ. Như vậy làm sao xả được. Cho nên muốn có cái xả đó chúng ta phải học Phật. Phật dạy chúng ta tri túc, tức biết đủ. Chúng ta biết đủ thì mới xả được. Trong nhà Phật nói “Người không biết đủ thì như cái túi không đáy.” Bỏ vào bao nhiêu nó tuột xuống hết bấy nhiêu. Dù bỏ bao nhiêu cũng không đầy vì cái bệnh không biết đủ, như vậy thì làm sao mà xả.

Thí dụ: Mỗi ngày buổi trưa chúng ta ăn ba chén cơm, dù bữa nào có đồ ăn ngon, chúng ta cũng ăn ba chén đủ rồi. Nếu dư thì giúp cho người nào đó, hoặc nói dễ hiểu hơn cho một con vật nào đó. Dù đó là phần dư của mình, nhưng cũng là một lỗi xả. Chớ nên, khi ăn ba chén vừa no rồi, thấy có đồ ăn ngon, muốn ăn thêm nữa. Như vậy là phí phạm, vì cái lượng của mình chừng đó là đủ, mà mình không ung dưng ngang đó. Đó là nói về cái ăn, còn bao nhiêu cái khác, chẳng hạn như cái mặc. Chúng ta có ba bộ đồ đủ để mặc, giả sử chúng ta có bộ thứ tư tức dư rồi nhưng mà có đủ chưa? Có bộ thứ tư thấy đủ chưa? Đến bộ thứ năm cũng chưa đủ nữa. Như vậy chừng nào mới xả được. Cho nên muốn xả thì phải biết đủ. Biết đủ mới xả được, còn không biết đủ thì không bao giờ xả được hết.

Như vậy quý vị muốn tập hỷ xả về tài sản thì quý vị phải thấy đủ và biết đủ. Cái dư đó dùng để giúp người này người nọ không một chút luyến tiếc. Đó gọi là tâm hỷ xả, vui vẻ mà giúp chớ không bị bắt buộc, không đợi ai bắt buộc hết.

Hỷ xả tuy khó nhưng còn dễ hơn cái hỷ xả này: Hỷ xả ở tâm. Nếu có người nào làm mình phiền, mình buồn nhất là người mình thường gặp mặt, mà lại làm mình buồn. Khi buồn mình có vui được không? Nếu buồn thì gương mặt lúc nào cũng dàu dàu hoặc thêm vẻ nhăn nhó nữa. Vậy, muốn cho mình hết khổ, thì tập xả, vui vẻ mà xả. Xả này là tha thứ, là bỏ qua. Mỗi khi những người chung quanh mình có làm gì phiền là mình buồn. Phiền ở đây là phiền hận- phiền não và sân hận, hai cái đương chất trong lòng mình, mình phải buông xả nó đi. Người nào còn ôm lòng phiền hận, họ sẽ đau khổ, đau khổ từ hiện tại cho đến mai kia, chớ không phải ở một giai đoạn nào thôi. Vì vậy, khi biết rằng mình đang ôm lòng phiền hận người này kẻ khác, thì mình phải vui vẻ bỏ hết, nghĩa là hỷ xả, tức là bao nhiêu cái phiền muộn đang chứa chấp trong lòng phải bỏ hết.

Tại sao chúng ta phải bỏ hết?

Muốn bỏ của cải thì chúng ta phải biết đủ. Bây giờ muốn bỏ phiền hận, phải làm sao đây? Phải có lý do gì mình mới bỏ được chứ. Chớ nói bỏ đại thì làm sao mà bỏ. Phải bỏ làm sao? Bỏ cách nào?

Muốn bỏ được sự phiền muộn trong lòng, chúng ta phải thấy cuộc đời là vô thường, là ảo mộng. Nay chết, mai chết tới nơi, ôm hận mà làm gì. Đừng giận đừng hờn để lo tu hành. Do nghĩ cái chết sắp đến mà chúng ta buông xả được hết. Ai sống đời đây mà cứ giận hoài, buồn hoài. Cái buồn cái giận đó, chỉ làm khổ mình khổ người không lợi gì hết. Biết vậy chúng ta phải buông hết. Vì cái chết đến nơi, chúng ta phải ráng để cho tâm an ổn, đừng có buồn giận ai. Nghĩ đến vô thường mà hỷ xả.

Tiền hơn nữa, chúng ta thấy cuộc đời như ảo mộng, ngày nay có mặt đây, ngày mai đã mất rồi. Sống trong tạm bợ, mình tạm bợ, người tạm bợ, mọi người đều sống trong tạm bợ. Tại sao không thương nhau, nâng đỡ nhau.

Thí dụ: Nếu chúng ta biết rằng, chúng ta là người đang sắp bị kê án tử hình, và những người chung quanh ta cũng bị kê án tử hình hết, trong lúc mắc bận nghĩ đến cái chết, đâu ai có thì giờ để buồn giận nhau. Giả sử trong khi lẫn lộn chung chạ nhau đó, có dẫm lên nhau, hay có làm gì phiền toái nhau, cũng bỏ qua. Phải biết rằng cái chết là trên hết, chớ ở đó lo buồn giận làm gì.

Chính cái chết, nghĩ đến cái chết, chúng ta mới thấy cuộc đời là tạm bợ, sống không có cái gì bảo đảm hết. Như vậy chúng ta còn buồn giận nhau làm gì. Hãy buông xả hết những gì chứa chấp trong lòng. Ai ở đời đây mà giận với hờn.

Quý vị đã học Phật nhiều năm rồi, vậy có tập được cái tánh buông xả đó hay chưa? Đi chùa cúng Phật mà còn giận còn hờn bạn bè anh em huynh đệ hay không? Nếu ai còn chứa phiền giận gì đó, thì ngang đây hãy nguyện đức Phật chứng minh cho để xả hết, trong bụng trống rỗng không còn gì hết. Đừng thêm giận, đừng thêm buồn ai. Dù có cái giận cái buồn đó từ mười năm hay ba mươi năm rồi, ngày nay cũng xả. Đại gì chúng ta chứa rắn độc trong nhà. Phiền hận là rắn độc, có ai muốn chứa rắn độc trong nhà đâu. Nếu chứa rắn độc trong nhà thì sớm muộn gì cũng bị nó cắn. Cho nên khi biết là rắn độc rồi, thì xả, đuổi ra khỏi nhà, không bao giờ dung nó. Đó là cái thiết yếu. Nếu quý vị biết như vậy là quý vị tu rồi đó. Quý vị thấy hai cái rõ ràng: - Nếu phiền hận thì không vui. - Người nào hết phiền hận, tâm hồn rộng rang

trống trải thì người đó vui vẻ. Muốn cho được vui vẻ chúng ta phải tập hỷ xả những sự vật bên ngoài, hỷ xả những phiền muộn trong lòng. Trong ngoài đều hỷ xả hết. Đó là cái vui tốt độ của mình đó.

Sở dĩ đức Phật Ngài cười hoài, là vì Ngài hỷ xả, còn chúng ta quạu hoài là vì chúng ta còn phiền hận, chúng ta cố chấp. Đó là nguyên nhân của đau khổ của bệnh tật, nguyên nhân của xấu xa và cũng là nguyên nhân của đê hèn.

Người nào phiền hận thì người đó đau khổ, mặt mày xấu xa, tâm hồn không bao giờ được thơ thới, tâm hồn sầu não thì sanh bệnh hoạn chứ gì.

Vậy ai muốn mình xấu, ai muốn mình bệnh, ai muốn mình đê hèn?

Ai cũng muốn mình là người tươi đẹp, ai cũng muốn mình là người rất sung sướng. Mà tại sao mình lại chứa các nhân đau khổ như vậy? Có phải tự mình mâu thuẫn với mình hay không? Cho nên khi nào còn chút giận ai, buồn ai thì biết rằng mình muốn hại mình đó, muốn làm cho mình xấu, mình khổ, mình bệnh hoạn.

Như vậy quý vị có cần ngày mừng chín đi cúng sao hay không? Cúng sao là để cầu năm này mình khỏi tai nạn, mình được vui sướng. Bây giờ quý vị xả hết, không giận ai thì năm nay quý vị khỏi tai nạn, quý vị vui sướng rồi, cúng làm chi cho mất công. Nếu mình biết mình xả rồi, thì mình được an ổn, dù cho năm đó mình có gặp sao La Hầu, Kế Đô gì đó chẳng hạn, mình cũng an lành như thường. Mình không giận ai thì ai thù mình, không thù người thì ai hại mình. Đó là nguyên nhân an ổn thực tế. Còn cái kia là cái cầu mong huyền hoặc trên trời, chớ không chịu cái thực tế hiện tại.

Như vậy đức hỷ xả là cái hết sức quý báu cho cuộc sống hiện tại của chúng ta. Quý vị muốn được vui, muốn được tươi đẹp, sống lâu thì quý vị phải tập hỷ xả. Ba điều ấy có được đều do hỷ xả hết. Còn người nào không muốn hỷ xả là người đó muốn chết yểu, bệnh hoạn xấu xa. Như vậy quý vị hãy chọn lấy một cái ngày đầu năm này, chọn cái nào cho trọn năm đều vui như đức Di-lặc. Đó là cái vui thứ hai.

3.- Cái vui thứ ba là vui “Pháp hỷ”.

Thông thường nhà Phật hay dùng: Đó là “Pháp hỷ thiên duyệt” nghĩa là chúng ta nghe chánh pháp trong lòng thấy nhẹ nhàng thư thới. Đó là vui pháp hỷ hay pháp lạc. Tại sao vậy? Vì chúng ta nghe kinh học đạo, chúng ta

tìm được lẽ thật, chúng ta tìm được một nguồn an ủi vui tươi. Chính do tìm được, thấy được lẽ thật đó mà lòng chúng ta nhẹ nhàng thư thối. Đó là cái vui của đạo. Người nào học đạo, nghe đạo mà thấy trong lòng vui tươi sung sướng, đó là người đã được pháp lạc hay pháp hỷ. Còn người nào nghe đạo mà gục lên gục xuống, nghiêng qua ngã lại, thì người đó khó tìm được pháp lạc. Nếu không có cái vui nghe pháp, dù có đi chùa nhưng khó tinh tấn nổi. Có thích đâu mà tinh tấn. Bởi vì chúng ta cố gắng làm khi chúng ta thích thú làm, nếu không có sự thích thú thì không bao giờ có sự cố gắng nào hết. Người học đạo phải làm sao nghiên ngẫm thấy lẽ thật của đức Phật dạy tức là thấy được chân lý. Phật đã chỉ dạy trong kinh. Nhận những lời chân thật cho rõ rồi, chúng ta mới thấy vui sướng, cái vui sướng đó gọi là pháp hỷ hay pháp lạc. Nhân nghe chánh pháp của Phật mà mình được vui thích, cái vui đó là cái vui chân thật. Có nhận được cái vui đó rồi thì tu hành mới tinh tấn được. Nếu không nhận được, có tu chẳng, chẳng qua là cầu mong được cái này cái nọ, chớ không phải vui thích để mà tu. Người học đạo chân chánh là phải vui với đạo mà tu, chớ không phải là cầu mong cái gì khác. Như vậy khi nghe kinh hoặc đọc sách Phật phải ráng chịu khó đem tâm trí nghiên ngẫm tức là Chánh tư duy. Xét cho đúng đắn, cho tột cùng, thấy được lẽ thật trong đó thì mình vui thích lên. Cái vui thích đó làm cho mình có một sức mạnh tinh tấn trên con đường đạo.

Thí dụ: Ngoài đời, khi người ta vui quá người ta khóc, trong đạo cũng thế. Khi đọc kinh Phật, có một sự vui mừng lạ đời cảm động cũng rơi nước mắt. Đó là trường hợp của ngài Khuê Phong. Đi tu, được người tặng cho một quyển kinh Viên Giác, đọc qua Ngài vui mừng lạ đời, vui tới rơi nước mắt.

Cũng như vậy, chúng ta có thân nhân đi đâu xa hai mươi, ba mươi năm không gặp nhau, gặp lại mừng quá đến rơi nước mắt. Đó là cái vui sướng tột cùng khiến đến rơi nước mắt. Người học đạo mà vui đến mức đó thì không bao giờ thôi chuyên. Khi nào đọc kinh mà thấy Phật nói hay quá cảm động sung sướng, rơi nước mắt, thì đó là duyên lành khá sâu rồi. Người được cái vui đó là người ít bị những sự khó khăn hay là chướng ngại làm cho họ phải lui sụt. Còn học đạo khi đọc kinh thì thấy buồn ngủ, tụng kinh ngáp lên ngáp xuống, thì đó là không tìm được cái vui trong đạo. Không có cái vui thì sự tu khó mà tiến bộ được. Đó là cái vui của Pháp hỷ hay là Pháp lạc.

4.- Đến cái vui sâu hơn nữa là “Thiền duyệt”.

Duyệt là vui, vui nhẹ nhàng, chứ không phải vui mừng hớn hở. Thường thường ở trong nhà Thiền có tả: Trong khi tọa thiền, đến giai đoạn thân tâm an ổn, hơi thở nhẹ nhàng, đến lúc đó có giai đoạn khinh an, nhẹ nhàng, thơ thới khác hơn bình thường. Cái vui lần lần chứ không phải cái vui mạnh đó gọi là Thiền duyệt. Chỉ khi nào chúng ta tọa Thiền hay tu Thiền, lúc đi sâu trong đó tâm hồn an ổn, thân thể điều hòa, rồi tự nhiên có cái vui an lành mà nhà Phật gọi là “Thiền duyệt vi thực” tức là lấy cái vui thiền định làm món ăn.

Quý Phật tử nào mới tập ngồi Thiền thì thấy ngồi Thiền vui hay khổ. Ngồi tay chân đau, thân thể mỏi mệt, mồ hôi chảy ướt áo, không thấy vui chút nào hết: Ngồi mà khổ chứ không thấy vui. Như vậy tới giờ ngồi Thiền là tới giờ hình phạt hay là giờ an ổn?

Lúc đầu, tới giờ ngồi Thiền thấy như là một hình phạt nào đó, nhưng đến lúc tập quen rồi, ngồi Thiền thấy nhẹ nhàng an ổn. Tới giờ đó không ngồi thì thấy như thiếu cái gì?

Thí dụ: Như mỗi buổi sáng, chúng ta ăn cơm hay là trưa chúng ta ăn cơm, khi đến giờ đó mà không được ăn cơm, chúng ta cảm thấy khó chịu. Chúng ta tu Thiền cũng phải như vậy. Đến giờ ngồi Thiền mà không ngồi được, chúng ta cảm thấy cái gì thiếu thốn, nó đòi hỏi không an. Đó là cái vui trong Thiền định. Nó như thức ăn rồi, thiếu nó như thiếu cơm. Tức là Thiền duyệt vi thực. Ít người lấy cái vui trong Thiền định làm thức ăn, vì cần phải tu tập lâu dài mới tới trạng thái đó. Tới được trạng thái đó rồi mới thấy an vui, nhưng phải công phu kha khá một chút mới được. Không phải ngồi năm tháng ba tháng mà được, nhất là ngồi buổi đầu, khổ chứ không phải vui, nhọc nhằn khổ sở lắm. Qua cái nhọc nhằn khổ sở rồi, mình điều phục được thân tâm lúc đó mình mới được an vui. Cái an vui đó gọi là Thiền duyệt. Bao giờ thấy cái vui Thiền định không thể thiếu được như là bữa cơm không thể thiếu được, gọi đó là “Thiền duyệt vi thực”. Đó là cái vui thứ tư.

5.- Đến cái vui thứ năm khó hơn, là vui “Tịch Lạc”. Cái vui này ít được nghe. Nó xuất xứ từ bốn câu kệ ở kinh Đại Bát Niết-bàn. Trong đó nói rằng:

Chư hành vô thường

Thị sanh diệt pháp

Sanh diệt diệt dĩ

## Tịch diệt vi lạc

Tức là lấy chữ đầu Tịch và chữ cuối Lạc. Cho nên gọi là vui Tịch Lạc. Cái vui đó là cái vui cứu kính của người tu. Hai cái vui đầu nó gần gũi với quý vị, nhưng mà người Phật tử làm chưa mấy được. Phải gắng từ cái vui thứ nhất đến cái vui thứ hai. Có được hai cái vui đó rồi mới đến cái vui thứ ba thứ tư, cuối cùng là cái vui thứ năm. Vui trong Tịch Lạc. Tịch tức là tịch tịnh hay tịch diệt rồi được an lạc.

Cái vui này nó thế nào? Tôi dẫn mỗi câu của bài kệ để giải thích. Chư hành vô thường: Hành ở đây là hành động, tức là thân miệng ý hoạt động. Thân miệng ý hành động thì thành nghiệp. Mọi hoạt động của thân miệng ý đều thành nghiệp hoặc nghiệp thiện hoặc nghiệp ác. Mọi nghiệp đều gốc từ thân miệng ý mà ra. Ý nghĩ miệng nói thân làm. Mọi hành động đó còn mãi mãi hay không. Nó qua rồi mất, ý nghĩ rồi mất, miệng nói rồi mất, thân hành động rồi mất. Tất cả những cái đó là chỗ tạo nghiệp mà thuộc về vô thường. Qua rồi mất qua rồi mất. Nó không có lâu dài, nên nói: “Thị sanh diệt pháp” tức là pháp sanh diệt, nó không có bền. Như vậy tất cả cái hạnh trên thế gian này, mọi hành động mọi tạo tác đều gọi là vô thường, nó không lâu dài bền bỉ. “Sanh diệt diệt dĩ”, cái sanh đó mà lặn rồi thì “Tịch diệt vi lạc”. Cái lặn lẽ chân thật ấy mới là vui. Cái vui này quá sâu kín cũng gọi là cái vui Niết-bàn. Sau khi cái sanh diệt nó diệt hết rồi mới tới chỗ tịch diệt.

Nói sanh diệt là nói sanh diệt của ý, khẩu, và thân, nhưng chủ yếu là ý. Ý là chủ động cho nên ý lặn rồi dù có nói có làm cũng là tịch diệt. Như vậy sau khi vọng tưởng lặn hết rồi không còn dấy động nữa, đó là tịch diệt. Cái tịch diệt đó đi đến chỗ an ổn chân thật của cái bất sanh bất diệt. Cái bất sanh bất diệt đó là Niết-bàn. Đó là cái vui cứu kính chân thật ít người hưởng được.

Chúng ta học và tu Phật có cái vui gần, tới cái vui xa. Như cái vui Tùy hỷ thật là dễ làm không tốn công, chỉ xả tâm tật đổ mình thì được rồi. Tới cái vui tôn công một chút, tức là của cải mình, mình xả và cái chứa chấp trong tâm niệm mình xả. Hai cái đó xả được là có cái vui Hỷ xả. Rồi cái vui thứ ba là Pháp hỷ hay Pháp lạc. Cái vui đó phải nghiên ngẫm, nghiên cứu có công phu với đạo lý, chúng ta mới thấy được niềm an vui ở trong đạo lý. Đến vui Thiền duyệt thì phải có công phu đậm nữa, phải nhiều năm nhiều tháng công phu tu hành mới được cái vui Thiền duyệt. Được cái vui Thiền duyệt rồi cuối cùng mới được cái vui Tịch lạc, tức là tâm lặn lẽ rỗng rang không còn một niệm dấy lên. Thấy tất cả sự vật cái gì cũng nên thơ, cái gì

cũng đẹp đẽ. Không còn phân biệt đây là xấu, kia là tốt, đây là hay kia là dở, chỉ một niềm chân thật. Cho nên trong nhà thiền gọi là: “Xúc mục tức Bồ-đề”; tức là nhìn cái gì cũng là Bồ-đề, là giác ngộ hết. Không thấy có cái gì xấu, tất cả đều là vui, đều là đẹp. Tất cả là một mùa Xuân. Như vậy nếu chúng ta tới được chỗ vui đó, tức được một mùa Xuân vĩnh cửu, một mùa Xuân không bao giờ mất.

Tôi dẫn một Thiền sư đời nhà Tống, Thiền sư Phật Nhãn, một trong ba ông Phật: Phật Quả, Phật Nhãn, Phật Giám. Ba vị này là Thiền sư nổi tiếng đời Tống. Đây là Ngài Phật Nhãn hiệu là Thanh Viễn. Ngài có một bài thơ nói về Xuân như sau:

Xuân nhật xuân sơn lý  
Xuân sự tận giai xuân  
Xuân quang chiếu xuân thủy  
Xuân khí kết xuân vân  
Xuân khách xuân tình động  
Xuân thi xuân cánh tân  
Duy hữu thức xuân nhân  
Vạn kiếp nguyên nhất xuân

Tạm dịch:

Ngày xuân xuân trong núi  
Việc xuân thấy đều xuân  
Hồ xuân ánh xuân chiếu  
Khí xuân kết mây xuân  
Khách xuân lòng xuân động  
Thi xuân xuân càng tươi

Chỉ có người biết xuân

Muôn kiếp một mùa xuân

Tại sao câu nào cũng Xuân hết vậy?

Xuân nhật tức là ngày Xuân, Xuân sơn lý tức là Xuân trong núi. Ngày Xuân trong núi giống hệt như Xuân hôm nay. Tức là ngày vui, mà vui ở trong núi.

Xuân sự tận giai Xuân, tức là việc Xuân thấy đều Xuân, bởi vì thấy cái gì cũng là Xuân hết, đều là đẹp hết. Nếu trong lòng mình có nhẹ thênh thang không có buồn giận, hờn, phiền, không dấy niệm phân chia thì cái gì không phải là Xuân. Thấy ai cũng đẹp dễ thương hết. Sở dĩ chúng ta không vui được là vì thấy cái này xấu cái kia tốt, thấy người này dễ thương, người kia dễ ghét. Thấy người dễ ghét thì hết Xuân, mặt xụ xuống thì làm sao thấy Xuân được. Còn thấy ai cũng dễ thương, thì gặp ai mình cũng nở nụ cười, không phải Xuân là gì? Trên mặt mình luôn luôn là mùa Xuân, cho nên thấy cái gì cũng là Xuân, tất cả đều là Xuân.

Hồ Xuân ánh Xuân chiếu. Cái hồ thấy nó cũng tươi đẹp, thấy mặt trời soi sáng dưới đáy hồ cũng tươi đẹp luôn. Hồ Xuân, rồi ánh nắng mặt trời cũng Xuân cái gì cũng đẹp hết.

Khí Xuân kết mây Xuân. Nhìn thấy mây nó mơ hồ lưa thưa ở chung quanh mấy ngôi nhà, cụm vườn tức là những mây mờ gọi là Xuân khí, thấy cũng đẹp nên thơ. Rồi những cái đó kết thành những cụm mây. Những cụm mây đó cũng là mây Xuân luôn. Như vậy nhìn người cũng là Xuân, nhìn vật cũng là Xuân, nhìn nước cũng là Xuân, nhìn trời cũng là Xuân. Xuân tất cả. Tại sao ta được Xuân như vậy? Tại trong lòng chứa đầy một mùa Xuân. Nếu trong lòng chứa đê ba mươi, tức tối như mực thì cái gì cũng không Xuân hết, cái gì cũng đen như mực. Sở dĩ ở ngoài nó đẹp là do trong lòng mình đẹp.

Khách Xuân Xuân tình động. Tức là khách Xuân rồi khởi tình Xuân. Như người khách trong mùa Xuân, thấy cảnh đều vui theo nó, tức tình động theo mùa Xuân.

Xuân thi Xuân cánh tân. Tức là mùa Xuân đã tươi rồi, thi nhân còn tô điểm cạo gọt, vuốt ve nó làm cho nó tươi đẹp thêm nữa.



Hai câu chót mới là tối quan trọng.

Duy hữu thức Xuân nhân

Vạn kiếp nguyên nhất Xuân

Như vậy chỉ có người biết Xuân, muôn kiếp một mùa Xuân.

Cảnh Xuân, khách Xuân, tình Xuân v.v... đó là cái bên ngoài. Chỉ có người biết được Xuân đó, mới vui muôn kiếp Xuân. Mùa Xuân đó là mùa Xuân Di-lặc cười hoài muôn kiếp, không bao giờ có vẻ mây sầm mặt héo gì hết. Đó là một mùa Xuân tươi đẹp, đầy cả một bầu trời, tràn trề cả nhân thế.

Quý vị có muốn hưởng một mùa Xuân đó hay không? Như vậy cái cạn đến cái sâu, quý vị từ từ bước. Cạn nhất là từ từ bỏ tất đồ để phát tâm tùy hỷ vui theo tất cả việc tốt, việc lành của mọi người. Kế đó là cái vui hỷ xả tức là vui mừng bỏ hết tất cả những cái gì mình có thể bỏ được. Xả hết từ cái xả của cái bực bội, cố chấp, buông xả hết. Đó là tập Xuân. Rồi tới hiểu giáo lý một cách đúng đắn, có niềm vui chân thật, tu hành tiến tới an ổn, đi đến cuối cùng mọi tâm niệm đều được an lành tự tại. Không có một chút gì dấy lên làm biến đổi tất cả sự kiện bên ngoài. Chỉ một tâm thanh thang trong trẻo thì nhìn đời bằng một mùa Xuân không đổi thay, không còn di dịch gì nữa hết. Xuân như thế mới là Xuân Di-lặc. Xuân như vậy mới là Xuân muôn đời muôn kiếp. Nếu mùa Xuân chỉ có ba tháng hoặc chỉ có mấy ngày Tết là Xuân thì Xuân đó hữu hạn quá. Ngày nay ráng mà gượng cười; rồi ngày mai gặp nhau quạu quọ tức tối thì không còn Xuân đâu. Nên phải cởi bỏ từ từ trong lòng những chướng ngại cho mùa Xuân muôn kiếp đó. Nếu chúng ta loại nó ra được thì cuối cùng chúng ta sẽ hưởng được một mùa Xuân muôn kiếp.

Mong rằng mùa Xuân muôn kiếp sẽ đến với quý vị.

---o0o---

## **ĐÊM TRỪ TỊCH SANH TỬ SỰ ĐẠI**

CUỐI NĂM CANH THÂN (1980)

Hỏi: Sanh tử sự đại. Vô thường tấn tốc.

Và: Sanh như đắp chặn đông. Tử như cởi áo hạ.

Là Phật tử, xuất gia cũng như tại gia, chúng ta phải sống như thế nào đối với hai quan niệm trên?

Đáp: Thông thường có hai hạng người tu, hạng người chưa đạt đạo muốn tiến tu thì lúc nào cũng phải khắc trên trán bốn chữ “Sanh tử sự đại”. Đó là chủ đích ngài Thích-ca lúc xuất gia. Khi đi tu là cốt giải quyết vấn đề sanh tử. Bao nhiêu người từ trước đến giờ đành bó tay đối với vấn đề sanh tử. Vì thế đức Phật quyết định giải quyết vấn đề sanh tử, chớ không chấp nhận cách bó tay đó. Ngài không thể đầu hàng sanh tử mà phải vượt ra khỏi sanh tử, cho nên Ngài mới xuất gia cầu đạo. Khi đạt đạo rồi, đó là Ngài thoát ly sanh tử. Thế nên tất cả người tu sau này khi phát tâm xuất gia hay là quyết chí tu hành theo đạo Phật để giải thoát thì không ai coi thường vấn đề sanh tử. Khi chúng ta đi tu là đã quyết định chiến thắng cho được vấn đề sanh tử, phải thoát ly sanh tử. Đó là cái chủ yếu. Như vậy chủ yếu chúng ta đi tu là để thoát ly sanh tử. Cho nên chữ giải thoát nghĩa là không còn bị sanh tử lôi kéo nữa. Mọi người ai đi tu cũng phải quan trọng bốn chữ “Sanh tử sự đại” chớ không thể coi thường. Đó là bước đầu trên con đường tu của chúng ta.

Nhưng khi đạt đạo thấy rõ mình có cái chân thật bất biến. Cái đó không bị sanh tử lôi cuốn và nó cũng không lệ thuộc vào sanh tử. Như vậy sống với cái không sanh tử thì chẳng qua là tùy duyên. Dù duyên hợp lại đó là sanh. Thiếu duyên ly tán đó là tử. Sanh tử là vấn đề của duyên. Đối với Pháp thân hay Chân tâm, nó không dính dáng gì hết. Vì vậy trên phương diện sống với Pháp thân, sanh tử như trò chơi như ảo mộng, như huyền hóa không gì phải bận tâm. Cho nên có Thiền sư nói rằng “Đối với sanh tử bất quan hoài” nghĩa là đối với sanh tử không bận lòng.

Đối với sanh tử không bận lòng ở giai đoạn nào?

Ở giai đoạn đạt đạo? Thấy cái chân thật bất biến của mình, thì lúc đó đối với sanh tử không còn bận lòng. Còn chưa thấy cái đó sanh tử là việc lớn. Như vậy chúng ta thấy hai câu trên đều đúng, đối với người tu. Người tu mà chưa đạt đạo thì sanh tử là việc lớn. Khi đạt đạo rồi thấy sanh tử là trò chơi. Cho nên ngài Từ Minh mới nói “Sanh như đắp chăn đông - Tử như cởi áo hạ”.

Bởi vì chúng ta đã thấy mình có cái không sanh tử, nhưng vì lợi ích chúng sanh, cần phải có cái sanh để độ họ. Lúc đó sanh cũng như mùa đông được chiếc chăn đắp lên che ấm. Có gì mà sợ. Còn khi mình giáo hóa làm Phật sự mỗi một rồi, bỏ cái thân tứ đại này để trở về Pháp thân thanh tịnh

cũng như mùa nực cối chiếc áo, mát có gì mà lo. Như vậy trường hợp sanh đối với Ngài cũng như được đắp chăn trong mùa đông, tử coi như là cối chiếc áo trong mùa hạ, không có gì phải bận lòng sợ sệt.

Đó là đối với người đã được Pháp thân vì lợi ích chúng sanh phải sanh. Khi duyên hết thì tử. Sanh tử đối với các Ngài không bận lòng. Nhưng đối với chúng ta vấn đề đầu tiên là sanh tử sự đại. Nếu chúng ta chưa đạt đạo thì “Sanh tử sự đại” có giá trị. Khi chúng ta sống thuần thực trong Pháp thân bất sanh bất diệt, thấy sanh tử như trò chơi, không còn gì phải bận lòng nữa.

Khoảng giữa năm tôi hứng có làm một bài kệ như sau:

Gá thân mộng, đạo cảnh mộng

Mộng tan rồi, cười vỡ mộng

Ghi lời mộng, nhấn khách mộng

Biết được mộng, tỉnh cơn mộng

Lý do làm kệ:

Lúc đó tôi bắt đầu giảng Trung Quán Luận. Trong khi giảng Trung Quán, chúng tôi hứng thấy rõ cái gì mà chúng tôi muốn nói. Cho nên một đêm tôi ngồi ngoài trời nhớ lại lời của Tổ, hứng tôi làm ra bài kệ trên. Nhiều vị không biết, nói là tôi làm kệ là sắp từ già. Có người đồn tôi sắp tịch nên mới để kệ lại. Nhưng sự thật không phải vậy. Khi dạy Trung Quán, tôi thấy cái lẽ trong đó quá rõ ràng, cho nên hứng làm ra như vậy. Kệ đó có hai ý:

1- Chúng tôi ước định lại đời sống và ngày cuối cùng của chúng tôi.

2- Mong mọi những người sau nhận, hiểu như cái gì tôi đã hiểu.

Giờ đây tôi đi thẳng vào bài kệ để cho quý vị nhớ. Đầu tiên chúng tôi nói “Gá thân mộng, đạo cảnh mộng”. Quý vị nghĩ thế nào về câu “Gá thân mộng”.

Thân của chúng ta hiện giờ, như tôi thường giảng cho quý vị nghe, sự sống còn của nó, chúng ta thấy thật là quan trọng. Nhưng nếu dùng con mắt trí tuệ Bát-nhã mà thấy nó chẳng qua là một mớ nhân duyên hòa hợp lại thành sự sống. Sự sống do duyên mà có. Đủ duyên nó còn, thiếu duyên nó

mất. Không có gì là bảo đảm lâu dài hết. Trong tứ đại chúng ta phần trong gọi là nội tứ đại, phần ngoài gọi là ngoại tứ đại. Hai cái hỗ tương nhau. Có cái bên trong mà thiếu cái hỗ tương bên ngoài thì nó không còn. Có cái bên ngoài mà không có cái bên trong cũng không có. Vì vậy cuộc sống chúng ta sống hiện nay bằng cách tạm bợ vay mượn, tứ đại bên ngoài hòa hợp với tứ đại bên trong. Nếu không có sự vay mượn hòa hợp đó thì sự sống này mất. Vì vậy sống bằng cách tạm bợ không phải mộng là gì, không phải huyễn hóa là gì? Cho nên thân hiện giờ của chúng ta là thân tạm bợ như thân trong giấc mộng, không có gì lạ. Như vậy đối với sự sống này nếu biết rõ nó là tạm bợ là huyễn hóa thì tự nhiên chúng ta còn có cái gì nữa? Chẳng lẽ có thân huyễn hóa tạm bợ này thôi sao? Cho nên chúng tôi dùng chữ “gá”. Ai “gá”? Thật ra có cái gì đó nó tựa vào thân tứ đại này. Do nó tựa vào thân tứ đại này thành ra có cuộc sống. Và cái mà tựa vào thân tứ đại này không phải là huyễn hóa như tứ đại. Đó là để nói cho quý vị thấy không phải chỉ có thân tứ đại này là cứu kính là duy nhất mà nó còn có cái “chủ nhân ông” tựa vào nó. Nói “chủ nhân ông” đó là khi nào chúng ta tỉnh giấc. Nếu chưa tỉnh giấc thì phải nói danh từ khác tức là “nghiệp thức gá”. Như vậy cái gá đó là ông chủ chứ không phải là cái tâm thường. Chính cái thân tứ đại mới là cái tâm thường để cho ông chủ nương tựa. Khi gá vào thân tứ đại huyễn hóa hay mộng huyễn này thì cái cảnh mà thân tứ đại tới lui qua lại đó là cảnh thật hay không? Đó cũng là mộng. Thân tứ đại là mộng, cảnh của tứ đại tới lui qua lại cũng là mộng, nên nói rằng “đạo cảnh mộng”. Như Tổ Qui Sơn đã thường nhắc nhở, Ngài nói rằng: Người xuất gia thì phải coi mình như khách qua lại trong tam giới. Như vậy tam giới chẳng qua là một cảnh mộng mà người khách đó thường tới lui qua lại. Vì vậy người khách đó là người quan trọng, còn cái cảnh không phải là quan trọng. Ở đây tôi dùng câu đạo cảnh mộng vì đa số người đời chúng ta mắc kẹt trong cảnh, thấy cảnh này là thật, thấy cái này là của mình, thấy cái kia là của mình. Thấy tất cả cái gì cũng là của mình hết. Nhà của mình, đất của mình, tất cả cái gì cũng là của mình hết, cho nên được thì mừng mất thì khổ. Vì vậy mà chúng ta bị ngoại cảnh lôi cuốn, sống trong bất an, bất ổn. Nếu chúng ta thấy cuộc đời là mộng, ngoại cảnh là mộng, thân và cảnh đều là mộng thì còn gì là ràng buộc, còn gì là lo sợ, được mất đối với chúng ta như trò chơi, không còn gì phải là khổ đau nữa hết.

Đó là tôi diễn tả lại thân này và cảnh này mà chúng ta đang mang và đang ở. Khi cảnh này và thân này tan rồi thì thế nào? Đó là câu thứ ba “mộng tan rồi”. Đến câu thứ tư “cười vỡ mộng” tức là khi thân chúng ta thờ cái khì ra và không hít lại. Một khi trả ra mà không mượn lại là thân tứ đại sắp hoại. Thờ ra mà không hít lại là phong đại đã hết. Phong đại hết rồi thì hỏa đại do đó sẽ tan từ từ. Rồi tới thủy đại, địa đại, nó sẽ tan rã sau. Như vậy

một khi thở ra không hít lại thì thân tứ đại chúng ta không còn hoạt động như trước nữa. Khi đôi mắt chúng ta nhắm nghiền lại thì cảnh ở ngoài còn với chúng ta hay không? Vì khi hơi thở đã buông rồi thì con mắt cũng theo đó nhắm nghiền lại, lúc đó ngoại cảnh không còn gì với chúng ta nữa. Thân thiếu phong đại thì thân sắp tan, mắt không còn mở nhìn thấy nữa thì cảnh đời đối với chúng ta cũng vắng. Cho nên thân và cảnh lúc đó là mộng đã tan hoại. Nên nói rằng “mộng tan rồi”. Khi thân và cảnh đi tới chỗ tan hoại đó, đối với người đời sẽ làm sao? Nào là khóc biệt ly, thương cha, thương mẹ, thương anh, thương em, thương tất cả người chung quanh. Coi đó như là một chuyện đi không bao giờ gặp lại. Bao nhiêu tiếng khóc nức nở để rồi đau khổ vì cảnh biệt ly. Hoặc giả bản thân người đó họ sẽ khổ đau. Họ khổ đau vì cái gì? Như ngài Qui Sơn nói: “Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng” nghĩa là đường trước mờ mờ không biết về đâu. Khi sắp tắt thở nhớ lại mình không có đức hạnh gì, không biết rồi sẽ ra sao? Đó là cái đau khổ nhất của con người. Khi sắp ra đi không biết là mình đi đâu? Từ già anh em, từ già cha mẹ. Rồi đây mình sẽ không còn gặp lại tất cả mọi người, và bản thân mình sẽ ra sao? Đi đâu? Thật là đau khổ. Như vậy có hai cái khổ: cái khổ khóc vĩnh biệt và cái khổ không biết thân phận mình ra sao? Hai cái đó làm cho người sắp ra đi đau khổ tràn trề. Đó là thân phận những người không biết đạo. Nhưng ở đây tôi nói thế nào? “Mộng tan rồi, cười vỡ mộng.” Tại sao chúng ta lại cười vỡ mộng? Bởi vì mình biết đó là một giấc mộng. Đã biết là một giấc mộng thì khi hết mộng chúng ta trở về thật. Đang mê hết cơn mê chúng ta tỉnh. Vì biết đó là một cơn mê. Khi hết mê chúng ta còn sợ hay không? Khi biết đó là một cơn mê thì cơn mê dù đẹp, dù xấu, dù khổ, dù vui, chúng ta cũng thấy đó là một cơn mê. Và hết mê, là tỉnh biết rõ như vậy. Khi tỉnh còn có cái gì phải sợ nữa đâu. Như vậy cho nên khi chúng ta biết rõ đây là một cơn mộng, khi mộng tan chúng ta nở một nụ cười từ biệt mọi người và chúng ta an lành trở về quê cũ, chớ không có gì sợ sệt hết. Đó là “cười vỡ mộng”. Chúng ta chỉ còn một nụ cười để trở về quê hương mà ngàn thuở không bao giờ phai mờ, không bao giờ mất. Chúng ta từ khi gá thân này, chúng ta mang nó, sống với nó mà thấy là mộng ảo. Cảnh mà chúng ta đang dạo, đang qua, đang lại cũng là cảnh mộng ảo. Khi cái mộng ảo đó nó tan đi thì chúng ta chỉ là một nụ cười để trở về cái chân thật chớ không có gì lạ. Như vậy đó là cái an ổn lành mạnh nhất của con người khi thoát khỏi được cơn mê, cơn mộng.

Nói như vậy mà chúng tôi đã được như vậy chưa? Đó là một vấn đề ước định. Nói như vậy để chúng tôi tự nhắc rằng chúng tôi phải sống thế nào về cuộc sống này? Trong khi, sống mang thân này với cảnh này chúng tôi phải luôn luôn thấy nó là mộng. Và khi thân này sắp hoại chúng tôi thấy đó

là tan cơn mộng, chỉ là một nụ cười để cười vỡ mộng thôi, không có gì quan trọng hết. Đó là chúng tôi ước định ngày ra đi phải như vậy, chứ không phải là cái đang được như vậy. Đó cũng là một chương trình, một kế hoạch phác họa cho ngày ra đi phải như vậy đó. Chính cái phác họa đó là một ước định của chúng tôi nhắc nhở chúng tôi phải cố gắng làm sao khi ra đi được như vậy chứ không khác hơn. Nếu khác hơn là dở lắm rồi. Như vậy là phần của tôi, tôi đã định như vậy.

Phần quý vị thì sao? Chúng tôi nói thêm: “Ghi lời mộng, nhắn khách mộng” bây giờ vì nghĩ rằng chúng ta tự thấy mình sống trong cõi đời tạm bợ hư ảo nó không có gì thật, không lẽ mình biết nó hư ảo không thật rồi mình an ổn vui vẻ để cho người khác chìm lịm trong cơn mộng đó rồi khóc rồi khổ, đủ thứ đau đớn. Mình đâu có nở. Buộc lòng phải ghi lại ít lời nhắc lại những người khách cũng đồng hành với mình trong cơn mộng đó. Đó là với một tấm lòng nghĩ đến người sau thương xót người sau. Muốn làm sao cho ai cũng được khi ra đi với một nụ cười, chứ không phải là rơi lệ tràn trề. Rồi “ghi lời mộng”, tới “nhắn khách mộng” cái gì đây? Tức là “Biết được mộng, tỉnh cơn mộng”. Nhắn quý vị rằng, nếu một khi biết rõ sự sống này là mộng thì quý vị tỉnh được cơn mộng. Đó là chủ yếu làm sao mỗi người chúng ta đều phải thấy rõ lẽ thật của cuộc đời, chứ đừng có lầm lẫn trong cơn mê mộng mà mình tưởng nó là thật. Tưởng lầm nó là thật rồi chìm mãi trong cơn mê. Hết cơn mộng này đến cơn mộng khác. Chúng ta biết nó là mộng rồi thì chúng ta có thể tỉnh được cơn mộng. Tỉnh được cơn mộng thì mọi cái khổ vui trong mộng không còn gì chi phối được chúng ta hết. Đó là điều thiết yếu trong cuộc sống. Cho nên tôi có nói với ít người chung quanh rằng sau khi tôi vỡ mộng rồi thì quý vị khỏi cần họa hình họa tượng gì hết, chỉ cần biên tám câu đó, tám câu một câu ba chữ, hoặc bốn câu một câu sáu chữ để lại trên chỗ mà quý vị nhớ tôi đó. Để chỗ nào đó trên vách cũng được hay nơi nào cũng được để quý vị đọc tới đọc lui câu đó, có lợi hơn là họa hình to thờ mà không nhớ tới mấy câu đó cũng vô ích. Đó là ý nghĩa mà tôi làm bài kệ. Do sự thấy rõ như vậy nên khi làm bài kệ bắt buộc tôi phải sống như vậy. Ngày ra đi phải như vậy. Đó là ước định của tôi, và mong mỗi những người chung quanh và kẻ đi sau này cũng được như vậy.

Đó là sở nguyện tôi ước mong, chứ không phải là sự thật. Nên nhớ như vậy. Ước mong đó có thể thật mà cũng có thể chưa được. Nếu được, đó là cái hài lòng của tôi. Nếu chưa được là cái tôi chưa hài lòng, chẳng qua là sở nguyện vậy thôi.

Nói như vậy tôi cần nhắc cho tất cả quý vị biết. Bao nhiêu năm tôi giảng dạy ở đây quý vị đều thấy mỗi lần giảng dạy kể cả tôi là người hay giảng quý vị là người nghe giảng, trong lúc ấy người giảng và người nghe hình như chúng ta đều là kẻ tỉnh hết. Nhưng mà, sau cơn giảng rồi thì có lẽ người giảng cũng hay quên, người nghe lại càng quên hơn nữa. Như vậy, tỉnh, tỉnh rồi mê. Mà tỉnh thì ít, một tháng chỉ có mấy tiếng đồng hồ, còn mê thì quá dài. Nếu chúng ta gặp cơn ngủ mê quá mê, vừa mẫn mông thứ nhất, lúc đó chúng ta vừa hơi tỉnh. Tỉnh rồi mà chưa có sức ngồi dậy, rửa mặt mày hoặc đi ra và cũng còn ham ngủ nữa thì sao? Một cơn mông thứ hai tiếp nối. Qua cơn mông thứ hai hơi tỉnh một chút, thì tiếp tục cơn mông thứ ba nếu chúng ta còn thấy mỗi mết, còn ung nằm dài thì mông rồi tới mông. Như vậy thì mông không biết tới lúc nào mới hết. Chỉ khi nào chúng ta biết đó là mông, hoặc là mông vui mông buồn, sau cơn mông chúng ta nhất định trở dậy rửa mặt, rửa mày hoạt động bình thường, ra ngoài thì khả dĩ hết mông. Còn cứ nằm dài đó mãi thì càng mông chớ không thể hết được. Đó là ý nghĩa mông.

Bây giờ tới việc tu chúng ta. Nếu chúng ta biết cái dở là cái dở, điều nào là điều tạo nghiệp khổ cho chúng ta, chúng ta biết cái này là giả cái kia là thật, cái biết đó chưa đủ làm cho chúng ta giải thoát, chưa đủ làm cho chúng ta hết khổ. Biết rồi chúng ta còn phải hành. Cho nên trong nhà Phật dạy chúng ta học đạo là phải đủ văn tư tu. Văn là nghe, tư là suy nghĩ, nhận định đúng. Đó là phải, nhưng còn phải tu nữa. Có tu mới thật sự thoát ly sanh tử, mới ra khỏi bao nhiêu cái khổ đau. Nếu thiếu cái tu thì không bao giờ chúng ta thoát ly sanh tử được. Vì vậy cho nên hiểu rồi phải hành. Cái hành đó mới là thiết yếu. Như chúng tôi thường nói với quý vị: Cái chủ động trong cuộc luân hồi, sanh tử là ba nghiệp, cái chủ động của ba nghiệp là ý nghiệp. Ý nghiệp trong nhà Thiền gọi là vọng tưởng. Vọng tưởng đó là động cơ chính yếu để đưa chúng ta vào vòng luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn thoát ly sanh tử không gì hơn là chặn đứng hay là dừng lại vọng tưởng đó. Nói chặn nói dừng là một lối nói, đúng ra chúng ta nhẹ nhẹ buông nó. Biết rõ bộ mặt nó là không thật, buông nó rồi nó sẽ hết. Như vậy cái công phu buông xả đó thấy nó nhẹ đơn giản mà thật là phải kiên trì bền bỉ lâu dài mới buông hết được, chớ không thể nào một, hai, năm, mười năm mà được. Cho nên các vị hồi xưa muốn buông hết nó phải trải qua mấy mươi năm. Người lanh lợi nhất trong nhà Thiền ở Trung Quốc, là ngài Triệu Châu mà Ngài còn nói: Ngót ba mươi năm phải buông hết mới thành một khối. Hướng là chúng ta ở đây mới nhấp nhem mấy năm trời, buông sơ sạ, bảo hết làm sao mà hết được. Cho nên cái đó là phải công phu dai dẳng, phải nỗ lực bền chí mới có thể thực hiện được công trình đó. Như vậy chúng tôi nói rằng người quyết